

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH VIETTEL
VIETTEL CONSTRUCTION
JOINT STOCK CORPORATION

Số/No.: 11 /CBTT-VCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

Hanoi, April 08, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Organization name:* TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL/ *VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol:* CTR
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* Số 1 Giang Văn Minh, Phường Giảng Võ, Hà Nội/ *No.1 Giang Van Minh Street, Giang Vo Ward, Hanoi.*
- Điện thoại/ *Telephone:* 086.208.1111
- E-mail: *ir.viettelconstruction@viettel.com.vn.*

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Báo cáo thường niên năm 2025/ *The 2025 Annual Report.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/04/2026 tại đường dẫn <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/>.

This information was published on the company's website on April 08, 2026, as in the link <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu/ *Archived by:* VPHDQT. Anh03.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025/ *The 2025 Annual Report.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Nguyễn Ngọc Ánh

viettel
construction

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN
2025



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
TỔNG CÔNG TY	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel/TCT
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Gọi tắt là Viettel Construction/VCC
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BĐH	Ban điều hành - Ban Tổng giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
CBQL	Cán bộ quản lý
CBNV	Cán bộ, công nhân viên
CTV	Cộng tác viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VHKT	Vận hành khai thác
NLMT	Năng lượng mặt trời
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHCN	Khách hàng cá nhân
CNTT	Công nghệ thông tin
NSLĐ	Năng suất lao động
VTTB	Vật tư thiết bị
QTRR	Quản trị rủi ro
CĐS	Chuyển đổi số

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
"Hay"	Cơ chế trả lương do Hay Group – Tập đoàn tư vấn toàn cầu về lĩnh vực nhân sự tư vấn, xây dựng
TMForum	Hiệp hội ngành công nghiệp toàn cầu cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp của họ trong ngành viễn thông
Learn Six sigma	Mô hình quản lý kết hợp các nguyên tắc quản lý của Lean với các phương pháp Six Sigma. Lean giúp giảm thiểu chất thải và rút ngắn chu kỳ sản xuất ngay từ đầu, trong khi Six Sigma tập trung vào tinh chỉnh độ chính xác cho quy trình. Chúng song hành cùng nhau có thể coi là sự biến thể tích cực
Green belt	Chứng chỉ trong chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma
Yellow belt	Chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma
B2B	Business To Business – hình thức buôn bán, kinh doanh, giao dịch trực tiếp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp.
B2C	Business-to-consumer: kinh doanh với đối tượng khách hàng là người tiêu dùng cá nhân
BI	Business Intelligence – trí tuệ doanh nghiệp – công nghệ giúp doanh nghiệp hiểu biết về quá khứ, qua đó đưa ra quyết định, hành động và dự đoán tương lai
CRM	Customer relationship management: Quản lý quan hệ khách hàng
BSC	Balanced scorecard – BSC là một hệ thống quản lý, nó giúp cho doanh nghiệp thiết lập, thực hiện, giám sát, đo lường để đạt được các chiến lược & các mục tiêu của mình
BU	Business Unit : Đơn vị kinh doanh

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
Best practice	Thực hành tốt nhất
Mytel	Tên một nhà mạng viễn thông có trụ sở chính tại Yangon, Myanmar. Đây là dự án đầu tư của Viettel tại Myanmar.
Metfone	Tên một nhà mạng viễn thông có trụ sở chính tại Phnom Penh, Campuchia. Đây là dự án đầu tư của Viettel tại Campuchia.
ICT	Information & Communication Technologies: Công nghệ thông tin và Truyền thông
Smart solution	Một giải pháp tổng thể giúp kết nối các thiết bị điện, điện tử thành một hệ sinh thái thống nhất, qua đó người dùng có thể lập trình, điều khiển để chúng phối hợp hoạt động nhịp nhàng và hỗ trợ cho nhau
EPC	Engineering, Procurement and Construction: Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình.
RRU	Radio Remote Unit: Bộ điều khiển từ xa vô tuyến là đơn vị tần số được phân phối và tích hợp kết nối với mạng của nhà khai thác với thiết bị của người dùng
Smallcell	Một trạm phát sóng di động thu nhỏ, với tầm phủ sóng trong khoảng vài chục đến vài trăm mét
ROE	Return On Equity: Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
EPS	Earning Per Share: Lợi nhuận sau thuế của 1 cổ phiếu
ESOP	Employee Stock Ownership Plan: Cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho Người lao động

NỘI DUNG BÁO CÁO

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4	IV. Tình hình tài chính	27	III. Kế hoạch phát triển/ kế hoạch năm 2026	39
Thông điệp của Tổng Giám đốc	5	1. Tình hình tài chính	27	1. Dự báo về môi trường kinh doanh	39
Nhìn lại năm 2025	6	2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27	2. Chủ trương, định hướng triển khai hoạt động kinh doanh năm 2026	39
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	10	3. Phân tích tài chính	28	3. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch	40
I. Thông tin cơ bản khái quát	11	V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29	4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026	40
II. Lịch sử hình thành và phát triển	11	1. Thông tin cơ bản cổ phiếu	29	5. Nhiệm vụ cụ thể các lĩnh vực	41
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13	2. Diễn biến giao dịch của cổ phiếu	29	IV. Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	43
IV. Mô hình/ Cơ cấu tổ chức	14	3. Cơ cấu cổ đông	30	V. Đánh giá báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường	43
V. Công ty con/ Công ty liên kết	15	4. Lịch sử tăng vốn/ Phát hành cổ phiếu/ Chi trả cổ tức	30	PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	44
VI. Định hướng phát triển	16	5. Lịch sử chi trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	31	I. Đánh giá các mặt hoạt động của Tổng Công ty	45
VII. Quản trị rủi ro	17	VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường xã hội	32	II. Đánh giá của HĐQT về trách nhiệm với các bên hữu quan	47
PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	21	PHẦN 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33	III. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của ban điều hành	49
I. Tình hình hoạt động SXKD	22	I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34	IV. Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2026	49
II. Tổ chức và nhân sự	24	1. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch	34	PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	50
1. Danh sách ban điều hành (Ban TGD và Kế toán trưởng)	24	2. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh	34	I. HĐQT và các tiểu ban	51
2. Số lượng người lao động	25	3. Đánh giá tình hình tài chính	35	II. Ban kiểm soát	56
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư	26	II. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	36	PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	60
1. Các khoản đầu tư lớn, tình hình thực hiện các dự án đầu tư	26	1. Hoạt động liên quan con người, quy trình, công nghệ, quản trị	36		
2. Công ty con và tình hình hoạt động/Tài chính	26	2. Triển khai các hoạt động trải nghiệm của Tổng Công ty	37		

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBNV,

Nhìn lại năm 2025 – một năm ghi dấu nhiều sự kiện trọng đại của đất nước như Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 80 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; cùng với Đại hội Đảng bộ các cấp... – để góp phần vào niềm vui chung của dân tộc, cùng Viettel Group, Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel đã tập trung cao độ, huy động tối đa nguồn lực, đảm bảo mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt, an toàn và chất lượng cao phục vụ khách hàng trong các dịp lễ lớn.

Năm 2025 cũng là năm thiên nhiên diễn biến bất thường, với cường độ và tần suất thiên tai gia tăng trên diện rộng. Chúng ta đã phải ứng phó với 15 cơn bão, 6 cơn áp thấp nhiệt đới cùng nhiều đợt mưa lũ lịch sử tại nhiều địa phương. Trong bối cảnh đó, “Người Công trình Viettel” đã thể hiện rõ bản lĩnh, tinh thần trách nhiệm và sự hy sinh thầm lặng khi nhiều cán bộ, nhân viên tuyến đầu tham gia ứng cứu, khắc phục hậu quả thiên tai trong thời gian dài, xa gia đình. Những nỗ lực đó không chỉ góp phần đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt mà còn khẳng định giá trị cốt lõi và trách nhiệm xã hội của Tổng Công ty.

Năm 2025 cũng mang ý nghĩa đặc biệt khi đánh dấu 30 năm hình thành và phát triển của Viettel Construction. Trải qua ba thập kỷ, Tổng Công ty luôn đồng hành cùng những giai đoạn khó khăn, thách thức của đất nước, không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời thực hiện trọn vẹn sứ mệnh “Dựng xây cuộc sống mới”.

Bước sang giai đoạn phát triển mới, Tổng Công ty đã xây dựng Chiến lược giai đoạn 2026–2030 với tầm nhìn và khát vọng lớn: Phấn đấu lọt Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; đồng thời, trong từng lĩnh vực hoạt động, hướng tới vị thế dẫn đầu thị trường, đóng vai trò tiên phong và dẫn dắt.

Song song với mục tiêu tăng trưởng, Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực tiên tiến, tăng cường minh bạch, quản trị rủi ro và phát triển bền vững hướng tới nâng cao giá trị doanh nghiệp và lợi ích cổ đông.

Những thành tựu trong suốt 30 năm qua, cùng với danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, là nền tảng, là niềm tin để chúng tôi vững vàng triển khai các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên đã luôn tin tưởng, đồng hành và đóng góp vào sự phát triển của Tổng Công ty trong thời gian qua. Chúng tôi cam kết tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo dựng giá trị bền vững và mang lại lợi ích lâu dài cho các bên liên quan.

Chúng tôi tin tưởng sẽ tiếp tục nhận được sự đồng hành, ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển sắp tới.

Trân trọng cảm ơn!

Đại tá Đỗ Mạnh Hùng
Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2025 khép lại với nhiều biến động của kinh tế toàn cầu cũng như trong nước. Ngành xây dựng - hạ tầng đứng trước áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, yêu cầu cao hơn về chất lượng, tiến độ, tính bền vững và khả năng ứng dụng công nghệ. Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel vẫn kiên định với định hướng phát triển dài hạn, nỗ lực đổi mới toàn diện để duy trì đà tăng trưởng và tạo dựng những giá trị bền vững cho cổ đông.

Nhìn lại một năm vừa qua, chúng tôi tự hào khi Viettel Construction tiếp tục duy trì nền tảng tăng trưởng ổn định, mở rộng quy mô hoạt động và từng bước khẳng định vị thế của một doanh nghiệp xây dựng - hạ tầng công nghệ hàng đầu tại Việt Nam với doanh thu đạt 14.050 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 745.1 tỷ đồng, thiết lập một cột mốc mới trong chặng đường phát triển. Kết quả đạt được không chỉ đến từ sự quyết tâm của tập thể cán bộ nhân viên mà còn là sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ bền bỉ của Quý cổ đông.

Trong năm qua, Viettel Construction tiếp tục mở rộng hoạt động trên nhiều lĩnh vực trọng tâm. Bên cạnh việc duy trì vai trò nòng cốt trong xây dựng và vận hành hạ tầng viễn thông, Tổng Công ty đã đẩy mạnh phát triển các mảng kinh doanh mới như xây dựng dân dụng - công nghiệp, năng lượng tái tạo, vận hành hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp dịch vụ tích hợp. Những bước đi này không chỉ giúp đa dạng hóa nguồn doanh thu mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Một trong những định hướng chiến lược quan trọng của Viettel Construction là chuyển đổi số toàn diện trong quản trị và vận hành. Trong năm qua, chúng tôi đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý dự án, điều hành sản xuất, kiểm soát chất lượng và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Việc số hóa các quy trình không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn giúp gia tăng tính minh bạch, tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh ngành xây dựng đang bước vào giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ.

Song song với chuyển đổi số, Viettel Construction cũng kiên định theo đuổi mục tiêu chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Các giải pháp năng lượng sạch, đặc biệt là điện mặt trời áp mái và các mô hình hạ tầng tiết kiệm năng lượng, đang ngày càng trở thành một phần quan trọng trong hệ sinh thái dịch vụ của Tổng Công ty. Chúng tôi tin rằng phát triển kinh tế phải đi đôi với trách nhiệm môi trường và xã hội, và đây cũng chính là hướng đi tất yếu của ngành xây dựng trong tương lai.

Bước sang năm 2026 và các năm tiếp theo, Viettel Construction đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao năng lực thi công, mở rộng thị trường, đồng thời phát triển các lĩnh vực kinh doanh có hàm lượng công nghệ cao. Chúng tôi hướng tới xây dựng Viettel Construction trở thành doanh nghiệp cung cấp giải pháp hạ tầng và xây dựng toàn diện, có khả năng tham gia sâu vào các dự án quy mô lớn trong nước và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Những mục tiêu lớn luôn đi kèm với những thách thức không nhỏ. Nhưng với nền tảng văn hóa Viettel, tinh thần tiên phong, kỷ luật và sáng tạo của hơn 11.000 cán bộ nhân viên, cùng sự đồng hành của Quý cổ đông, chúng tôi tin tưởng rằng Viettel Construction sẽ tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Viettel Construction trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ của Quý vị chính là động lực để chúng tôi tiếp tục nỗ lực đổi mới, phát triển và kiến tạo những giá trị bền vững cho doanh nghiệp, cho cộng đồng và cho xã hội.

Kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, thành công và tiếp tục gắn bó với hành trình phát triển của Viettel Construction!

Trân trọng.

Đại tá Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc Tổng Công ty

NHÌN LẠI NĂM 2025

I. CON SỐ ẤN TƯỢNG

13.939 tỷ đồng
Doanh thu

30,5%
ROE

8.186 tỷ đồng
Tổng tài sản

12.000 trạm
Số trạm BTS công ty sở hữu

746 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế

7,8%
ROA

2.067 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu

1.720 căn nhà
Số căn nhà thi công trong năm

600 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế

9.666 tỷ đồng
Vốn hóa thị trường cổ phiếu
tại 31/12/2025

10.000 khách hàng
Lắp đặt hệ thống NLMT
~166 MWp

II. SỰ KIỆN NỔI BẬT

01 Đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động



02 Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp

03 Hoàn thành tinh gọn mô hình tổ chức

04

Bảo đảm hạ tầng viễn thông cho sự kiện A80



05

Kỷ niệm 30 năm thành lập

06

Vững vàng trước mưa bão lịch sử

07

Hoàn thành kế hoạch SXKD, nâng cao thu nhập người lao động

08

Hoàn thành vượt kế hoạch phủ sóng 5G của Tập đoàn





09 *Xây dựng dân dụng mở rộng thị trường, khẳng định năng lực tổng thầu*

10 *Giữ vững vị trí TowerCo số 1 Việt Nam*

11 *Phủ xanh bản đồ năng lượng sạch*

12 *Đạt 16 giải thưởng trong nước và quốc tế*



THÔNG TIN CHUNG



I. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT

Tên đầy đủ : Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Tên viết tắt : Viettel Construction
Trụ sở chính : Số 1 Giang Văn Minh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch : Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (024) 6275 1783 **Fax**: (024) 6275 1783
Website : <https://viettelconstruction.com.vn/>
Logo :

viettel
construction

Vốn điều lệ đăng ký : 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)
Vốn điều lệ thực góp : 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)
Giấy CNĐKDN : Giấy CNĐKDN số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 31/07/2025
Mã số thuế : 0104753865
Người đại diện theo pháp luật : Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là đơn vị hạch toán độc lập, một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sở hữu nguồn lực lên đến 11.000 người và mạng lưới hoạt động trải dài khắp 34 tỉnh thành trên cả nước, Viettel Construction là đơn vị cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 4 lĩnh vực Kinh doanh chính: Đầu tư Hạ tầng, Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2C và B2B), Giải pháp & Dịch vụ Kỹ thuật và Vận hành Khai thác.

Đến nay sau 30 năm hoạt động, Viettel Construction đã xây dựng hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), bao phủ 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

DỪNG XÂY
CUỘC SỐNG MỚI
Create A New Life



CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN



Giai đoạn 1995 - 2003

- » Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.
- » Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.



- » Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.
- » Năm 2006, Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.
- » Tháng 12/2007, thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.
- » Nhận Bằng khen của Bộ Quốc phòng.



Giai đoạn 2004 - 2009

- » Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH NMTV Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- » Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- » Năm 2014, thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.
- » Năm 2015, Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar
- » Đạt Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ và Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì.

Giai đoạn 2010 - 2017



Giai đoạn 2018 - 2020



- » Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.
- » Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.
- » Doanh thu năm 2020 đạt mốc 6.381 tỷ ~ 106% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 274 tỷ ~ 136% kế hoạch.
- » Đạt Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, Giải Vàng International Business Awards 2020, People's Choice Stevie Awards 2020, VNR500.



- » Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- » Năm 2023: Viettel Construction ghi nhận doanh thu 11.399,4 tỷ đồng. Giữ vững vị thế TowerCo số 1 Việt Nam.
- » Năm 2025 đạt gần 14.057 tỷ đồng và LNST đạt 600 tỷ đồng.
- » Đạt Danh hiệu Anh hùng Lao động.

Giai đoạn 2021 - 2025



III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

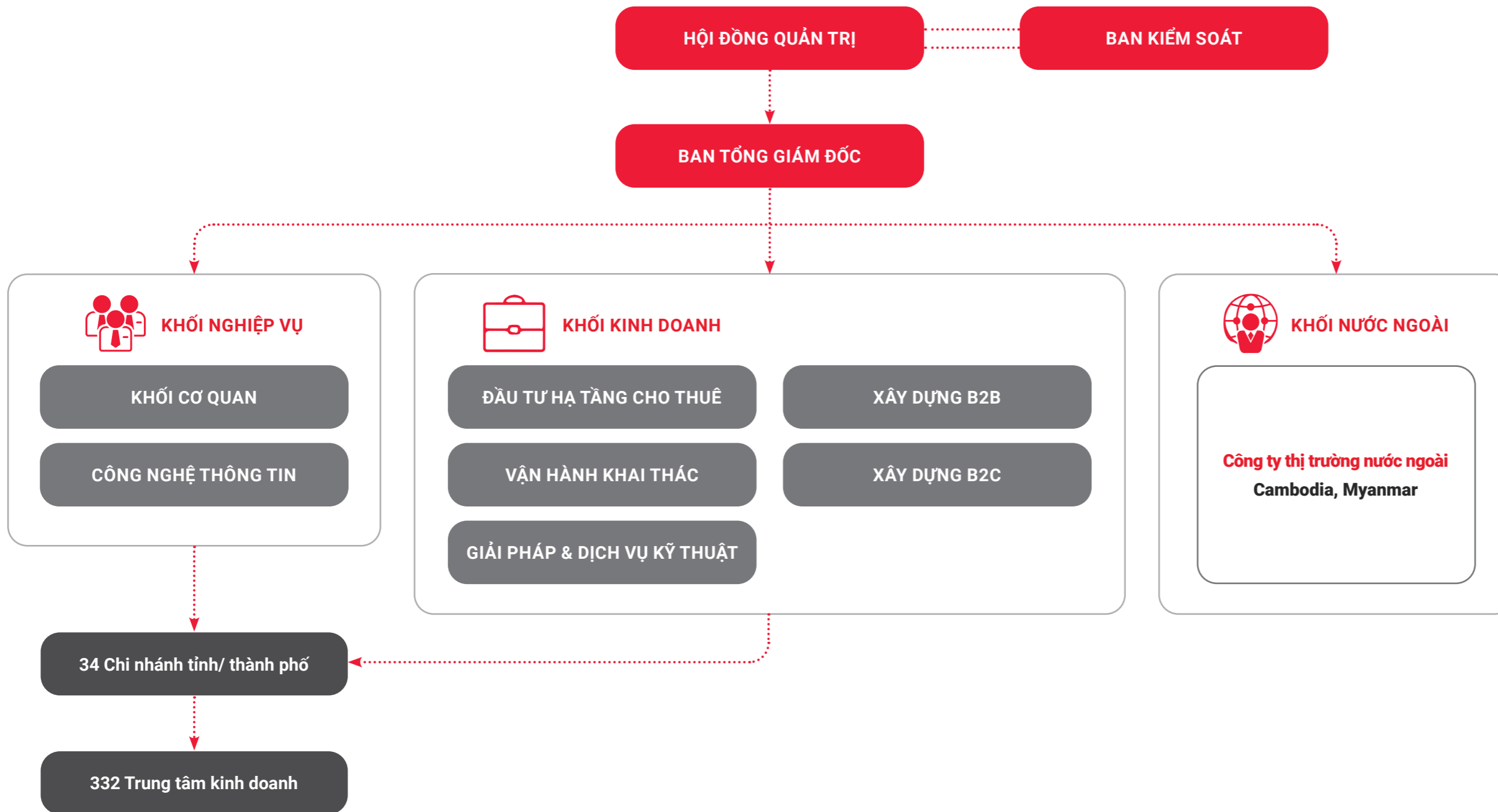
STT	Lĩnh vực	Nhóm SPDV	Tên SPDV
1	Vận hành khai thác	Vận hành khai thác trong nước và nước ngoài	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin trạm, tuyến cáp và hộp cáp CĐBR lớp mạng truy nhập; Quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng
2	Xây lắp	Xây lắp hạ tầng mạng viễn thông	Dịch vụ xây dựng, lắp đặt, củng cố, bảo dưỡng hệ thống nhà trạm, cột anten, cột truyền hình, hệ thống tiếp địa thoát sét, hệ thống cáp quang...
3	Xây lắp	Xây dựng dân dụng B2B	Xây dựng hạ tầng các dự án xây dựng (Nhà ở, khu nghỉ dưỡng, khu công nghiệp, nhà xưởng...); Hạ tầng công trình Thủy lợi, Giao thông; Cầu Cảng ...
4	Xây lắp	Xây dựng dân dụng B2C&SME	Xây dựng các công trình nhà ở cá nhân, nhà xưởng, văn phòng làm việc, trường học....
5	Hạ tầng cho thuê	Trạm BTS	Đầu tư Hạ tầng trạm BTS cho thuê, hệ thống nguồn cho trạm BTS cho thuê
6	Hạ tầng cho thuê	Hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển	Đầu tư xây dựng hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển
7	Hạ tầng cho thuê	Năng lượng tái tạo	Điện năng lượng mặt trời
8	Hạ tầng cho thuê	DAS và CĐBR	DAS và CĐBR

STT	Lĩnh vực	Nhóm SPDV	Tên SPDV
9	Hạ tầng cho thuê	Cống bể cho thuê	Cống bể cho thuê, cáp quang treo
10	Giải pháp tích hợp	Bán lẻ & Phân phối thiết bị hàng hóa	Bán lẻ và phân phối các thiết bị hàng hóa (không bao gồm lắp đặt) của các lĩnh vực: Điện gia dụng, thiết bị smarhome, thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống năng lượng mặt trời do TCT OEM hoặc phân phối từ các nhãn hàng.
11	Giải pháp tích hợp	Giải pháp Cơ điện và Năng lượng	Hệ thống điện nặng, điện nhẹ; Hệ thống chữa cháy; Hệ thống chiếu sáng, chiếu sáng khẩn cấp, đèn năng lượng mặt trời; Máy phát điện; Hệ thống camera; Hệ thống năng lượng mặt trời
12	Dịch vụ kỹ thuật	Dịch vụ bảo dưỡng, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị gia đình (B2C)	Dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các thiết bị gia đình bao gồm: Điều hòa/ Máy giặt/ Máy lọc nước/ Bình nóng lạnh/ Năng lượng mặt trời/smarhome.
13	Dịch vụ kỹ thuật	Dịch vụ thi công lắp đặt hoặc dịch vụ vận hành bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống năng lượng tái tạo	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ thi công, lắp đặt mới hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm. Dịch vụ vận hành bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm

Các sản phẩm dịch vụ trên được Tổng Công ty cung cấp tại 34 tỉnh/TP tại Việt Nam.



IV. MÔ HÌNH/ CƠ CẤU TỔ CHỨC



Hội đồng Quản trị: 5 thành viên, 01 thành viên độc lập

Ban kiểm soát: 3 thành viên

Ban Tổng Giám đốc: 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc.

Khối Hỗ trợ, nghiệp vụ:

- ▶ Khối cơ quan (gồm 10 phòng): Phòng Chính trị; Phòng Nhân sự; Văn phòng; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Mua sắm; Phòng Thương hiệu & Truyền thông; Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ; Phòng Kỹ thuật công nghệ; Phòng Chiến lược Kinh doanh; Phòng Chăm sóc khách hàng.

- ▶ Trung tâm Công nghệ thông tin.

Khối kinh doanh (05 trung tâm):

- ▶ Lĩnh vực VHKT: Trung tâm Vận hành khai thác
- ▶ Lĩnh vực giải pháp & dịch vụ kỹ thuật: Trung tâm Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật
- ▶ Lĩnh vực xây lắp viễn thông, đầu tư hạ tầng: Trung tâm Đầu tư hạ tầng
- ▶ Lĩnh vực xây dựng dân dụng: Trung tâm xây dựng B2C; Trung tâm xây dựng B2B.

Khối trực tiếp SXKD:

- ▶ 34 Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP.
- ▶ Công ty thị trường nước ngoài: 02 Công ty tại thị trường đang hoạt động tại các nước: Myanmar, Cambodia.

V. CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT

VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD

Địa chỉ: 22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom Pênh, Campuchia

Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

Vốn điều lệ: 10.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD

Địa chỉ: Số 39, Đường Inya Myaing, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar

Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

Vốn điều lệ: 10.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%



VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.



SỨ MỆNH

Thúc đẩy chuyển đổi số công trình và hạ tầng thông minh cho doanh nghiệp và hộ gia đình; cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp với chất lượng cao và chi phí cạnh tranh

Mục tiêu đến năm 2030

- ▶ Thuộc Top 100 Doanh nghiệp doanh thu lớn nhất Việt Nam (VNR 500).
- ▶ Cung cấp hệ sinh thái khép kín Tư vấn - Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu - Đầu tư, đạt Top 1-3 thị trường ở các lĩnh vực kinh doanh chính gồm: Vận hành khai thác (VHKT), Đầu tư hạ tầng (ĐTHT), Xây dựng, Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật (GP&DVKT).

Mục tiêu cụ thể

- ▶ Tổng doanh thu đạt 28.790 tỷ đồng vào năm 2030, tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) giai đoạn đạt 15,6%.
- ▶ Lợi nhuận trước thuế đạt 1.315 tỷ đồng vào năm 2030, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đạt 4,6%, tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) giai đoạn đạt 12%/năm.
- ▶ Giải pháp kinh doanh:
 - Mở rộng kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ mới (i) VHKT: hạ tầng IoT, trạm sạc điện, Data Center, camera giao thông... (ii) Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, công trình năng lượng tái tạo... (iii) Xây dựng: kinh doanh bất động sản, nội thất, EPC smart city... (iv) GP&DVKT: dự án năng lượng mặt trời tại thị trường nước ngoài.
 - Chủ động nghiên cứu và nắm bắt cơ hội tham gia vào các công trình trọng điểm quốc gia, quy mô lớn.
 - Mở rộng kinh doanh ra các thị trường mới như Dominica, Australia... Chủ động tham gia nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội tại các thị trường, văn phòng đại diện mà Tập đoàn có định hướng đầu tư.



VII. QUẢN TRỊ RỦI RO

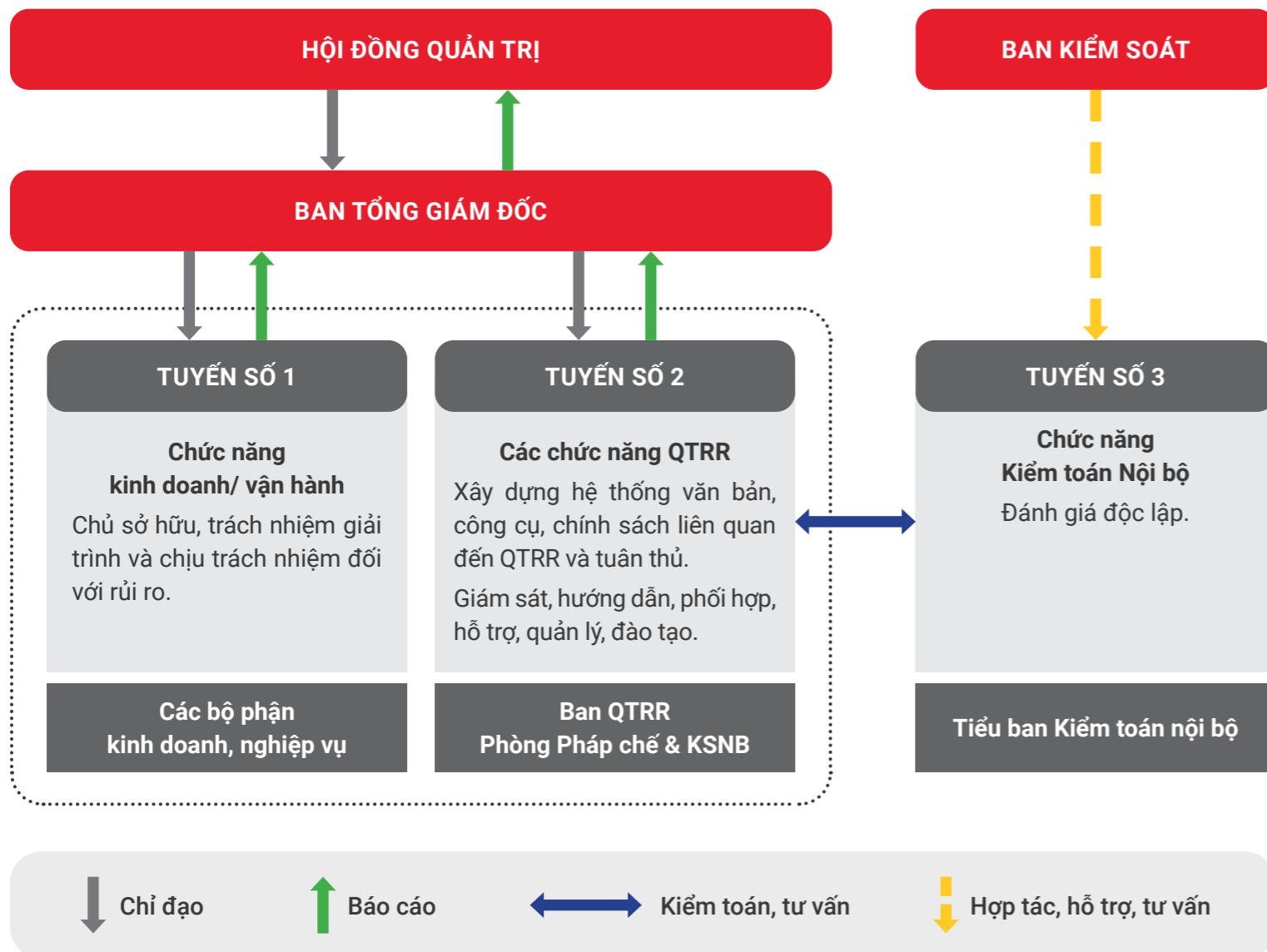
Bước sang năm 2025, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều biến động đa chiều (Chiến tranh, bùng nổ công nghệ AI, giá cả biến động...), Tổng Công ty đã chủ động chuyển đổi thách thức thành cơ hội thông qua chiến lược quản trị rủi ro linh hoạt và tăng trưởng bền vững.

Quản trị rủi ro được triển khai như một năng lực cốt lõi,

tích hợp xuyên suốt toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh – từ hoạch định chiến lược, lập kế hoạch SXKD, triển khai dự án đầu tư đến quản lý các thay đổi trọng yếu như tái cơ cấu tổ chức, điều chỉnh chính sách, quy trình và hệ thống công nghệ.

Năm 2025, hệ thống QTRR đã đạt được mức độ trưởng thành 5.

1. Cơ cấu QTRR tại Tổng Công ty



Hệ thống Quản trị rủi ro tại TCT được chuẩn hóa theo mô hình Ba tuyến phòng vệ, tạo lập một cấu trúc quản trị chặt chẽ, xuyên suốt và chủ động. Mô hình này không chỉ là công cụ kiểm soát mà còn là nền tảng bảo vệ giá trị doanh nghiệp trước những biến động phức tạp của thị trường. Cụ thể:

Tuyến phòng thủ thứ nhất là các chủ sở hữu rủi ro, bao gồm các Trung tâm kinh doanh, khối nghiệp vụ vận hành và 34 Chi nhánh Công trình tỉnh/thành phố trực thuộc TCT. Đây là lực lượng trực tiếp phát sinh và tiếp xúc với rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày, chịu trách nhiệm tuân thủ quy trình, quy định của TCT và quản lý rủi ro trong phạm vi chức năng được giao. Các đơn vị có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro ngay trong các quy trình nghiệp vụ, bảo đảm mọi giao dịch và dự án được triển khai trong ngưỡng chấp nhận rủi ro cho phép.

Tuyến phòng thủ thứ hai do Phòng Pháp chế & Kiểm soát nội bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ chuyên trách. Tuyến này chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành khung quản trị rủi ro của TCT thông qua việc ban hành

chính sách, quy định, bộ chỉ số rủi ro chính (KRI) và các công cụ định lượng, số hóa rủi ro. Đồng thời, Tuyến 2 thực hiện chức năng phản biện độc lập, giám sát việc thực thi của Tuyến 1, cung cấp cảnh báo sớm về rủi ro hệ thống và tư vấn cho Ban điều hành nhằm bảo đảm tính nhất quán và hiệu quả trong toàn hệ thống.

Tuyến phòng thủ thứ ba là Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, thực hiện vai trò cung cấp sự bảo đảm độc lập và khách quan cao nhất đối với hiệu lực và hiệu quả của hai tuyến phòng thủ trước. Tuyến 3 không tham gia vận hành hay xây dựng chính sách, mà tập trung đánh giá, kiểm chứng thông qua các cuộc kiểm toán dựa trên rủi ro; qua đó xác minh mức độ tuân thủ, đánh giá độ tin cậy của khung quản trị và kiến nghị các cải tiến mang tính chiến lược nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro tổng thể của TCT. Mô hình vận hành ba tuyến tại TCT tạo nên một cơ chế chủ động kiểm soát và thích ứng với biến động thị trường. Điều này giúp TCT không chỉ phòng thủ trước các rủi ro tài chính, pháp lý và vận hành, mà còn tăng cường phát triển bền vững và hiện thực hóa mục tiêu trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất đến năm 2030.



2. Chính sách Quản trị rủi ro

Chính sách Quản trị rủi ro (QTRR) của VCC quy định các nguyên tắc, yêu cầu và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro và phòng, chống gian lận trên toàn Tổng Công ty. Đây là cơ sở pháp lý để Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc triển khai các biện pháp kiểm soát, bảo đảm việc thực hiện được áp dụng thống nhất, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của VCC.

Chính sách QTRR được rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ hằng năm hoặc hằng quý, cũng như cập nhật đột xuất khi có thay đổi trọng yếu về môi trường kinh doanh, khung pháp lý, chiến lược phát triển hoặc các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VCC, nhằm bảo đảm khả năng thích ứng linh hoạt trước biến động thị trường và giảm thiểu rủi ro phát sinh.

4. Rủi ro trọng yếu

RỦI RO TÀI CHÍNH

Công tác quản trị rủi ro tài chính tại VCC được triển khai đồng bộ và có hệ thống nhằm bảo đảm an toàn dòng tiền, kiểm soát hiệu quả các rủi ro thanh khoản, công nợ, chi phí và biến động tài chính trong toàn Tổng Công ty. Hoạt động này được tích hợp xuyên suốt từ khâu lập kế hoạch tài chính, quản lý ngân sách, triển khai dự án đến theo dõi, thu hồi công nợ và quyết toán, góp phần duy trì khả năng thanh toán và ổn định tài chính trong mọi điều kiện thị trường.

VCC áp dụng hệ thống chỉ số rủi ro tài chính (KRI) được tính toán tự động trên phần mềm quản trị, cho phép theo dõi liên tục các dấu hiệu cảnh báo sớm như biến động dòng tiền, tỷ lệ công nợ quá hạn, mức sử dụng hạn mức tín dụng và chênh lệch chi phí so với kế hoạch. Khi các KRI vượt ngưỡng cảnh báo, hệ thống tự động yêu cầu đơn vị liên quan xây dựng và triển khai biện pháp ứng phó kịp thời nhằm đưa rủi ro về trong ngưỡng chấp nhận, hỗ trợ Ban điều hành ra quyết định chủ động và duy trì tăng trưởng tài chính an toàn, bền vững.

Tổng Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật bộ khung tiêu chí đánh giá năng lực chủ đầu tư và ban hành các hướng dẫn thống nhất cho các Chi nhánh Công trình trong công tác đàm phán, ký kết hợp đồng, qua đó hạn chế rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán ngay từ đầu. Song song với đó, VCC đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi tiến độ và dòng tiền dự án theo thời gian thực, cho phép nhận diện và cảnh báo sớm các rủi ro tài chính phát sinh trong quá trình triển khai.

Trách nhiệm kiểm soát dòng tiền và thu hồi công nợ được giao cụ thể đến từng cá nhân và đơn vị kinh doanh, gắn với các chỉ số KPI/KRI tài chính và cơ chế giám sát minh bạch. Khi các chỉ số rủi ro vượt ngưỡng cảnh báo, hệ thống tự động kích hoạt yêu cầu triển khai biện pháp ứng phó nhằm đưa rủi ro về trong ngưỡng chấp nhận, qua đó tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, bảo vệ lợi ích của cổ đông và bảo đảm thu nhập, quyền lợi chính đáng của người lao động.

3. Báo cáo rủi ro

Hệ thống báo cáo Quản trị rủi ro của Tổng Công ty được vận hành hằng tháng trên phần mềm kiểm soát nội bộ, cung cấp cho Ban Tổng Giám đốc các KPI/KRI trọng yếu nhằm theo dõi mức độ tuân thủ, hiệu quả kiểm soát và mức độ rủi ro tại các Chi nhánh Công trình. Các Chỉ số rủi ro chính (KRI) được hệ thống tính toán tự động, bảo đảm dữ liệu kịp thời, khách quan và nhất quán, đồng thời hiển thị cảnh báo theo ngưỡng Xanh – Vàng – Đỏ. Các KRI khi vượt ngưỡng cảnh báo được hệ thống tự động kích hoạt yêu cầu xây dựng và triển khai biện pháp ứng phó, nhằm đưa mức độ rủi ro trở lại trong ngưỡng chấp nhận cho phép Báo cáo tập trung vào xu hướng biến động KRI, các chỉ số vượt ngưỡng, nguyên nhân cốt lõi và hành động khắc phục của đơn vị; qua đó hỗ trợ Ban điều hành ra quyết định kịp thời, tăng cường tự kiểm tra – tự giám sát tại cơ sở và bảo đảm tăng trưởng kinh doanh an toàn, bền vững.

RỦI RO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Quản trị rủi ro an ninh mạng tại VCC được xác định là một trụ cột quan trọng trong bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, an toàn và ổn định trong bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng. Công tác này được triển khai theo hướng phòng ngừa chủ động, kết hợp giữa kiểm soát kỹ thuật, quy trình quản lý và nâng cao nhận thức người dùng, nhằm bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu và tài sản số của Tổng Công ty trước các nguy cơ tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu và gián đoạn dịch vụ.

VCC xây dựng và vận hành hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung, tích hợp các chỉ số rủi ro chính (KRI) về an toàn thông tin được tính toán và theo dõi tự động, cho phép nhận diện sớm các dấu hiệu bất thường như sự cố truy cập trái phép, lỗ hổng bảo mật, vi phạm phân quyền hoặc gián đoạn hệ thống. Khi các KRI vượt ngưỡng cảnh báo, hệ thống tự động kích hoạt quy trình ứng phó sự cố, yêu cầu đơn vị liên quan triển khai biện pháp khắc phục kịp thời nhằm giảm thiểu tác động và đưa mức độ rủi ro về trong ngưỡng chấp nhận.

Song song với các giải pháp kỹ thuật, VCC chú trọng hoàn thiện khung chính sách, quy trình an toàn thông tin, phân định rõ trách nhiệm của từng cá nhân và đơn vị trong việc bảo vệ hệ thống CNTT, đồng thời tăng cường đào tạo, truyền thông nội bộ về an ninh mạng. TCT đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu theo các quy chuẩn bảo mật của Tập đoàn Viettel. Thông qua việc kết hợp quản trị rủi ro, công nghệ và con người, VCC từng bước nâng cao năng lực phòng thủ mạng, bảo đảm an toàn dữ liệu, duy trì uy tín thương hiệu và hỗ trợ phát triển kinh doanh bền vững.

RỦI RO TUÂN THỦ

Quản trị rủi ro không tuân thủ quy định pháp luật tại VCC được triển khai một cách chủ động và hệ thống nhằm bảo đảm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và vận hành tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, điều lệ và quy định nội bộ, qua đó hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý, tài chính và uy tín. Công tác tuân thủ được tích hợp xuyên suốt từ khâu hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách, ký kết hợp đồng đến triển khai dự án và quản lý vận hành, với trọng tâm là phòng ngừa rủi ro ngay từ đầu.

Trên cơ sở đó, VCC xây dựng khung tuân thủ thống nhất trong toàn Tổng Công ty, xác định rõ các nghĩa vụ pháp lý trọng yếu, rủi ro không tuân thủ và biện pháp kiểm soát tương ứng cho từng lĩnh vực, chức năng và vị trí công việc. Đồng thời, Tổng Công ty triển khai cơ chế chấm điểm tuân thủ đối với cá nhân và đơn vị dựa trên các tiêu chí đo lường cụ thể, khách quan, gắn với kết quả thực thi, mức độ vi phạm, việc thực hiện các khuyến nghị khắc phục và mức độ chủ động trong nhận diện, báo cáo rủi ro.

Các chỉ số rủi ro tuân thủ (KRI) và điểm tuân thủ được theo dõi, tính toán tự động trên hệ thống quản lý, cho phép nhận diện sớm các dấu hiệu vi phạm hoặc suy giảm mức độ tuân thủ. Khi các chỉ số vượt ngưỡng cảnh báo, hệ thống tự động kích hoạt yêu cầu rà soát, khắc phục và triển khai biện pháp phòng ngừa nhằm đưa rủi ro về trong ngưỡng chấp nhận.

Song song với đó, Tổng Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp lý và quy trình nội bộ cho đội ngũ cán bộ quản lý, đồng thời tăng cường hoạt động hậu kiểm, kiểm tra định kỳ và đột xuất tại các đơn vị nhằm kịp thời phát hiện sai phạm, xử lý các lỗ hổng quản trị và ngăn ngừa tái diễn. Thông qua các biện pháp đồng bộ này, VCC từng bước củng cố kỷ luật pháp chế, nâng cao văn hóa tuân thủ và xây dựng niềm tin bền vững đối với Khách hàng và Cổ đông.

RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng tại VCC có thể phát sinh từ bất kỳ phản hồi tiêu cực nào trên không gian mạng, từ ý kiến không hài lòng của khách hàng, thông tin bất lợi trên báo chí – truyền thông, cho tới sự thiếu hụt hoặc chậm trễ thông tin chính thống, qua đó tác động trực tiếp đến hình ảnh, uy tín và giá trị thương hiệu của Tổng Công ty trên thị trường. Nhận thức rõ tính lan truyền nhanh và mức độ ảnh hưởng sâu rộng của loại rủi ro này, VCC xác định quản trị rủi ro danh tiếng là một trụ cột quan trọng trong hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Để chủ động kiểm soát, VCC đã xây dựng và vận hành hệ thống chăm sóc khách hàng theo hướng chuyển đổi từ mô hình phản ứng bị động sang kiểm soát chủ động, thông qua việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI). Hệ thống cho phép tự động thu thập, đo lường và phân tích dữ liệu phản hồi của khách hàng, theo dõi các chỉ số KRI về danh tiếng, dự báo xu hướng hành vi và phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, từ đó hỗ trợ đơn vị liên quan tiếp cận, xử lý phản hồi nhanh chóng và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Song song với đó, Tổng Công ty duy trì cơ chế minh bạch và chủ động trong công bố thông tin thông qua các hoạt động hội thảo nhà đầu tư, kênh truyền thông chính thống và chế độ báo cáo kịp thời. Việc đảm bảo Cổ đông, Đối tác và Khách hàng luôn được tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác và nhất quán giúp hạn chế rủi ro thông tin sai lệch, củng cố niềm tin thị trường và bảo vệ vững chắc uy tín, hình ảnh thương hiệu VCC trong dài hạn.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Với quy mô các dự án và công trình triển khai trải dài trên toàn quốc, rủi ro nguồn nhân lực là một trong những thách thức lớn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và vận hành khai thác. Tổng Công ty xác định con người vừa là tài sản cốt lõi, vừa là yếu tố rủi ro then chốt nếu thiếu hụt đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm và tinh thần để đảm bảo tính liên tục trong vận hành và thực thi chiến lược.

Để chủ động quản trị rủi ro biến động và thiếu hụt nhân sự chủ chốt, TCT đã triển khai đồng bộ các chương trình “Trải nghiệm nhân viên xuất sắc”, “Quản trị nhân tài”, hướng tới nâng cao mức độ gắn kết, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Song song với đó, TCT xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm quản trị hiệu suất (PMS), gắn thu nhập với năng suất lao động và năng lực thực tế của cán bộ, công nhân viên, qua đó tạo động lực làm việc, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Tổng Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, khuyến khích đổi mới và phát triển cá nhân. Văn hóa học tập được đẩy mạnh thông qua việc triển khai thường xuyên các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và năng lực thích ứng cho đội ngũ nhân sự ở mọi cấp.

Bên cạnh đó, công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ kế cận được thực hiện bài bản, gắn với khung năng lực và lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo cơ hội phát triển cho lớp nhân sự trẻ, đồng thời duy trì nguồn lực sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn. Các chỉ số rủi ro chính (KRIs) liên quan đến biến động nhân sự chủ chốt được theo dõi định kỳ, giúp Ban điều hành kịp thời nhận diện xu hướng rủi ro và triển khai biện pháp ứng phó phù hợp, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Rủi ro về tiến độ và chất lượng triển khai dự án là yếu tố then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín thương hiệu và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty, đặc biệt đối với các dự án đầu tư hạ tầng trạm BTS, hệ thống năng lượng mặt trời, cũng như các công trình xây dựng dân dụng B2C và B2B. Các rủi ro tiềm ẩn như vướng mắc pháp lý mặt bằng, gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguồn lực hoặc các yếu tố bất khả kháng tại công trường có thể làm gián đoạn tiến độ thi công và ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết với khách hàng.

Để chủ động ứng phó, Tổng Công ty đã xây dựng Phần mềm IOC quản trị thi công toàn trình, chuyển dịch từ phương thức quản lý thủ công sang kiểm soát số hóa toàn diện theo thời gian thực. Theo đó, hướng tới mục tiêu 100% công trình được giám sát tiến độ và chất lượng thông qua ứng dụng di động, với dữ liệu hình ảnh, nhật ký thi công và các mốc kiểm soát được cập nhật liên tục, giúp Ban điều hành kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện sớm rủi ro và đưa ra quyết định điều chỉnh phù hợp.

Song song với đó, Tổng Công ty xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chí chuẩn hóa để định lượng, đánh giá và xếp hạng định kỳ các đối tác, nhà thầu và đơn vị cung ứng. Việc phát triển chuỗi cung ứng bền vững, lựa chọn các đối tác có năng lực, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng là giải pháp trọng tâm nhằm giảm thiểu rủi ro vận hành, nâng cao hiệu quả triển khai dự án và đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng Công ty trong dài hạn.

5. Hoạt động Công tác Quản trị rủi ro trong năm 2025



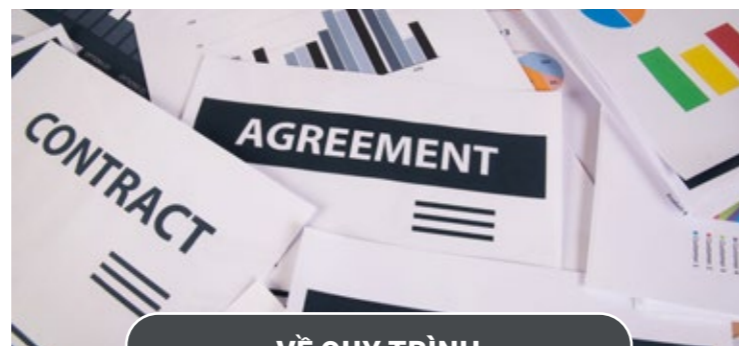
VỀ CON NGƯỜI

Tại VCC, Văn hóa Quản trị rủi ro được xác định là một trong sáu trụ cột văn hóa cốt lõi, giữ vai trò nền tảng trong việc bảo vệ Tổng Công ty trước các biến động ngày càng phức tạp của thị trường. Quản trị rủi ro không chỉ là một chức năng quản lý, mà đã được định hình như một chuẩn mực hành vi, thấm sâu vào tư duy và cách thức làm việc hằng ngày của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Hàng quý, các Trung tâm kinh doanh chủ động lồng ghép nội dung quản trị rủi ro vào chương trình đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp sản xuất, qua đó đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên đều nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc nhận diện, kiểm soát và phòng ngừa rủi ro. Song song với đó, các Trung tâm và Phòng ban duy trì hoạt động truyền thông thường xuyên về quản trị rủi ro trên kênh “Người đồng hành”, với tổng cộng 60 bài viết trong năm, góp phần lan tỏa nhận thức tuân thủ, nâng cao chất lượng vận hành ngành dọc và năng lực phòng ngừa rủi ro trên toàn hệ thống.

Tổng Công ty cũng xây dựng cơ chế giao tiếp mở và minh bạch thông qua các kênh báo cáo rủi ro, khuyến khích cán bộ, nhân viên chủ động phản ánh, cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn. Đồng thời, công tác xây dựng kịch bản rủi ro, gian lận và phương án ứng phó được triển khai bài bản ở nhiều cấp độ, giúp tổ chức sẵn sàng phản ứng trước các tình huống bất định.

Trong năm 2025, Cộng đồng Quản trị rủi ro của VCC đã tổ chức 108 chuyên đề sinh hoạt chuyên môn, qua đó nhận diện 391 rủi ro và đề xuất 514 giải pháp ứng phó ở ba cấp độ. Nhiều sáng kiến quản trị rủi ro đã được thảo luận, hoàn thiện và áp dụng vào thực tiễn; trong đó, 36 sáng kiến tiêu biểu được khen thưởng, góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Tổng Công ty.



VỀ QUY TRÌNH

100% phương án kinh doanh, dự án đầu tư và các quy trình nghiệp vụ trọng yếu đều được thực hiện nhận diện rủi ro và tích hợp các chốt kiểm soát ngay từ khâu thiết kế, đảm bảo rủi ro được quản trị chủ động, không phát sinh kiểm soát mang tính hình thức hoặc xử lý hậu quả.

Nhằm bảo đảm tính kịp thời, nhất quán và chính xác trong quản trị, Tổng Công ty đã điều chỉnh và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị rủi ro (MĐTT QTRR) cho 52 đơn vị theo mô hình tổ chức mới, đồng thời xây dựng tiêu chí đánh giá MĐTT QTRR cấp Tổng Công ty, phù hợp với mục tiêu quản trị năm 2025 và bám sát Khung quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn COSO.

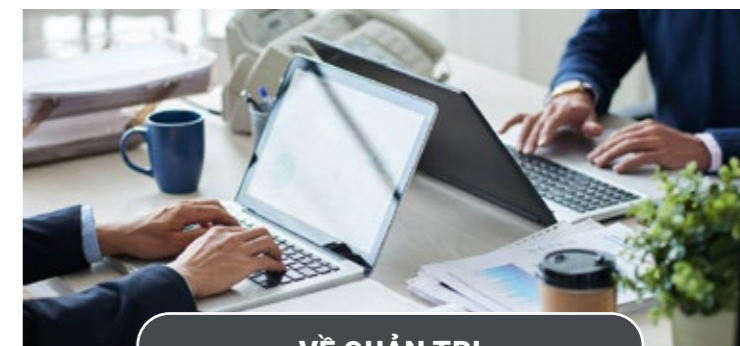
Toàn bộ 52 bộ hồ sơ rủi ro của Tổng Công ty được rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phản ánh kịp thời các thay đổi của môi trường kinh doanh, pháp lý, công nghệ và thị trường. Song song với đó, Tổng Công ty tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định làm hành lang pháp lý thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trong quá trình triển khai, đồng thời tăng cường rà soát cơ chế kiểm tra, phối hợp kiểm soát giữa các đơn vị để nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa nguồn lực trên toàn hệ thống.



VỀ CÔNG CỤ

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển đổi mạnh mẽ của VCC trong công tác số hóa Quản trị rủi ro, với việc ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và Machine Learning vào hoạt động quản trị cũng như công việc hằng ngày tại Tổng Công ty. Một trong những kết quả nổi bật là việc triển khai hệ thống báo cáo Business Intelligence (BI), cho phép chuyển hóa dữ liệu quản trị rủi ro thành các bảng điều khiển và biểu đồ trực quan, hỗ trợ Ban điều hành theo dõi hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát so với kế hoạch đã phê duyệt, bao gồm số lượng quy trình, số điểm kiểm soát (checkpoints) và tần suất kiểm tra tại 34 Chi nhánh Công trình trên toàn quốc.

VCC đã xây dựng và liên tục cập nhật thư viện rủi ro theo từng lĩnh vực hoạt động, tích hợp các công cụ cảnh báo sớm dựa trên dữ liệu và phát triển thư viện các lỗi thường gặp. Các công cụ này được đưa vào hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ cán bộ, nhân viên tra cứu nhanh, nhận diện rủi ro kịp thời và nâng cao chất lượng xử lý công việc, qua đó góp phần chuẩn hóa hoạt động quản trị rủi ro, tăng tính chủ động phòng ngừa và nâng cao hiệu quả vận hành của Tổng Công ty.



VỀ QUẢN TRỊ

Công tác kiểm soát nội bộ tại VCC được triển khai theo định hướng rủi ro, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực và chuyên đề có mức độ rủi ro cao. Trong năm 2025, hệ thống KSNB đã thực hiện kiểm soát và giám sát 38 chuyên đề trọng điểm, tập trung vào tiến độ triển khai dự án, quản trị và hiệu quả sử dụng tài sản, cũng như kiểm soát dòng tiền và công nợ tại các công trình. Hoạt động kiểm soát được chuyển dịch từ các cuộc kiểm tra đơn lẻ sang tổ chức các đoàn công tác kiểm tra liên ngành, nhằm nhận diện các vấn đề mang tính hệ thống, phân tích nguyên nhân gốc rễ và đề xuất các giải pháp khắc phục mang tính tổng thể, qua đó giảm thiểu rủi ro kinh doanh một cách triệt để và bền vững.

Các chuyên đề kiểm tra được lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty. Thông qua đó, công tác kiểm soát không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sai sót mà còn đóng vai trò tư vấn, hỗ trợ Ban điều hành và các đơn vị nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành.

VCC đã thiết lập cơ chế thưởng – phạt gắn liền với trách nhiệm quản trị rủi ro và tuân thủ. Các cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực trong công tác quản trị rủi ro, đề xuất các giải pháp khả thi và hiệu quả đã được kịp thời ghi nhận, khen thưởng. Đồng thời, Tổng Công ty áp dụng nghiêm các quy định về xử lý vi phạm, quy trách nhiệm cá nhân và bồi thường thiệt hại đối với các sai phạm, qua đó nâng cao ý thức tự giác, kỷ luật lao động và văn hóa tuân thủ trong toàn hệ thống.

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2025, chính trị & kinh tế Thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Xung đột địa chính trị diễn ra phức tạp tại nhiều khu vực (Nga - Ukraine, Thái Lan - Cambodia, Mỹ - Trung - Đài Loan,...). Chiến tranh thương mại tiếp tục căng thẳng, đặc biệt sau chính sách thuế của Mỹ. Theo nhiều tổ chức uy tín, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo chậm lại. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) ước tính tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 ở mức 3,2%. Trong khi đó, Ngân hàng thế giới (WB) đưa ra mức dự báo 3,3%.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm 2024, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Quy mô nền kinh tế vượt mốc 514 tỷ USD, vươn lên vị trí thứ 32 thế giới, và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD/người/năm, khẳng định vị thế trong nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Đặc biệt, Việt Nam đã tận dụng rất tốt sự chuyển dịch của dòng vốn đầu tư trên Thế giới. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025 đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm trước.

Năm 2025, Việt Nam tiếp tục duy trì môi trường chính trị ổn định, tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư. Cuộc cách mạng tinh giản tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và điều chỉnh địa giới hành chính đã mở ra các không gian phát triển mới, giúp tối ưu tiềm năng tăng trưởng. Chính phủ đẩy mạnh điều hành kinh tế theo hướng thúc đẩy đầu tư công và phát triển hạ tầng chiến lược. Tổng vốn đầu tư công năm 2025 được Quốc hội thông qua ở mức khoảng 790 nghìn tỷ đồng, tập trung vào các dự án quy mô lớn như cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2, sân bay quốc tế Long Thành, các tuyến vành đai đô thị và hạ tầng logistics. Đồng thời, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như

CPTPP, EVFTA và RCEP, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Nghị quyết về Luật Điện lực mới & Quy hoạch Điện 8 điều chỉnh được ban hành, mở ra tiềm năng lớn cho lĩnh vực năng lượng tái tạo; Luật đất đai 2024 & luật kinh doanh BĐS sửa đổi mở ra hành lang pháp lý thông thoáng cho lĩnh vực Xây dựng & đầu tư BĐS; Luật thuế TNDN 2025 cho phép DN đẩy mạnh đầu tư vào khoa học, công nghệ. Đặc biệt, Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 mở ra nhiều không gian, cơ hội phát triển mới cho các doanh nghiệp như VCC.

Bên cạnh các thành tựu về chính trị, kinh tế, pháp luật, năm 2025 cũng ghi dấu những kỷ lục chưa từng có về thiên tai tại Việt Nam. Biến Đông xuất hiện tới 21 cơn bão và áp thấp nhiệt đới - mức cao nhất trong lịch sử quan trắc. Điều này đã tạo áp lực rất lớn lên các lĩnh vực kinh doanh của VCC, đặc biệt là mảng VHKT.

Trước những cơ hội & thách thức trên, Ban lãnh đạo VCC đã khẩn trương đưa ra những điều chỉnh về chiến lược, quyết liệt, sâu sát trong công tác điều hành, đảm bảo bộ máy được vận hành trơn tru, thích ứng nhanh với các biến động của thị trường. Chính điều này đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành xuất sắc, tăng trưởng ở tất cả các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu của VCC.

Bên cạnh đó, 2025 cũng là năm VCC đã được Tập đoàn tạo điều kiện tham gia nhiều dự án lớn, trọng điểm, từ đó nâng cao năng lực, làm bàn đạp để bứt phá trong giai đoạn tới. Trong năm 2025, VCC đã khẩn trương sắp xếp nhân lực, tập trung điều hành, hoàn thành lắp đặt 6.452 trạm 5G, đóng góp quan trọng vào tổng số 22.400 trạm của Tập đoàn trong năm. Cùng với đó, VCC cũng đã & đang phối hợp cùng các đơn vị khác trong TĐ để triển khai một số dự án hạ tầng quy mô lớn, dự án trọng điểm quốc gia.



2. Kết quả và cải tiến

KINH DOANH

- Vận hành khai thác ~ 63.498 trạm BTS, 8,15 triệu thuê bao CĐBR.
- Xây dựng mới 2.000 trạm ~ 100% KH năm; Lũy kế hết 2025, sở hữu 12.000 trạm BTS, TowerCo số 1 tại Việt Nam.
- Trong năm, VCC đã thi công 1.720 căn nhà trọn gói cho khách hàng theo dạng hợp đồng turnkey, lũy kế đã thi công 5.590 căn nhà, số lượng nhà ở cá nhân đã phủ 71% xã/phường (~ 2.353/3.321), được đánh giá có độ phủ lớn nhất thị trường xây dựng tại Việt Nam.
- Triển khai NLMT cho hơn 10.000 khách hàng doanh nghiệp và hộ gia đình với tổng công suất lên tới 166 MWp, tăng 205% so với năm 2024.

CON NGƯỜI

Xây dựng chiến lược quản trị nhân tài, quy hoạch 389 nhân tài ~ 3,75% tổng quân số toàn TCT. Trong đó: nhân tài chiến lược 23 người ~ 0.22%; nhân tài chuyên gia 63 người ~0.61%, nhân tài vận hành 303 người ~ 2.92%.

QUY TRÌNH

Cải tiến liên tục để thích ứng linh hoạt với nhu cầu của hệ thống và từng giai đoạn phát triển của TCT.

- Năm 2025, hoàn thành cải tiến 47/47 quy trình; 46/47 quy trình được rút ngắn thời gian thực hiện ~ 34,4% thời gian thực hiện so với trước khi triển khai.
- Tỷ lệ số hóa quy trình: Đạt 91% ~ 107% KH năm (85%); Tỷ lệ tự động hóa quy trình: Đạt 61% ~ 101% KH năm (60%).

CÔNG NGHỆ

Năm 2025, VCC triển khai 18 UC AI, hoàn thành 150% KH năm, lũy kế đạt 38 Use Case (UC) AI đạt độ phủ 100% đơn vị thuộc khối phòng ban/trung tâm trực thuộc TCT.

QUẢN TRỊ

- Quản trị tổ chức bằng hiệu suất: Giao, đánh giá, chi trả thu nhập cho 100% người lao động dựa trên kết quả thực hiện KPI.
- Quản trị tổ chức bằng văn hóa: 100% các khía cạnh đạt mục tiêu năm 2025 (mức độ trưởng thành VHDN đạt 5/5, mức độ trưởng thành QTRR đạt 5/5, mức độ trưởng thành QLCL đạt 4/target 4; mức độ trưởng thành quản trị đối tác đạt 3,61/target 3,61; mức độ trưởng thành trải nghiệm khách hàng đạt 4,3/4,25 điểm).



II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG)

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH
PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Trước khi về VCC ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo trong các đơn vị của Viettel: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel Ngày 07/04/2017, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty. 18/10/2018, ông được HĐQT bầu làm Tổng Giám đốc Công ty. 26/01/2019, ĐHĐCĐ bầu ông vào HĐQT Tổng Công ty	20.332 cp ~ 0,018%.	Không có.
ĐÀO THU HIỀN	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGD bà làm GD trung tâm kinh doanh của VCC Ngày 22/03/2017, HĐQT bổ nhiệm Bà giữ chức Phó Giám đốc Công ty.	64.291 cp ~ 0,056%.	Không có.
NGUYỄN HUY DŨNG	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGD ông làm Ngày 27/02/2020, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	32.216 cp ~ 0,028%.	Không có.
TRẦN THỨC LINH	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGD ông làm GD trung tâm VHKT Ngày 18/12/2024, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	19.339 cp ~ 0,017%	Không có.
ĐẶNG VĂN CHUNG	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGD ông làm GD trung tâm Xây dựng B2B Ngày 18/12/2024, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	3.015 cp ~ 0.003%	Không có.
PHẠM TUẤN	Kế toán trưởng	Trước khi về VCC ông làm Phó phòng tài chính Tổng Công ty Viễn thông Viettel. Ngày 15/5/2024, HĐQT bổ nhiệm giữ chức KTT	400 cp ~ 0.00%	Không có.

Thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2025: Không có.

2. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động bình quân 2025: 10.169 người

Chính sách liên quan đến người lao động

Tại VCC, chúng tôi luôn nhận thức con người là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp (“Human Capital”). VCC đảm bảo cho gần 11.000 người lao động các chính sách:

- Tổng Công ty luôn đảm bảo NLĐ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hăng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.
 - Cùng với các chính sách lương, thưởng, và các chế độ phúc lợi theo quy định Pháp luật (bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp...), Tổng Công ty còn xây dựng các chế độ phúc lợi khác biệt với mục đích chăm sóc toàn diện người lao động và người thân: Hằng năm đều có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức mỗi năm một lần tại các bệnh viện uy tín với chi phí do Tổng Công ty chi trả. Người thân của SQ, QNCN, CNVQP cũng được Tổng Công ty tham gia BHYT đầy đủ. Đối với CBNV thủ việc chưa thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng được Tổng Công ty tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24.
 - Hàng năm vào các dịp Lễ, Tết VCC luôn có những món quà bằng tiền và hiện vật để trao tặng cho người lao động: Quà ngày lễ 30/4 và 1/5; Quà ngày lễ 2/9; Quà ngày lễ 22/12 và tết dương lịch; Quà ngày tết; Quà ngày thành lập Tập đoàn 1/6; Quà ngày thành lập TCT 30/10...
 - Người lao động cũng được hưởng chế độ nghỉ mát trong 5 ngày/ năm với chi phí được doanh nghiệp chi trả là 6 triệu đồng/người.
 - VCC tạo ra môi trường làm việc an toàn, môi trường học tập chủ động và cơ hội thăng tiến với toàn bộ người lao động.
- Tổng Công ty tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với cộng đồng địa phương là một trong những trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển bền vững.
 - Tổng công ty xác định An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững, nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và hướng tới tăng trưởng dài hạn. Công tác AT&SKNN được triển khai trên nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời từng bước tiếp cận các thông lệ và tiêu chuẩn quản lý tiên tiến.
 - Tổng Công ty luôn ý thức được rằng mỗi giá trị của từng thành viên tạo ra đều góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Không phân biệt giới tính, độ tuổi, nguồn gốc dân tộc, các đối tượng được đánh giá dễ bị tổn thương trong xã hội đều được Viettel Construction xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng.
 - Quan điểm của TCT là hình thành “văn hóa tổ chức học tập”, phương châm “Học tập chủ động”, mỗi cá nhân sẽ xác định lộ trình học tập tương ứng của mình để làm tốt công việc.



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các khoản đầu tư lớn, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Trong năm, TCT thực hiện giải ngân các dự án đầu tư, mua sắm TSCĐ đạt 800,8 tỷ đồng. Một số dự án lớn đang triển khai:

TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	KHỐI LƯỢNG ĐÃ THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (i)	63 tỉnh/ thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến hết năm 2025	536,3	440,3
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (ii)	63 tỉnh/ thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (5.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2024 đến hết năm 2026	1.460	468,2

2. Công ty con và tình hình hoạt động/Tài chính

(Nghìn USD)

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư		Vốn chủ sở hữu của công ty con	Doanh thu 2025	LNST 2025
			Giá trị	Tỷ lệ			
I	Công ty con						
1	Viettel Construction Cambodia	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Cambodia	10	100%	986	23.140	1.226
2	Viettel Construction Myanmar	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Myanmar	150	100,0%	1.572	79.506	18



IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2024	TH NĂM 2025	% TĂNG/GIẢM
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	7.106	8.186	15%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	12.610	13.940	11%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	675	727	8%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	- 2,5	18,4	- 829%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	672	746	11%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	538	600	11%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	45,7%	51,5%	13%

Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng dương.



2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU (HỢP NHẤT)	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2024	TH NĂM 2025	TĂNG/GIẢM
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,18	2%
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,03	1,11	7%
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,74	0,75	1%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,81	2,96	5%
	- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần	0,26	0,25	-4%
3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	16,75	25,03	49%
	- Vòng quay các khoản phải thu	Lần	6,35	7,42	17%
	- Vòng quay các khoản phải trả	Lần	2,29	2,28	0%
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,77	1,70	-4%
4	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,27%	4,30%	1%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28,86%	29,01%	1%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,57%	7,33%	-3%

3. Phân tích tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- ▶ Doanh thu 13.940 tỷ đồng, tăng 10,55% so với năm 2024 (12.610 tỷ VNĐ)
- ▶ LNTT 745,7 tỷ đồng, tăng 10,96% so với năm 2024 (672 tỷ VNĐ)
- ▶ LNST 599,7 tỷ đồng, Tăng 11,43% so với năm 2024 (538,2 tỷ VNĐ)
- ▶ ROA: 7,84% – tăng 0,21% so với 7,64% năm 2024. Tổng Công ty đang sử dụng tài sản ngày càng hiệu quả hơn để tạo ra lợi nhuận.
- ▶ ROE: 30,50% – tăng mạnh 2,63% so với 27,87% năm 2024. Đây là mức ROE rất tích cực, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn cổ đông cao.

Tổng Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng so với cùng kỳ và kế hoạch. Cả ba chỉ tiêu kết quả đều tăng trưởng đồng đều trong năm 2025. Đáng chú ý, tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế (11,43%) cao hơn tốc độ tăng doanh thu (10,55%), cho thấy Tổng Công ty đang cải thiện hiệu quả kiểm soát chi phí và nâng cao biên lợi nhuận.

BẢO TOÀN & GIA TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- ▶ Vốn chủ sở hữu: 2.067 tỷ đồng, Tăng 202 tỷ (+10,84%) so với đầu năm (1.865 tỷ VNĐ)
- ▶ Vốn góp chủ sở hữu: 1.144 tỷ đồng, không biến động.
- ▶ LNST chưa phân phối: 654 tỷ đồng, Tăng 53,5 tỷ (+8,90%) so với đầu năm (600,8 tỷ VNĐ)

Vốn chủ sở hữu tăng trưởng tích cực toàn bộ nhờ lợi nhuận giữ lại, trong khi vốn góp không thay đổi – cho thấy khả năng tự tích lũy nội lực mà không cần huy động thêm vốn từ cổ đông. Như vậy, Tổng Công ty đảm bảo bảo toàn và gia tăng vốn chủ sở hữu, phù hợp với nguyên tắc quản trị tài chính bền vững.

CƠ CẤU TÀI CHÍNH & KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- ▶ Hệ số Nợ / Tổng tài sản: 0,75 (tăng nhẹ từ 0,74) – Tỷ lệ nợ chiếm 75% tổng tài sản, mức phổ biến trong ngành, cần theo dõi để kiểm soát rủi ro tài chính.
- ▶ Hệ số VCSH / Tổng tài sản: 0,25 (giảm nhẹ từ 0,26) – Vốn chủ sở hữu chiếm 25% tổng tài sản, phản ánh đòn bẩy tài chính ở mức cao.
- ▶ Hệ số Nợ / VCSH: 2,96 (tăng từ 2,81) – Đòn bẩy tài chính tăng, doanh nghiệp đang sử dụng nhiều nợ hơn so với vốn tự có nhưng vẫn duy trì ở mức an toàn (dưới 3 lần).
- ▶ Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,18 (tăng từ 1,17) – Tài sản ngắn hạn đủ bù đắp nợ ngắn hạn đảm bảo mức an toàn trong thanh toán.
- ▶ Hệ số thanh toán nhanh: 1,11 (tăng mạnh từ 1,03) – Cải thiện đáng kể, cho thấy khả năng thanh toán tức thời không phụ thuộc hàng tồn kho được nâng cao.

Cơ cấu tài chính nghiêng về nợ vay nhưng khả năng thanh toán ngắn hạn và nhanh đều cải thiện, phản ánh khả năng quản lý dòng tiền của Tổng Công ty tốt hơn trong năm 2025.

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

- ▶ Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD: 1.455,4 tỷ đồng, Tăng 314,9 tỷ (+27,6%) so với 1.140,5 tỷ năm 2024
- ▶ Lưu chuyển tiền thuần trong năm: 818,6 tỷ, Tăng mạnh 751,8 tỷ (+1.125%) so với 66,8 tỷ năm 2024.

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh 27,6%, phản ánh chất lượng lợi nhuận tốt. Đặc biệt, lưu chuyển tiền thuần trong năm tăng đột biến hơn 11 lần – cho thấy khả năng tích lũy tiền và thu hồi nợ của Tổng Công ty rất hiệu quả trong năm 2025.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG VÒNG QUAY TÀI SẢN

- ▶ Vòng quay hàng tồn kho: Năm 2025: 25,03 vòng Năm 2024: 16,75 vòng, Tăng 8,28 vòng (+49,46%) – Cải thiện vượt bậc, hàng hóa luân chuyển nhanh hơn gần 50%, giảm thiểu chi phí lưu kho và rủi ro tồn đọng
- ▶ Vòng quay nợ phải thu: Năm 2025: 7,42 vòng Năm 2024: 6,35 vòng, Tăng 1,07 vòng (+16,89%) – Tổng Công ty thu hồi công nợ nhanh hơn, cải thiện dòng tiền và giảm rủi ro nợ khó đòi.

Cả hai chỉ số năng lực hoạt động đều tăng mạnh trong năm 2025. Vòng quay hàng tồn kho tăng gần 50% – đây là tín hiệu rất tích cực về hiệu quả quản lý tài sản ngắn hạn. Vòng quay nợ phải thu tăng mạnh cho thấy hiệu quả thu hồi nợ nhờ sự chỉ đạo sát

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRONG NĂM 2025

Tổng phân phối lợi nhuận 540,82 tỷ đồng.

- ▶ Chi trả cổ tức 45.47%
- ▶ Trích quỹ ĐTPT 29,49%
- ▶ Quỹ khen thưởng & phúc lợi 25.04%

Cổ tức chiếm tỷ trọng lớn nhất (45,5%), tiếp theo là Quỹ đầu tư phát triển (29,5%) và Quỹ khen thưởng & phúc lợi (25,0%). Tổng Công ty cân bằng tốt giữa việc trả thưởng cho cổ đông và hoạt động tái đầu tư cho các kế hoạch mục tiêu trong tương lai.

TỔNG KẾT VÀ ĐÁNH GIÁ

- ▶ **Tăng trưởng vững chắc:** Doanh thu tăng 10,55%, lợi nhuận sau thuế tăng 11,43%. ROE đạt 30,50% – mức sinh lời vốn chủ sở hữu rất cao.
- ▶ **Tài chính ổn định:** Khả năng thanh toán ngắn hạn và nhanh đều cải thiện. Vốn chủ sở hữu tăng 10,84% nhờ tích lũy nội lực.
- ▶ **Hiệu quả hoạt động:** Vòng quay hàng tồn kho tăng 49,46%, vòng quay nợ phải thu tăng 16,89% – quản lý tài sản ngắn hạn xuất sắc.
- ▶ **Tạo giá trị cổ đông:** Chi trả cổ tức 245,9 tỷ VNĐ năm 2025 (~45,5% lợi nhuận phân phối), đồng thời trích 159,5 tỷ tài đầu tư phát triển
- ▶ Năm 2025, Tổng Công ty **đạt kết quả toàn diện – tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận**, cải thiện hiệu quả hoạt động, củng cố năng lực tài chính và duy trì chính sách cổ tức hấp dẫn cho cổ đông.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin cơ bản cổ phiếu

- ▶ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- ▶ Mã Chứng khoán CTR
- ▶ Sàn giao dịch: HOSE
- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCOM: 31/10/2017
- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên của CP niêm yết trên HOSE: 23/02/2022
- ▶ Số lượng cổ phiếu lưu hành: 114.385.879 cổ phiếu
- ▶ Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.143.619.604 cổ phiếu.
- ▶ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 84.056 cổ phiếu trong đó:

Hạn chế theo quy chế ESOP phát hành 2020 để chờ thu hồi do CBNV nghỉ việc: 84.056 cổ phiếu.

2. Diễn biến giao dịch của cổ phiếu

Năm 2025, cổ phiếu CTR đã giảm giá 32% so với đầu năm.

Thanh khoản tăng 25% so với năm 2024.



3. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/10/2025:

Cơ cấu cổ đông theo đối tượng

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ
1. TRONG NƯỚC	14.610	98%	107.847.178	94%
a. Cá nhân	14.568	98%	28.441.600	25%
b. Tổ chức	42	0%	79.405.578	69%
2. NƯỚC NGOÀI	280	2%	6.538.701	6%
a. Cá nhân	225	2%	620.503	1%
b. Tổ chức	55	0%	5.918.198	5%
Tổng Cộng	14.890	100%	114.385.879	100%

Cơ cấu cổ đông lớn trên 5%; Cổ đông nhà nước

TT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
I	Cổ đông nhà nước	0	0%	Không có
II	Cổ đông lớn			
1	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	75.107.745	65,66%	
2	Nhóm Cổ đông khác nằm trên 5%	0	0	

Cơ cấu theo loại cổ phiếu

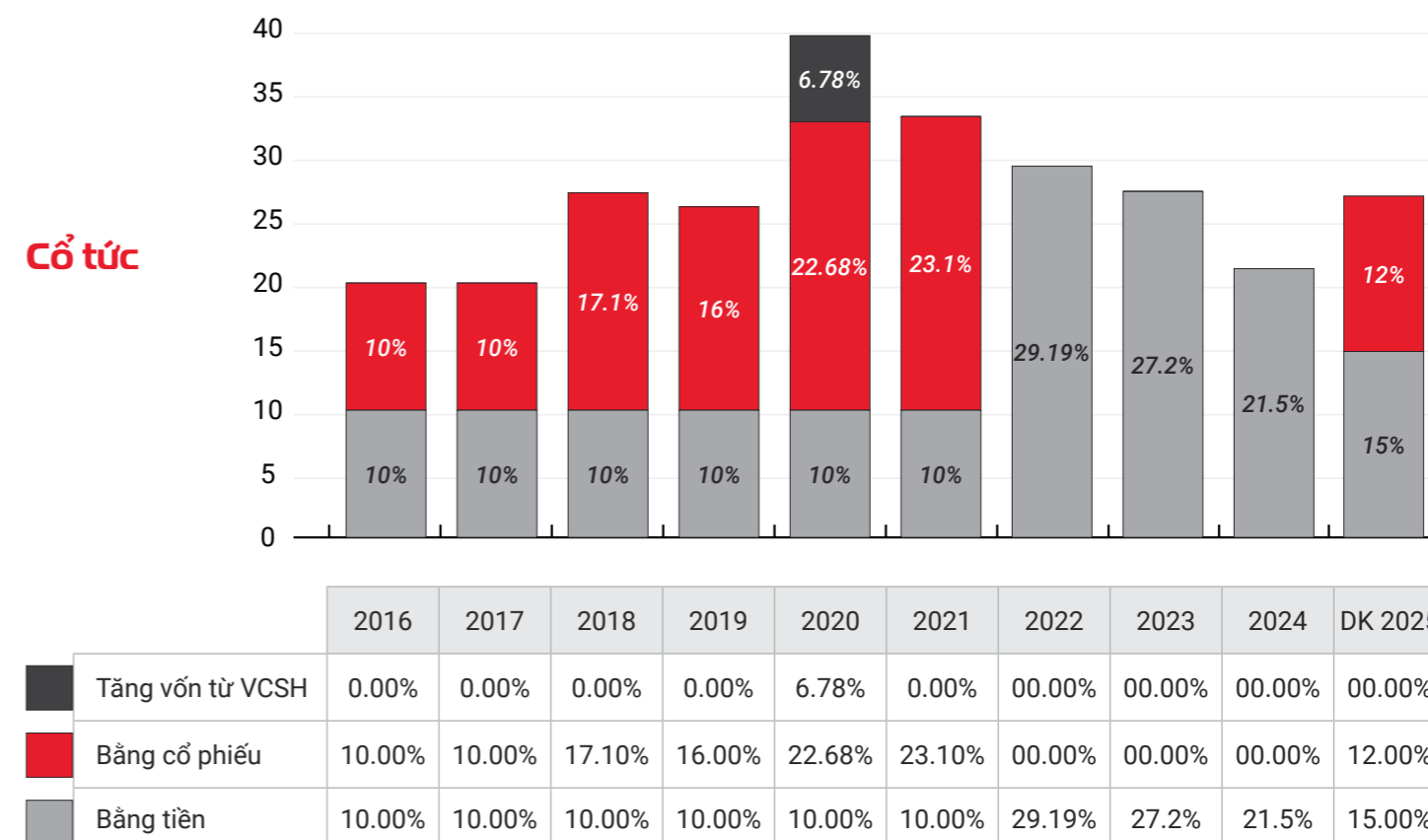
TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Cổ phiếu phổ thông	114.385.879	100%	
2	Cổ phiếu quỹ	0	0%	Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.
3	Cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	100%	

4. Lịch sử tăng vốn/ Phát hành cổ phiếu/ Chi trả cổ tức

THỜI ĐIỂM	MỨC VỐN ĐIỀU LỆ PHÁT HÀNH THÊM (TRIỆU ĐỒNG)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH (ĐỒNG)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ QUAN CHẤP THUẬN
Năm 2010	-	238.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa (Theo GCN ĐKKD ngày 09/06/2010)	• Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010.
Lần 1 Tháng 04/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:15	• ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 322/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2014; • UBCKNN theo Công văn số 1235/UBCK-QLPH ngày 20/03/2015; • Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 03 ngày 27/07/2015.
Lần 2 Tháng 09/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:12	• ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015; • UBCKNN theo Công văn số 5655/UBCK-QLPH tháng 04/2015; • Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 04 ngày 04/02/2016.
Lần 3 Tháng 04/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 112:30	• ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015; • UBCKNN theo GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK ngày 13/01/2016; • Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 05 ngày 28/07/2016.
Lần 4 Tháng 10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:12	• ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 435/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016; • UBCKNN theo Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/09/2016; • Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 06 ngày 14/11/2016.
Lần 5 Tháng 06/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	• ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017; • UBCKNN theo Công văn số 2828/UBCK-QLCB ngày 22/05/2017; • Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2017.

THỜI ĐIỂM	MỨC VỐN ĐIỀU LỆ PHÁT HÀNH THÊM (TRIỆU ĐỒNG)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH (ĐỒNG)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ QUAN CHẤP THUẬN
Lần 6 Tháng 11/2018	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1192/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2018; UBCKNN theo Công văn số 7322/UBCK-QLCB ngày 29/10/2018; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 11 ngày 17/01/2019.
Lần 7 Tháng 09/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:17,1	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019; UBCKNN theo Công văn số 4781/UBCK-QLCB ngày 08/08/2019; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2019.
Lần 8 Tháng 08/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:16	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; UBCKNN theo Công văn số 4567/UBCK-QLCB ngày 23/07/2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 13 ngày 29/09/2020.
Lần 9 Tháng 11/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; UBCKNN theo Công văn số 6395/UBCK-QLCB ngày 26/10/2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 14 ngày 15/12/2020.
Lần 10 Tháng 06/2021	211.420.450.000	929.238.730.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:22,676 Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:6,782	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021; UBCKNN theo Công văn số 2753/UBCK-QLCB ngày 10/06/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021.
Lần 11 Tháng 5/2022	214.620.060.000	1.143.858.790.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:23,1	<ul style="list-style-type: none"> ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022; UBCKNN theo Công văn số 4265/UBCK-QLCB ngày 06/07/2022; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

5. Lịch sử chi trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu



Hội đồng quản trị định hướng chính sách cổ tức trong 5 năm tới: Tổng Công ty sẽ duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt kết hợp cổ phiếu để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông. Tiền mặt có thể duy trì hàng năm từ 10-15%. Cổ tức bằng cổ phiếu sẽ cân đối dựa trên kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận, kế hoạch đầu tư hàng năm.



VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Thông tin theo báo cáo phát triển bền vững





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

1 Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2024	Năm 2025			So với 2024	
			KH	TH	%KH	Δ	%
I Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)							
1	Tổng doanh thu	12.663	13.968	14.058	101%	1.395	11,0%
2	Tổng chi phí	11.991	13.247	13.312	100%	1.321	11,0%
3	LNTT	672	721	746	103%	74	11,0%
4	LNST	538	563	600	107%	61	11,4%
II Chỉ tiêu hiệu quả							
1	ROA (%)	7,6%	7,2%	7,8%	109%	0,2%	2,7%
2	ROE (%)	27,9%	24,7%	30,5%	123%	2,6%	9,4%

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025)

2 Chỉ tiêu kế hoạch công ty mẹ

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2024	Năm 2025			So với 2024	
			KH	TH	%KH	Δ	%
I Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)							
1	Tổng doanh thu	10.139	12.361	11.934	97%	1.796	17,7%
2	Tổng chi phí	9.479	11.687	11.208	96%	1.729	18,2%
3	LNTT	660	674	727	108%	67	10,1%
4	LNST	532	527	587	112%	56	10,5%
II Chỉ tiêu hiệu quả							
1	ROA (%)	8,1%	7,3%	8,02%	110%	-0,1%	-0,7%
2	ROE (%)	28,8%	24,8%	31,12%	125%	2,3%	8,2%

2. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh

1 Những mặt đạt được

- ▶ Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mục tiêu năm 2025 và tăng trưởng 2 con số, duy trì thu nhập người lao động đều đặn trong bối cảnh thị trường rủi ro, nhiều biến động khó lường.
- ▶ Giữ vị trí số 1 thị trường TowerCo tại Việt Nam với lũy kế đến hết năm 2025 đạt 12.000 trạm.
- ▶ Là đơn vị nòng cốt trong quá trình triển khai lắp đặt trạm 5G của Viettel, hoàn thành lắp đặt 6.452 trạm 5G, đóng góp quan trọng vào tổng số 22.400 trạm của Tập đoàn trong năm.
- ▶ Chuyển dịch tăng dần tỷ trọng doanh thu các mảng mới và khách hàng ngoài Tập đoàn. 100% các lĩnh vực mới đều tăng trưởng 2 con số so với năm 2024. Doanh thu ngoài Tập đoàn tăng trưởng 15% so N2024. Tỷ trọng doanh thu ngoài Tập đoàn tăng từ 39,7% năm 2024 lên 41% năm 2025.
- ▶ Hoạt động chuyển đổi số tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đến hết năm đạt mức chuyển đổi số 4.16/5 trong đó 6/6 lĩnh vực đều đạt mức 4 trở lên (mức Nâng cao).

2 Những nguy cơ, điểm cần cải thiện

- ▶ Lĩnh vực xây dựng không đạt mục tiêu so với kế hoạch do suy giảm nguồn việc dự án Đầu tư công trong thời gian chuyển đổi chính quyền địa phương 2 cấp, sáp nhập tỉnh, cơ quan, đơn vị; Nhiều dự án xây dựng bị chậm chễ, đóng băng do vướng các thủ tục về cấp phép, bàn giao mặt bằng... dẫn đến việc kéo dài thời gian triển khai.
- ▶ Mảng Cơ điện tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng. Nguyên nhân chính đến từ việc sức mua tiêu dùng bán lẻ chưa hồi phục, đặc biệt đối với các sản phẩm không thiết yếu. Nguồn việc các dự án Cơ điện từ nguồn Đầu tư công cũng bị tác động tiêu cực tương tự như mảng Xây dựng.

3. Đánh giá Tình hình tài chính

1 Tình hình tài sản

Tổng Công ty duy trì cơ cấu nguồn vốn, tài sản hợp lý. Tài sản sinh lời tốt ROA ~ 7,2% cao hơn mức ngành.

Cơ cấu tài sản doanh nghiệp:

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.421	76%	6.625	81%	22%
Tiền mặt & khoản tiền gửi	1.740	24%	3.323	41%	91%
Khoản phải thu	2.937	41%	2.714	33%	-8%
Hàng tồn kho	610	9%	425	5%	-30%
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.685	24%	1.560	19%	-7%
TỔNG TÀI SẢN	7.106	100%	8.186	100%	

- ▶ Trong năm lượng tiền mặt và tiền gửi tăng 91% => Dòng tiền được cải thiện tốt
- ▶ Hàng tồn kho giảm 30%; Phải thu giảm 8% => Vòng quay tồn kho và phải thu được cải thiện do quyết liệt trong công tác quản lý điều hành.

Đến 31/12/2025 Công ty đánh giá lại công nợ và trích lập dự phòng của các đối tượng sau:

Chỉ tiêu	31/12/2025		Giá trị VND	01/01/2025		Giá trị VND
	Giá gốc VND	Giá trị trích lập		Giá gốc VND	Giá trị trích lập	
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	166.110.161.142		153.891.399.011	12.218.762.131	
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	24.438.710.618	24.438.710.618	-	20.664.108.829	20.664.108.829	-
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	32.802.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	26.031.946.661	26.031.946.661	-	32.422.041.661	22.695.429.163	9.726.612.498
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	10.403.192.528	-	10.403.192.528	10.403.192.528	-
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	14.604.910.422	14.604.910.422	-	16.858.310.422	11.800.817.295	5.057.493.127
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	5.781.243.447	5.781.243.447	-	6.235.952.975	6.235.952.975	-
Các khách hàng khác	52.048.157.466	39.829.395.335	12.218.762.131	21.514.909.305	18.961.587.944	2.553.321.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn		0	-	1.388.288	1.388.288	-
Công ty TNHH Xây dựng Thiết bị Viễn thông Tỉnh Thu	-	-	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	-	1.388.288	1.388.288	-

So với đầu năm giá trị trích lập dự phòng nợ phải thu tăng thêm 63 tỷ đồng, tập trung đến từ khách hàng Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và các đối tượng khác.

2 Tình hình nợ phải trả: Tổng Công ty không có nợ quá hạn



II. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

1. Hoạt động liên quan con người, quy trình, công nghệ, quản trị

CON NGƯỜI

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: tỷ lệ nhân sự CNTT sở hữu các chứng chỉ ngành đạt 80% ~ 66/82 nhân sự; số lượng nhân sự chất lượng cao có chứng chỉ hành nghề/chứng chỉ quốc tế (682 chứng chỉ tăng 18,6% so với 2023).

Triển khai xây dựng trải nghiệm nhân viên xuất sắc tại TCT với tầm nhìn "Dựng xây cuộc sống mới"; Triển khai ứng dụng khung năng lực và lộ trình thăng tiến cho 100% vị trí chức danh; đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo quản trị hiện đại cho 100 đ/c Giám đốc Trung tâm kinh doanh, Trưởng phòng Khối cơ quan, Giám đốc Chi nhánh Công trình.

QUY TRÌNH

- Cải tiến liên tục để thích ứng linh hoạt với nhu cầu của hệ thống và từng giai đoạn phát triển của TCT; Tiến đến level 5 - level tự tiến hóa, từng bước trong quy trình tự động điều chỉnh thông qua công cụ AI, BI, Cloud.
- Mức độ trưởng thành hệ thống khung quy trình và quy trình của TCT đạt 4.5/5.
- Tỷ lệ số hóa quy trình năm 2024 đạt 98%, tăng 7% so với năm 2023 (Top 1 Tập đoàn); tỷ lệ tự động hóa đạt 54% các quy trình trọng yếu (Top 2 Tập đoàn); 83% ~140/168 hoạt động đã được xây dựng quy trình theo khung quy trình; bổ sung ma trận rủi ro vào 100% quy trình hiện có.

CÔNG NGHỆ

- Cải thiện đáng kể hàm lượng công nghệ trong hoạt động SXKD.
- Mức độ trưởng thành CDS của VCC đạt 3.92, Top 3 Tập đoàn, tăng trưởng 6.8% so với năm 2023.
- Hoàn thành nghiên cứu 4 sản phẩm công nghệ mới (giải pháp phủ sóng 5G cho các tòa nhà, nhà máy; Đánh giá tình trạng sử dụng và hiệu quả đầu tư ắc quy Lithium-ion 50Ah trên mạng lưới trạm BTS HTCT; giải pháp công nghệ pin nhiên liệu Methanol; Ứng dụng truyền tải điện không dây vào SmartHome); Thực hiện thử nghiệm 2 sản phẩm (hệ thống chuyển đổi NLMT cho trạm BTS HTCT; giải pháp lọc tổng cho vùng nước cứng đặc thù); Đã có sản phẩm công nghệ đưa vào kinh doanh (lõi lọc nước AIO).

QUẢN TRỊ

- Phát triển bền vững: Mô hình quản trị tiếp cận theo chuẩn quốc tế và theo định hướng thị trường được xuất phát từ Chiến lược TCT, kết hợp các hoạt động quản trị Nhân sự và quản trị Doanh nghiệp.
- Thượng tôn pháp luật: Ban hành Khung tuân thủ các quy định Pháp luật; hệ thống QTRR đã gắn liền với mọi hoạt động SXKD tại tất cả các cấp và được triển khai tích cực, chủ động, mức độ trưởng thành hoạt động QTRR đạt 5/5, Các rủi ro đã được cảnh báo tự động, được tích hợp vào phần mềm kinh doanh IOC, AIO.
- Kế toán quản trị: Triển khai mô hình hạch toán 3 cấp, dữ liệu được tổ chức xuyên suốt từ TCT - Trung tâm kinh doanh - Chi nhánh Công trình.
- Cơ chế lương thưởng gắn liền với kết quả SXKD và năng suất lao động đích danh đến từng vị trí nhằm thúc đẩy và tạo động lực tăng NSLĐ.



2. Triển khai các hoạt động trải nghiệm của Tổng Công ty

1 Trải nghiệm khách hàng

- ▶ **Mục tiêu, định hướng cho hoạt động:** Dẫn dắt định hướng hoạt động Trải nghiệm Khách hàng toàn Tổng Công ty theo 84 tiêu chí của TM Forum với 6 trụ cột: Khách hàng, Chiến lược, Công nghệ, Vận hành, Văn hóa, Dữ liệu lên level 4,85/5 điểm trong năm 2026, trở thành đơn vị dẫn dắt lan toả tới toàn bộ đối tác hệ sinh thái biết/hiểu/thực hành các hoạt động nâng cao Trải nghiệm Khách hàng
- ▶ **Các chỉ số mục tiêu cụ thể:**
 - Mức thách thức: Các chỉ số cảm nhận CES, CSAT, NPS các lĩnh vực đạt 99%; Chỉ số kết quả về khách hàng mua lại/ khách hàng tái ký/khách hàng giới thiệu, mua chéo sản phẩm dịch vụ đạt 50%
 - Mức mong đợi: Các chỉ số cảm nhận và chỉ số kết quả tốt hơn so với năm 2025 và vượt benchmark ngành/tăng trưởng tối thiểu 30%, 34/34 CNCT Viettel tỉnh/ Tp có hoạt động khách hàng cũ giới thiệu khách hàng mới, chỉ số khách hàng mua lại và tái ký đạt 50%. Chi tiết KPI theo bộ KPI trải nghiệm khách hàng ban hành năm 2026 từng chỉ tiêu
- ▶ **Quy trình, quy định:** Toàn Tổng Công ty và các đơn vị tuân thủ và áp dụng các quy trình/quy định:
 - Quy trình khảo sát đo lường chất lượng dịch vụ
 - Quy trình xử lý phản ánh của khách hàng
 - Kế hoạch tác nghiệp nhằm nâng cao điểm trưởng thành Trải nghiệm Khách hàng năm 2026
- ▶ **Kết quả đạt được:**
 - Giải thưởng: Tháng 1/2026, Viettel Construction xuất sắc giành giải thưởng tại Stevie Awards for Sales and Customer Service 2026 – hệ thống giải thưởng uy tín hàng đầu thế giới trong lĩnh vực bán hàng và Trải nghiệm Khách hàng. Thành tích này không chỉ ghi nhận chất lượng dịch vụ vượt trội, mà còn tiếp tục khẳng định vị thế của Viettel Construction trên bản đồ dịch vụ Khách hàng toàn cầu
 - Mức độ trưởng thành Trải nghiệm Khách hàng: Năm 2024 (2,52 điểm), Năm 2025 (4,35 điểm) => Vượt 1,83 điểm, trải nghiệm khách hàng của VCC bước vào giai đoạn nâng cao thay vì giai đoạn hình thành nhận thức năm 2024.
 - Chỉ số kết quả: Tỷ lệ Khách hàng giới thiệu/mua lại dịch vụ: 3/3 lĩnh vực đạt KPI: DVKT (37%/36%); GPTH (3,7%/2%); XD B2C (3,5%/2%). Số lượng Khách hàng giới thiệu 61 Khách hàng XD B2C ~ 3,5% Khách hàng ký hợp đồng năm 2025, doanh thu tương ứng ~ 61,2 tỷ; số lượng Khách hàng giới thiệu năng lượng mặt trời 168 Khách hàng ~ 3,7% Khách hàng ký hợp đồng năm 2025, doanh thu tương ứng ~ 17 tỷ; số đơn hàng dịch vụ kỹ thuật Khách hàng quay lại sử dụng 17.470 đơn ~ 37% lượng đơn năm 2025
 - Chỉ số cảm nhận (Độ hài lòng – CSAT; Độ thuận tiện – CES; Khả năng sẵn sàng giới thiệu sản phẩm/dịch vụ đều vượt benchmark ngành, có tăng trưởng so năm 2024
- ▶ **Lộ trình:** Năm 2026 đạt mức độ trưởng thành quản trị trải nghiệm khách hàng đạt level 4,85 (tăng 0,5 điểm so với năm 2025)

TT	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Lộ trình hàng quý năm 2026			
				Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Điểm trưởng thành	2,52	4,35	4,85	4,46	4,57	4,80	4,85

2 Trải nghiệm nhân viên

- ▶ **Mục tiêu, định hướng cho hoạt động:** Dẫn dắt định hướng hoạt động Trải nghiệm nhân viên toàn Tổng Công ty theo 150 tiêu chí của TM Forum với 13 trụ cột lên level 4,30/5 điểm trong năm 2026. Bước sang năm 2026, khái niệm về quản trị nhân sự trên thế giới đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, vượt ra khỏi những giá trị truyền thống để hướng tới một kỷ nguyên của Trải nghiệm nhân viên số hóa và cá nhân hóa. Trong bối cảnh công nghệ AI đang thẩm thấu sâu rộng vào mọi quy trình vận hành, việc xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng không còn dừng lại ở những phúc lợi cơ bản, mà tập trung vào việc kiến tạo những "điểm chạm thấu cảm" dựa trên dữ liệu. Xu hướng toàn cầu hiện nay ưu tiên khả năng lắng nghe liên tục thông qua các hệ thống phân tích thời gian thực, giúp doanh nghiệp không chỉ thấu hiểu mà còn có thể dự báo và phản ứng kịp thời với những nhu cầu, mong muốn của nhân sự. Từ bối cảnh đó, năm 2026 được xác định là năm của "Nâng tầm quản trị và đồng bộ hóa trải nghiệm". Chúng ta cần chuyển dịch từ tư duy triển khai phong trào sang tư duy quản trị dựa trên dữ liệu, đưa EX trở thành một dòng chảy xuyên suốt, xóa nhòa khoảng cách giữa cơ quan và chi nhánh, đảm bảo mỗi nhân viên tại bất cứ vị trí nào cũng đều nhận được sự quan tâm và hỗ trợ tốt nhất từ tổ chức.
- ▶ **Các chỉ số mục tiêu cụ thể:**
 - Năm 2026 mức độ trưởng thành trải nghiệm nhân viên của Tổng Công ty đạt 4,3/5 điểm (tăng 0,3 điểm so với năm 2025)
 - Chỉ số cảm nhận của ứng viên đạt 4,8/5 (tăng 0,1 điểm so với năm 2025)
 - Chỉ số cảm nhận của cán bộ nhân viên đạt 4,0/5 (tăng 0,4 điểm so với năm 2025)
 - Chỉ số eNPS đạt 80% (tăng 23% so với năm 2025)
 - Chỉ số ESI đạt 85% (tăng 5% so với năm 2025)
- ▶ **Quy trình, quy định:**
 - Chuẩn hóa quy trình chào đón nhân viên mới trong ngày đầu tiên đi làm để thể hiện sự "Tôn trọng" và chuyên nghiệp.
 - Ban hành quy định và quy trình quản trị hiệu suất (PMS), đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong đánh giá
- ▶ **Kết quả đạt được:**
 - Mức độ trưởng thành Trải nghiệm Nhân viên: Năm 2025 (4,0 điểm)
 - Chỉ số kết quả:
 - » Năng suất lao động: Năng suất lao động theo doanh thu năm 2025 đạt 1.159 triệu đồng/người, đạt 100,4% kế hoạch (KH: 1.154 triệu đồng/người) tăng trưởng 20% so với năm 2024 (NSLĐ thực hiện năm 2024 = 965 triệu đồng/người)
 - » Tỷ lệ nghỉ việc: Tổng số nghỉ việc năm 2025 là 1.125 người (chiếm 11%), giảm 260 người so với năm 2024 (giảm 2% so với năm 2024) --> Hoàn thành 100% kế hoạch
 - » Tỷ lệ đăng ký SKYT: Tổng số SKYT được đăng ký trong năm 2025 đạt 4.012 sáng kiến ý tưởng (chiếm 38% trên tổng số CBNV), tăng 716 SKYT so năm 2024 (tăng 9% so với năm 2024) --> Hoàn thành 107% kế hoạch
- ▶ **Lộ trình:** Năm 2026 đạt mức độ trưởng thành quản trị TNNV đạt level 4,3 (tăng 0,3 điểm so với năm 2025)

TT	Năm 2025	Năm 2026	Lộ trình hàng quý năm 2026			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Điểm trưởng thành	4,00	4,5	4,10	4,15	4,25	4,30

3 Trải nghiệm đối tác

- ▶ **Mục tiêu, định hướng cho hoạt động:** Nâng cấp quan hệ từ “Thuê khoán đơn thuần” sang “Đối tác chiến lược” – Định vị đối tác là cánh tay nối dài, đại diện cho năng lực cốt lõi của VCC.
- ▶ **Hoạt động nổi bật và Kết quả đạt được:**
 - Ban hành chân dung hành trình đối tác để làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động
 - Xây dựng phần mềm quản trị đối tác
 - Quy hoạch định cỡ đối tác
- ▶ **Lộ trình:** Năm 2026 đạt mức độ trưởng thành quản trị TNNV đạt level 4,0+/5 điểm
- ▶ **Chương trình quản trị đối tác và quản trị kênh triển khai năm 2026 được xây dựng theo checklist 7 bước thực thi:** Các bên liên quan → Hành vi bắt buộc → Gắn hành vi vào luồng công việc → Dữ liệu → Kiểm tra chéo → Phát hiện lệch (GAP thực tế & thiết kế) → Ảnh chụp vận hành (Báo cáo – KPI), bám theo các điểm chạm đã xác định của mỗi chương trình và các KPI chính sinh ra từ hành vi đã thiết kế.



4 Văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm

- ▶ **Mục tiêu, định hướng cho hoạt động:**
 - Văn hoá lấy Khách hàng làm trung tâm là một năng lực lõi của quản trị trải nghiệm Khách hàng. Văn hoá lấy Khách hàng làm trung tâm cần được thấm nhuần, cắm rễ trong từng hành vi tiềm thức của cán bộ nhân viên (CBNV) thể hiện qua các trọng tâm phát triển: con người, quy trình, công cụ, quản trị. Cắm rễ hành vi văn hóa lấy Khách hàng làm trung tâm không chỉ dừng lại ở nhận thức, hành động hướng tới Khách hàng trên chiều ngang → Hành vi cần phát triển dựa theo chiều sâu nhận thức, hành động hướng tới cảm xúc, cảm nhận Khách hàng.
- ▶ **Các chỉ số mục tiêu cụ thể:**
 - Chỉ tiêu cụ thể về hiệu quả SXKD: Chỉ số CSAT các lĩnh vực đạt: 99%, Giảm tỷ lệ PAKH: DVKT (1,2%), GPTH (1,4%), XD B2C (1%)
 - Chỉ tiêu cụ thể về tăng doanh thu từ KH giới thiệu: Tăng trưởng 238% doanh thu tới từ Khách hàng giới thiệu so với năm 2025
- ▶ **Quy trình, quy định:**
 - Quy trình khảo sát đo lường chất lượng dịch vụ
 - Quy trình xử lý phản ánh của khách hàng
 - Kế hoạch tác nghiệp nhằm nâng cao điểm trưởng thành Trải nghiệm Khách hàng năm 2026
- ▶ **Cách thức triển khai, lộ trình 2026:**
 - Thấu hiểu Khách hàng: Nghiên cứu và phát triển chân dung Khách hàng năm 2026, xác định lại các điểm chạm và cảm nhận của Khách hàng thời điểm hiện tại. Nghiên cứu được triển khai trên 2 phương pháp định tính (phỏng vấn chuyên sâu) và định lượng (khảo sát rộng rãi)
 - Phát triển thêm chân dung và hành trình Khách hàng thang máy, phòng cháy chữa cháy và nhóm Khách hàng mang lại giá trị cao cho Tổng Công ty
 - Lắng nghe Khách hàng/đối tác: Phát triển các hoạt động tặng quà tri ân cho Khách hàng/đối tác có đánh giá đóng góp nhằm giúp VCC cải tiến quy trình, chất lượng sản phẩm dịch vụ
 - Gắn kết và tri ân Khách hàng/đối tác: Tặng quà và tri ân Khách hàng trong các dịp đặc biệt từ đó thăm hỏi và cảm ơn Khách hàng thu về danh sách Khách hàng giới thiệu chất lượng, đối tác phát triển lâu dài
 - Lan tỏa và chia sẻ: Phát triển các chương trình, mini game nhằm lan tỏa và khuyến khích Khách hàng chia sẻ về trải nghiệm trong quá trình sử dụng sản phẩm dịch vụ và thông qua đó truyền thông về những quyền lợi Khách hàng nhận được khi giới thiệu thành công Khách hàng mới tới VCC.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN/ KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Dự báo về môi trường kinh doanh

Việt Nam đang đặt kỳ vọng cao với mục tiêu tăng trưởng ít nhất 10% trong năm 2026 sau đà tăng trưởng ấn tượng năm 2025. Mục tiêu này được hỗ trợ bởi 4 trụ cột chính:

- ▶ Sự tăng trưởng mạnh mẽ của Đầu tư công: Nguồn vốn phân bổ cho đầu tư công 2026 dự kiến ở mức 1,08 triệu tỷ đồng và được kỳ vọng sẽ là bàn đạp cho sự phát triển thần tốc của Kinh tế Việt Nam trong năm tới.
- ▶ Xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng ấn tượng. Kết thúc năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,0%; nhập khẩu tăng 19,4%. Cục Xuất nhập khẩu cũng đã đặt mục tiêu cao cho năm 2026 với mốc tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu trên 8% so với năm 2025.
- ▶ FDI tiếp tục là điểm sáng, với 185 tỷ USD đăng ký giai đoạn 2021–2025, giải ngân năm 2025 đạt 27,62 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế. Trong năm 2026, Chính phủ dự kiến áp dụng thêm nhiều chính sách mới để thu hút nhà đầu tư nước ngoài như Golden Visa hay Giảm chi phí sử dụng đất.
- ▶ Hồi phục sức mua tiêu dùng: Sau thời gian thắt chặt chi tiêu sau đại dịch, nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình được nhận định sẽ bắt đầu hồi phục mạnh mẽ từ năm 2026.

Tuy vậy, Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá đà tăng trưởng của Việt Nam sẽ giảm từ 6,5% xuống 5,6% trong năm 2026 do bối cảnh kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc cũng được dự báo sẽ gặp khó khăn. Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo mức tăng trưởng giảm xuống lần lượt 6,1% và 6,4% trong năm 2026.

Mặc dù nền kinh tế vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ở mức ổn định, năm 2026 được dự đoán sẽ còn tồn tại nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Tình trạng thiếu hụt nhân lực, đặc biệt là nhân sự kỹ thuật chất lượng cao đang xảy ra tại nhiều ngành nghề. Tính đến hết năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ mới chỉ đạt 28,3%. Trong lĩnh vực Xây dựng, một số doanh nghiệp đã đưa ra những chính sách tiền lương mang tính “phá giá” để tuyển dụng nhân sự. Ngoài ra, tình hình thiên tai, bão lũ được dự đoán vẫn diễn biến khó lường. Các cơ quan khí tượng dự báo năm 2026 có khả năng ít bão hơn trung bình, do hệ thống khí hậu toàn cầu đang chuyển pha từ La Niña sang trạng thái trung tính và có thể tiến tới El Niño. Tuy nhiên, điều này đồng nghĩa với việc mô hình thời tiết sẽ phức tạp & khó dự báo hơn, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các lĩnh vực kinh tế.

2. Chủ trương, định hướng triển khai hoạt động kinh doanh năm 2026

Với thông điệp thi đua năm 2026 “Chủ động hơn, Thần tốc hơn, Táo bạo hơn, Hiệu quả hơn”, BDH định hướng kinh doanh theo từng lĩnh vực như sau:

- ▶ **Vận hành khai thác:** Tập trung nâng cao chất lượng nhân sự & nghiêm túc trong công tác giám sát, điều hành, đảm bảo cam kết KPIs với CĐT.
- ▶ **Xây dựng dân dụng:**
 - **B2B:** Đẩy mạnh đầu tư về con người - quy trình - công cụ - quản trị nhằm nâng cao năng lực triển khai, tăng cường tham gia các dự án Đầu tư công bên cạnh các dự án BĐS truyền thống. Tiếp xúc & bắt đầu tham gia vào các dự án xây dựng công nghiệp quy mô vừa & nhỏ nhằm khai thác nguồn vốn FDI.
 - **B2C:** Tiếp tục khẳng định vị thế đơn vị top đầu thị trường về độ phủ công trình xây dựng nhà dân, gia tăng giá trị công trình thông qua đồng bộ năng lực thiết kế - thi công & hệ sinh thái giải pháp khép kín dành cho hộ gia đình từ Thiết kế – Thi công – Cung cấp thiết bị – Giải pháp năng lượng – Bảo trì & bảo dưỡng.
- ▶ **Năng lượng & cơ điện:** Tập trung chiếm lĩnh thị trường NLMT dành cho hộ gia đình. Tăng cường tiếp xúc, triển khai các dự án NLMT áp mái quy mô lớn. Kện toàn bộ máy, nâng cao năng lực kỹ thuật trong mảng cơ điện, từ đó hoàn thiện giải pháp trọn gói Xây dựng - Năng lượng - Cơ điện dành cho doanh nghiệp.
- ▶ **Đầu tư hạ tầng:** Đầu tư xây dựng mới 1.000 trạm BTS. Đẩy mạnh đầu tư năng lượng tái tạo, mở rộng đầu tư vào năng lượng gió bên cạnh NLMT. Nghiên cứu phương án đầu tư Nhà ở xã hội.



3. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

1 Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	So với 2025	
				Δ	%
I Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)					
1	Tổng doanh thu	14.058	15.653	1.596	11,4%
2	Tổng chi phí	13.312	14.875	1.563	11,7%
3	LNTT	746	778	32	4,3%
4	LNST	600	622	23	3,8%
II Chỉ tiêu hiệu quả					
1	ROA (%)	7,8%	7,0%	-0,9%	-10,9%
2	ROE (%)	30,5%	26,3%	-4,2%	-13,9%

2 Chỉ tiêu kế hoạch công ty mẹ

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	So với 2025	
				Δ	%
I Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)					
1	Tổng doanh thu	11.934	13.696	1.762	14,8%
2	Tổng chi phí	11.208	12.951	1.743	15,6%
3	LNTT	727	745	19	2,5%
4	LNST	587	596	9	1,5%
II Chỉ tiêu hiệu quả					
1	ROA (%)	8,0%	7,1%	-0,9%	-11,1%
2	ROE (%)	31,1%	26,8%	-4,3%	-13,9%

4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Đào tạo, chuẩn hóa năng lực nguồn lực kỹ thuật hiện trường Vận hành khai thác. Mục tiêu: Xây dựng được lực lượng Vận hành khai thác lành nghề, đảm bảo về cả số lượng & chất lượng, từ đó giúp giảm tiền phạt, tăng doanh thu.

Đầu tư Năng lượng tái tạo. Mục tiêu: Nâng tổng công suất Năng lượng tái tạo do VCC đầu tư lên tối thiểu 30 MWp.

Nâng cao năng lực triển khai lĩnh vực Xây dựng B2B. Mục tiêu: Trở thành nhà thầu đủ năng lực thi công các công trình quy mô lớn: Cao tầng, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp; Nâng cao năng lực triển khai, đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất của Việt Nam, hướng tới bắt nhịp với xu thế của Thế giới.

Nâng cao độ phủ & giá trị công trình Xây dựng B2C. Mục tiêu: Phủ công trình xây dựng nhà dân tới 100% xã/phường toàn quốc, ARPU công trình đạt > 1 tỷ đồng.

Chiếm lĩnh thị trường Năng lượng mặt trời: VCC trở thành đơn vị top đầu thị trường, chiếm lĩnh phân khúc giải pháp Năng lượng mặt trời dành cho hộ gia đình, phủ giải pháp Năng lượng mặt trời VCC tới 60 xã/phường mới trong năm 2026.



5. Nhiệm vụ cụ thể các lĩnh vực

1 Vận hành khai thác

Nâng cao chất lượng nguồn lực Vận hành khai thác (VHKT)

- ▶ Điều hành, đảm bảo đầy đủ định biên nhân sự kỹ thuật VHKT:
 - Tính toán định biên nhân sự đến mức Trung tâm kỹ thuật (TTKT) đảm bảo tính gối đầu và tăng năng suất lao động
 - Điều hành đủ theo định biên: Ứng dụng RPA tự động cảnh báo hàng ngày đến các cấp quản lý VHKT nhân sự thừa, thiếu theo định biên đến mức TTKT để có phương án đảm bảo kịp thời.
- ▶ Đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng cho nhân sự kỹ thuật VHKT thông qua chương trình đào tạo đầu vào cho FT mới & các khóa đào tạo riêng cho FT kém.

Ứng dụng chuyển đổi số vào công tác VHKT

- ▶ Ứng dụng AI vào phân tích ảnh chụp hiện trường để kiểm soát tiến độ, chất lượng hoạt động VHKT,
- ▶ Ứng dụng RPA nhằm hỗ trợ cảnh báo việc thừa thiếu nhân sự theo định biên.

Củng cố nâng cao độ bền vững của mạng lưới

- ▶ Chủ động củng cố các điểm xung yếu mạng truyền dẫn (TB 5000 điểm/quý).
- ▶ Phối hợp với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (VNet) khắc phục hậu quả của mưa bão đối với HTML theo kế hoạch của VNet (sau từng cơn bão sẽ cùng VNet báo hỏng, khảo sát thực tế lên giải pháp và đưa ra kế hoạch hành động).

2 Đầu tư hạ tầng cho thuê

Đẩy mạnh tìm kiếm, xúc tiến cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo: Tăng cường tìm kiếm, tiếp xúc dự án ngay từ cấp CNCT, chú trọng vào các đối tượng khách hàng lớn, có nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo lớn như Nhà máy, KCN, khu chế xuất, cơ quan, trường học, bệnh viện có ngân sách tiết kiệm năng lượng, trang trại nông nghiệp... Song song đánh giá hiệu quả, xúc tiến triển khai đầu tư dự án điện gió.

Mở rộng kênh cộng tác viên, kênh đối tác về tư vấn phát triển đối với các vị trí dùng chung trạm BTS: Giao WO cho tỉnh thực hiện tiếp xúc, làm việc với các nhà mạng để đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện của các tỉnh. Giao đích danh Giám đốc CNCT là đầu mối làm việc, thường xuyên tiếp xúc, đeo bám trực tiếp với các nhà mạng VNPT, Mobifone tại địa bàn phụ trách.

3 Xây dựng B2B

Kênh bán

- ▶ Đẩy mạnh tiếp xúc chính quyền và tìm kiếm dự án Đầu tư công tại cấp CNCT.
- ▶ Xây dựng tập khách hàng chiến lược trong mảng BĐS:
 - Tổ chức liên danh với các doanh nghiệp Xây dựng, Cơ điện uy tín trong ngành để nâng cao năng lực, đáp ứng điều kiện tham gia vào các gói thầu quy mô lớn.
 - Tăng cường tương tác, ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với các Chủ đầu tư đã từng hợp tác với VCC nhằm gia tăng tỷ trọng nguồn việc "repeated sale".
 - Xây dựng mạng lưới kênh bán, kênh tiếp xúc dự án FDI tại các CNCT trọng điểm thông qua các công ty tư vấn đầu tư, Sở KH&ĐT tỉnh/TP, BQL các KCN/Khu chế xuất tỉnh/TP.
- ▶ Tìm kiếm cơ hội triển khai các dự án Xây dựng tại thị trường nước ngoài. đặc biệt là các thị trường mà TD đã đầu tư hoặc có Văn phòng đại diện.

Kênh triển khai & kiểm soát:

- ▶ Xây dựng đội ngũ nhân sự key tại Trung tâm, đủ khả năng triển khai các dự án trọng điểm quốc gia & dự án FDI:
- Đẩy mạnh tuyển dụng các vị trí key trên các nền tảng tuyển dụng & các hội nhóm chuyên ngành Xây dựng trên Facebook.
- Liên hệ với mạng lưới tuyển dụng tại các doanh nghiệp Xây dựng lớn trên thị trường (Coteccons, Hòa Bình, Central,...) nhằm tìm kiếm thông tin về các ứng viên tiềm năng.
- ▶ Kiện toàn lực lượng Ban Chỉ huy (BCH) dự án tại các CNCT.
- ▶ Nghiên cứu, ứng dụng các vật liệu xanh vào các công trình do VCC thi công nhằm xây dựng hình ảnh nhà thầu "xanh", nâng cao năng lực nhằm tham gia vào các dự án FDI
- ▶ Tăng cường công tác điều hành, kiểm soát 3 lớp: Trung tâm, CNCT, BCH dự án. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giám sát & báo cáo hiện trường.

4 Xây dựng B2C

Kênh bán:

- ▶ Đẩy mạnh triển khai các hoạt động Marketing, tập trung xây dựng các chương trình marketing mang tính cá thể hóa theo đặc thù từng thị trường nhằm đánh “đúng & trúng” insight khách hàng.
- ▶ Nâng cao tỷ lệ chuyển đổi hợp đồng thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên sâu dành cho lực lượng nhân sự kinh doanh.
- ▶ Nâng cao giá trị công trình thông qua các gói giải pháp tích hợp có giá trị cao, kết hợp với lĩnh vực Năng lượng & Cơ điện để cung cấp các combo sản phẩm/dịch vụ ưu đãi dành cho hộ gia đình.

Kênh triển khai & kiểm soát:

- ▶ Quy hoạch tổ đội thầu phụ triển khai tại các CNCT đảm bảo số lượng & chất lượng. Triển khai rà soát, đánh giá định kỳ hàng quý chất lượng tổ đội thầu phụ xây dựng, loại bỏ các đối tác chất lượng kém.
- ▶ Kiện toàn mạng lưới đối tác cung ứng vật liệu xây dựng tại các CNCT. Tăng cường công tác dự báo thị trường, chủ động làm việc và đàm phán các điều khoản bình ổn giá với các nhà cung cấp cấp vùng.

5 Năng lượng & Cơ điện

Kênh bán

- ▶ Đẩy mạnh hoạt động Marketing hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ dành cho hộ gia đình của VCC thông qua các chiến dịch truyền thông đa kênh, kết hợp nhiều nền tảng (Facebook, Zalo, Google, Báo/đài địa phương,...)
- ▶ Nâng cao chất lượng lực lượng nhân sự kinh doanh, hướng tới xây dựng đội ngũ "chuyên gia Năng lượng - Cơ điện" tại các CNCT.
- ▶ Tăng cường tiếp xúc, tìm kiếm cơ hội tham gia vào các dự án Năng lượng - Cơ điện quy mô lớn nhằm nâng cao hồ sơ năng lực:

Kênh triển khai & kiểm soát:

- ▶ Nâng cao chất lượng lực lượng nhân sự kỹ thuật của VCC:
 - Phối hợp với các nhà cung cấp triển khai các chương trình đào tạo định kỳ hàng quý dành cho nhân sự triển khai in-house của VCC.
 - Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá chất lượng hàng quý nhằm đảm bảo 100% nhân sự triển khai đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiến thức & kỹ năng.
- ▶ Kiện toàn lực lượng nhà thầu triển khai dự án Cơ điện tại các CNCT
- ▶ Tăng cường ứng dụng số hóa, AI vào kiểm soát tiến độ & chất lượng dự án. Đảm bảo 100% các dự án được theo dõi tiến độ theo thời gian thực trên hệ thống phần mềm điều hành của VCC.



IV. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có. BCKT chấp nhận toàn bộ

V. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

1 Quản lý chất thải

Bảo vệ môi trường là một trong các yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. VCC áp dụng ISO 14001:2015 và ISO 14064-1:2018 vào việc xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa, giám sát và kiểm kê khí nhà kính.

Các hoạt động tại VCC:

1. Phân loại rác và thu gom rác thải tại nguồn
2. Thuê đối tác vận chuyển có đầy đủ năng lực để vận chuyển chất thải
3. Áp dụng ISO 14001:2015 cho khối văn phòng, nhà kho và dự án xây dựng đảm bảo các khía cạnh môi trường có ý nghĩa được kiểm soát và có phương án ứng phó kịp thời.

Các khía cạnh môi trường có ý nghĩa được nhận diện tại VCC:

1. Phát thải rác thải thông thường trong quá trình sinh hoạt của CBNV
2. Phát thải nước sinh hoạt trong quá trình sinh hoạt của CBNV
3. Rò khí gas và cháy nổ trong quá trình đốt Gas phục vụ nấu ăn
4. Phát thải khí CO2 do sử dụng điện, xăng dầu
5. Phát sinh bụi, tiếng ồn do hoạt động di chuyển tại công trình/dự án
6. Phát thải dầu thải do quá trình sử dụng phương tiện thi công
7. Cháy nổ, điện giật trong quá trình sinh hoạt của CBNV

Đối với các khía cạnh môi trường có ý nghĩa đã được nhận diện, VCC triển khai các hoạt động sau:

1. Thu gom rác thải tại nguồn
2. Lựa chọn đối tác vận chuyển rác thải/chất thải có đầy đủ năng lực

3. Xây dựng chỉ thị sử dụng tiết kiệm điện, nước
4. Bảo dưỡng xe theo định kỳ
5. Xây dựng tiêu chí để thuê thiết bị/máy móc thi công
6. Đo quan trắc môi trường làm việc làm việc
7. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị, máy móc có độ ồn cao tại các khu vực đông dân cư
8. Phun nước giữ ẩm tại công trường
9. Che chắn khu vực thi công
10. Áp dụng ISO 45001 trong việc đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp (xây dựng các phương án ứng phó tình huống cháy nổ, điện giật, tràn đổ hóa chất), tổ chức diễn tập hàng năm

Kết quả liên quan đến môi trường trong năm 2025:

1. Không phát sinh sự cố tràn đổ hóa chất tại công trường
2. 100% phương tiện vận chuyển được bảo dưỡng định kỳ
3. Không phát sinh các vụ cháy nổ, tai nạn lao động do điện giật, sử dụng gas
4. Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động văn phòng và thi công dự án đều được thu gom vào thùng chuyên dụng có nắp đậy và sẽ được tập kết đến kho chứa của tòa nhà hoặc khu chứa của Chủ đầu tư xây dựng.
5. Toàn bộ chất thải nguy hại đều có thùng chứa chất thải nguy hại như bóng đèn, mực in, vỏ can sơn... được thu gom vào thùng chứa riêng biệt có biển báo và nhận dạng trước khi tập kết đến kho chứa của Tòa nhà, chủ đầu tư.
6. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại công trường được đảm bảo nghiêm túc thu gom theo các mương chảy về tập trung tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải của Chủ đầu tư.
7. VCC áp dụng giải pháp tái sử dụng giấy in 1 mặt để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

2 Quản lý phát thải khí nhà kính

Trong nỗ lực để giảm nhẹ phát thải khí, VCC dự kiến sẽ xây dựng hệ thống kiểm soát các nguồn phát thải khí nhà kính và kiểm kê phát thải khí nhà kính theo ISO 14064-1:2018 từ năm 2024. Các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính và bảo vệ môi trường tại VCC:

1. Quản lý hiệu quả nguồn thải và chất thải
2. Đẩy mạnh năng lượng xanh
3. Đầu tư vào công nghệ thân thiện môi trường
4. Tăng cường hoạt động sáng kiến liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
5. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy...

2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

VCC nhận thức con người phù hợp được xem là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp, “con người” là nhân tố đầu tiên trong 4 nhân tố quyết định giải pháp cho các vấn đề kinh doanh tại VCC (con người – quy trình – công nghệ - quản trị). Vì vậy, mọi chính sách của VCC đều được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ các tác động đến người lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho người lao động; xây dựng và duy trì môi trường làm việc nơi mà mọi CBNV cảm thấy hạnh phúc, được tôn trọng, được phát huy hết khả năng của mình để đóng góp vào sự phát triển chung. Năm 2025, VCC tiếp tục duy trì thành tích top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, và đứng đầu trong ngành Xây dựng/Kiến trúc theo khảo sát do Công ty tư vấn Anphabe tổ chức.





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung

Môi trường chính trị nhiều phức tạp với chiến tranh xung đột tại nhiều khu vực, chính sách thuế của Mỹ gây ra rào cản với thương mại toàn cầu. Trong nước GDP tăng trưởng cao trên 8%, môi trường vĩ mô được ổn định. Đảng và Chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, văn bản pháp luật để thúc đẩy nền kinh tế.

Năm 2025 là năm diễn biến thiên tai, thời tiết khó lường tạo ra áp lực lớn lên hạ tầng mạng lưới và công việc kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó năm 2025 cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện lớn của đất nước như A50, A80, Đại hội Đảng các cấp ... với việc Tổng Công ty là đơn vị tiên phong triển khai hạ tầng kỹ thuật đảm bảo thông tin cho các sự kiện này cũng là thách thức và niềm tự hào của CBNV Tổng Công ty.

Vượt lên khó khăn, vất vả, Tổng Công ty tiếp tục hoàn thành thắng lợi kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ đề ra và duy trì mức tăng trưởng 2 con số.

Hoạt động quản trị công ty Tổng Công ty đã nhanh chóng kiện toàn mô hình chi nhánh tỉnh trên cơ sở sáp nhập đơn vị hành chính cấp Tỉnh/TP và triển khai định hướng chiến lược kinh doanh và xây dựng chiến lược nguồn lực cho giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu tăng trưởng cao và phát triển bền vững.



2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao

1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả kinh doanh năm 2025

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 14.058 tỷ đồng hoàn thành 101% kế hoạch, tăng trưởng 11% so với cùng kỳ 2024.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 599,7 tỷ đồng hoàn thành 107% kế hoạch, tăng trưởng 11,4% so với cùng kỳ 2024.

Riêng Công ty mẹ: Tổng doanh thu đạt 11.934 tỷ đồng hoàn thành 97% kế hoạch, tăng trưởng 17,7% so với cùng kỳ; LNST đạt 587,4 tỷ đồng hoàn thành 112% kế hoạch, tăng trưởng 10,5% so với cùng kỳ; ROE đạt 31,1% hoàn thành 125% kế hoạch.

Kết quả thực hiện các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm:

Tổng Công ty đã thực hiện tốt theo đúng các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm được giao:

- ▶ Hoàn thành xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu lớn: Thuộc Top 100 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Theo bảng VNR500); Cung cấp hệ sinh thái khép Tur vấn - Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu

- Đầu tư, đạt Top 1-3 từng lĩnh vực mức toàn quốc và mức tỉnh với 4 trụ kinh doanh chính; Tổng doanh thu đạt 25.071 tỷ vào năm 2030, tốc độ tăng trưởng qua các năm (CAGR) giai đoạn đạt 12%; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.050 tỷ vào năm 2030, CAGR giai đoạn đạt 7,5%.

- ▶ Mở rộng kinh doanh ngoài Tập đoàn, Doanh thu với các đối tác ngoài Viettel đạt 5.804 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 42%/tổng doanh thu Tổng Công ty.
- ▶ Tiếp tục khẳng định vị thế số 1 Towerco tại Việt Nam và vào Top 10 Towerco khu vực Asian, năm 2025 Tổng Công ty có thêm 2.000 trạm BTS cho thuê, lũy kế sở hữu 12.000 trạm BTS; 2,45 triệu m2 DAS; 2.716 km truyền dẫn; 16,92 Mwp điện mặt trời áp mái.
- ▶ Hoạt động kinh doanh ở nước ngoài triển khai đồng bộ, hiệu quả theo mô hình kinh doanh tại Việt Nam: 2 thị trường sẽ phát triển các lĩnh vực kinh doanh như công ty mẹ, ngoài ra Tổng Công ty đã mở rộng kinh doanh ra nhiều thị trường khác.
- ▶ Hoạt động quản trị hệ thống được đẩy mạnh: Trưởng thành số đạt 4.05/5; Trưởng thành văn hóa doanh nghiệp đạt 5/5; Trưởng thành quản trị rủi ro 5/5; Trưởng thành hệ thống quản lý chất lượng 3/3.

2 Thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền

Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2025:

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Chi trả cổ tức năm 2024 trong năm 2025:

HĐQT đã triển khai nghị quyết số 37/NQ-VCC ngày 11/09/2025 về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 21,5% tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và thời gian chi trả đảm bảo theo quy định pháp luật. Ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức là 01/10/2025 và ngày thanh toán là 15/10/2025.

Thực hiện giao dịch với người liên quan:

Trong năm 2025, có 5.083 hợp đồng với người có liên quan được ký kết (các hợp đồng đều có giá trị <35% Tổng tài sản (TTS), không phát sinh hợp đồng giá trị trên 35% TTS và tuân thủ theo tờ trình đã được ĐHĐCĐ phê duyệt với người liên quan là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội). Tổng giá trị các hợp đồng được ký kết 3.629,1 tỷ đồng. Trong năm, không phát sinh các giao dịch với người có liên quan của đối tượng khác.

3. Hoạt động tuân thủ pháp luật

Việc tuân thủ pháp luật là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, trong quá trình vận hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, VCC luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quy định hiện hành, đồng thời đã thực hiện thủ tục công bố thông tin một cách công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

Hoạt động tuân thủ pháp luật tại VCC:

Về con người: VCC đã tiến hành nâng cao chất lượng tuyển dụng và chuyên môn hóa nhân sự phụ trách các mảng pháp lý, tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự thông qua các khóa đào tạo nội bộ, các chương trình hội thảo, từ đó đảm bảo hiệu quả trong quá trình tư vấn các vướng mắc pháp lý liên quan đến các dự án, hoạt động SXKD đang triển khai tại TCT.

Về quy trình:

- ▶ Đã tiến hành thực hiện triển khai xây dựng khung tuân thủ pháp luật để nhận diện các yêu cầu cần tuân thủ, qua đó kịp thời nhận diện rủi ro và có các hành động ứng phó, phòng ngừa kịp thời.
- ▶ Chủ động nắm bắt các thay đổi và cập nhật mới về các quy định Pháp luật từ đó rà soát các văn bản, quy chế quản trị nội bộ và xây dựng quy trình phù hợp nhằm củng cố tính tuân thủ trong TCT.
- ▶ Góp ý xây dựng dự thảo các Luật quan trọng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT trong các lĩnh vực như (15/15 VBPL trong năm 2025): Viễn thông, Dữ liệu, Đầu tư, Quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, Xây dựng, Thuế.

Về công cụ: Hoạt động tuân thủ pháp luật còn thể hiện qua việc VCC đã thực hiện chuyển đổi số, xây dựng các công cụ, phần mềm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, làm cơ sở đảm bảo thông suốt cho hoạt động, vận hành của TCT.

Về quản trị: Thực hiện hậu kiểm công tác pháp lý định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả và yêu cầu khắc phục những vấn đề tồn tại của đơn vị.

4. Đạo đức và ứng xử

- ▶ Bộ quy tắc ứng xử của VCC đã được ban hành áp dụng bao gồm 08 quy tắc ứng xử: (1) Ứng xử tại nơi làm việc; (2) Ứng xử trong công việc; (3) Ứng xử với đồng nghiệp; (4) Ứng xử với khách hàng; (5) Ứng xử với đối tác; (6) Ứng xử với doanh nghiệp cùng ngành; (7) Ứng xử với cộng đồng; (8) Ứng xử trên không gian mạng.
- ▶ Bộ quy tắc ứng xử của TCT được áp dụng thực tiễn là nền tảng giúp phát huy tối đa năng lực cá nhân, thúc đẩy hiệu quả công việc, đồng thời xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ ứng xử văn minh và chuẩn mực theo văn hóa doanh nghiệp.
- ▶ TCT mong muốn Bộ quy tắc ứng xử không chỉ là quy định mà còn trở thành kim chỉ nam đồng hành cùng mỗi CBNV, được thấu hiểu và áp dụng một cách tự nhiên trong công việc và giao tiếp hàng ngày. Việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức này không chỉ giúp củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ mà còn góp phần tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp, nâng cao uy tín của VCC trong mắt khách hàng, đối tác và cộng đồng.
- ▶ Bộ quy tắc đưa ra hướng dẫn cụ thể về cách cư xử với vai trò là một CBNV (bao gồm cả thành viên HĐQT và thành viên ban điều hành) của VCC khi tương tác với bất kỳ chủ thể nào có liên quan.
- ▶ Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử và cũng xác định vai trò của Ban quản lý điều hành và quản lý cấp trung trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện quy tắc.
- ▶ VCC xây dựng các kênh, đầu mối tiếp nhận và quy trình để phản ánh khiếu nại, sai phạm.



II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN

Viettel Construction từ một doanh nghiệp tốt đến phát triển bền vững chúng tôi xây dựng chiến lược tăng trưởng gắn với trách nhiệm xã hội theo mô hình 3P: People (Con người) – Planet (Hành tinh) – Profit (Lợi nhuận).

1. Với xã hội/Cộng đồng:

- ▶ Chúng tôi cam kết đóng góp nhiều nhất cho cộng đồng xã hội. Tích cực tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, ủng hộ trường học, người có hoàn cảnh khó khăn.
- ▶ Tổng Công ty tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện đạt kết quả thiết thực, với tổng số tiền đóng góp: Quỹ Bảo trợ trẻ em 106 triệu đồng; Quỹ Mái ấm Công đoàn – Nghĩa tình đồng đội 244 triệu đồng; Quỹ Vì người nghèo 2,821 tỷ đồng. Đồng thời, triển khai kế hoạch hoạt động gắn kết nội bộ trong toàn Tổng Công ty theo phương châm mỗi Công đoàn bộ phận tổ chức ít nhất 01 hoạt động giao lưu thể thao, văn hóa – văn nghệ/quỹ; Công đoàn cơ sở hỗ trợ 100% các đầu mối Công đoàn bộ phận, với tổng kinh phí gần 500 triệu đồng/quỹ.
- ▶ Quán triệt và thực hiện hiệu quả triết lý kinh doanh “Phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội, cộng đồng”, Tổng Công ty duy trì thường xuyên hoạt động chăm sóc, thăm viếng, tri ân các Anh hùng Liệt sĩ tại Nghĩa trang Liệt sĩ phường Mỹ Trì (Nam Từ Liêm, Hà Nội) vào ngày mừng 01 âm lịch hằng tháng, cũng như tại các nghĩa trang liệt sĩ trên 34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Bên cạnh đó, Tổng Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đối ngoại nhân dân: ủng hộ nhân dân Cuba số tiền 579 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng 10 căn nhà cho các gia đình chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Quảng Ngãi, với tổng kinh phí 800 triệu đồng; ủng hộ kinh phí trồng cây xanh tại Trường Sa, trị giá 50 triệu đồng.

2. Với môi trường: Mục tiêu của Chúng tôi là:

- ▶ Không có vi phạm các yêu cầu của pháp luật liên quan đến môi trường
- ▶ Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tái sử dụng, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, có tối thiểu 01 SK/YT về bảo vệ môi trường được áp dụng vào thực tế.

3. Với Người lao động:

- ▶ VCC là ngôi nhà chung, là môi trường học tập và thăng tiến. Quan điểm của TCT là hình thành “văn hóa tổ chức học tập”, phương châm “Học tập chủ động”, mỗi cá nhân sẽ xác định lộ trình học tập tương ứng của mình để làm tốt công việc. Trong năm 2025, TCT đã tập trung xây dựng và triển khai thành công phần mềm học tập chủ động CALS, Số khóa học trong năm là 1.383 khóa, với hàng nghìn bài giảng điện tử được thực hiện, phù hợp với xu thế đào tạo trong kỷ nguyên mới..

- ▶ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên: 83,64 giờ/năm.
- ▶ Các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng cho Cán bộ nhân viên năm 2025 tập trung vào 4 nhóm: Đào tạo giá trị cốt lõi, khung tuân thủ. Đào tạo nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ. Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo. Đào tạo chuyển dịch chiến lược theo kế hoạch và chiến lược kinh doanh
- ▶ Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: Năm 2025 số lượt CBNV đã được đào tạo kỹ năng, nâng cao hiệu quả công việc là 141.463 lượt người, đã mang lại hiệu quả cho cá nhân và tổ chức, giúp tăng NSLĐ, hoàn thành KH SXKD năm 2025 của Tổng Công ty.
- ▶ VCC luôn ý thức được rằng mỗi giá trị của từng thành viên tạo ra đều góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Không phân biệt giới tính, độ tuổi, nguồn gốc dân tộc, các đối tượng được đánh giá để bị tổn thương trong xã hội đều được VCC xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng.
- ▶ Tổng Công ty xác định An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững, nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và hướng tới tăng trưởng dài hạn. Tổng Công ty đã xây dựng Kế hoạch triển khai công tác An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp một cách bài bản, có lộ trình rõ ràng, đồng thời ký kết hợp đồng với đối tác chuyên môn (Trung tâm Sức khỏe nghề nghiệp – Viện Khoa học an toàn và vệ sinh lao động) nhằm thực hiện các hoạt động trọng tâm như: quan trắc đánh giá môi trường lao động, để xác định các công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp và danh mục công việc cần khám bệnh nghề nghiệp tại đơn vị
- ▶ Tổng Công ty luôn quan tâm, chăm sóc đến lợi ích người lao động, có mối quan hệ tốt đẹp giữa quản lý và người lao động để cùng hiểu 1 ngôn ngữ, 1 cách làm, phát huy truyền thống người lính cụ Hồ.
- ▶ Công tác chính sách dân vận, thường xuyên quan tâm, chăm lo đến các tổ chức xã hội và đời sống cán bộ, nhân viên. Nổi bật là việc triển khai chính sách đặc thù, chương trình “Ngôi nhà Đoàn kết”. Năm 2025, Tổng Công ty đã xét duyệt xây dựng 31 căn nhà “Ngôi nhà Đoàn kết”. Bên cạnh đó, chính sách “Tặng 20 triệu đồng cho cặp đôi VCC kết hôn” tiếp tục nhận được sự hưởng ứng tích cực trong toàn Tổng Công ty; trong năm 2025 đã có 04 cặp đôi được trao quà, với tổng kinh phí 80 triệu đồng.
- ▶ Công tác chăm sóc, động viên con em CBNV được triển khai đồng bộ, hiệu quả: tổ chức Tết Trung thu cho 13.461 cháu thiếu nhi trên toàn quốc, với tổng kinh phí 4,038 tỷ đồng; trao thưởng cho 4.944 cháu học sinh giỏi năm học 2025–2026, với số tiền 1,288 tỷ đồng. Tháng Công nhân năm 2025, Tổng

Công ty đã trợ cấp khó khăn cho 117 CBNV và thân nhân, với tổng số tiền 752 triệu đồng; tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh – Liệt sĩ 27/7 cho 595 thân nhân, trị giá 308 triệu đồng. Trước ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, Tổng Công ty đã kịp thời hỗ trợ 470 CBNV và thân nhân, với tổng số tiền 3,348 tỷ đồng. Ngoài ra, công tác chăm lo dịp Tết được thực hiện chu đáo, với tổng kinh phí hơn 1 tỷ đồng, trao quà cho 81 cán bộ nghỉ hưu, 15 gia đình liệt sĩ, các gia đình có CBNV và thân nhân chủ yếu từ trần trong năm 2025, 21 CBNV mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh điều trị dài ngày và 123 thân nhân CBNV.

4. Với nhà cung cấp:

- ▶ Thông lệ mua sắm: Với mô hình trải dài khắp cả nước tại 34 tỉnh/TP. Nhằm đáp ứng nhu cầu về hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. VCC đã tổ chức bộ máy riêng biệt tại các tỉnh/TP có kỹ năng trong công tác mua sắm, lựa chọn nhà thầu. Bằng chứng là việc hàng nghìn hợp đồng được ký kết với hàng nghìn các đối tác trên địa bàn địa phương. Tỷ lệ mua sắm tại địa phương lên đến 50% so với tổng giá trị mua sắm của VCC và phản ánh qua doanh thu của TCT.
- ▶ Quy trình mua sắm: Quá trình lựa chọn và đánh nhà cung cấp, VCC không chỉ lựa chọn các nhà cung cấp theo các nhóm tiêu chí truyền thống như tài chính, năng lực sản xuất, dịch vụ sau bán hàng... Tổng Công ty cam kết việc đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp của VCC luôn hướng đến các yếu tố về môi trường và xã hội để phát triển trong dài hạn, theo định hướng chiến lược phát triển của VCC. Các yếu tố này bao gồm các tác động thực tế và tiềm tàng của các nhà cung cấp tới môi trường và xã hội. Việc lựa chọn nhà cung cấp luôn đảm bảo hài hòa các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội (ESG). Tổng Công ty ưu tiên quyết định việc lựa chọn các đơn vị tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về môi trường và xã hội cho phát triển bền vững.
- ▶ VCC tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các chủ nợ và cam kết đảm bảo các quyền lợi hợp pháp này được đảm bảo thực hiện. Tùy vào tình huống cụ thể cũng như yêu cầu và kết quả đàm phán với các chủ nợ, VCC sử dụng một hoặc nhiều biện pháp đảm bảo sau đây:
 - Sử dụng tài sản thế chấp là tài sản của VCC để đảm bảo cho các khoản nợ.
 - Sử dụng bảo lãnh tín chấp hoặc các hình thức khác theo thỏa thuận với chủ nợ.
 - Thỏa thuận với các chủ nợ về các nhóm biện pháp đảm bảo cho tài sản được tài trợ bởi chủ nợ như việc mua bảo hiểm, bảo dưỡng tài sản...
 - Báo cáo định kỳ về việc thực hiện các điều khoản bảo đảm cũng như công bố thông tin về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện quyền của chủ nợ.
 - Việc áp dụng biện pháp bảo đảm nào luôn đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích của chủ nợ và VCC và tuân thủ các quy định của pháp luật.

5. Với khách hàng:

- ▶ Bảo vệ quyền lợi khách hàng: VCC luôn lắng nghe đóng góp, ý kiến của khách hàng qua các chương trình đánh giá khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng với cách thức thực hiện đa dạng và tiện lợi cho khách hàng (Khảo sát trực tuyến, gọi điện thoại khảo sát,...). Trong năm 2025, Công trình Viettel ghi nhận 28.703 khách hàng tham gia khảo sát, trong đó 94,6% khách hàng đánh giá hài lòng đối với chất lượng, dịch vụ mà công ty cung cấp. Bên cạnh đó, Công trình Viettel cũng thực hiện khảo sát khách hàng có sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ sau khi đã trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Theo đó, Công ty ghi nhận 6.819 khách hàng tham gia đánh giá có 89,8% khách hàng sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ cho bạn bè, người thân. Trong năm 2025, tiếp nhận 1.664 phản ánh cần hỗ trợ của khách hàng, 100% phản ánh được tiếp nhận và giải quyết kịp thời.
- ▶ VCC đảm bảo đa dạng kênh chăm sóc khách hàng để có thể hỗ trợ và đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng khi có thắc mắc, yêu cầu xử lý về thông tin khách hàng:

- Hotline chăm sóc khách hàng: 18009377
- Website: <https://viettelconstruction.com.vn/>
- Email: cskhcongtrinhviettel@viettel.com.vn
- Facebook: **Viettel Construction**

- ▶ Tiếp thị và nhãn hiệu: VCC luôn tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn về nhãn hiệu, sản phẩm, dịch vụ cũng như hoạt động truyền thông tiếp thị. Hiện nay, VCC chưa ghi nhận bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ và không có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các đơn vị khác. TCT đã ban hành các hướng dẫn để triển khai các chương trình khuyến mại, đồng thời thực hiện báo cáo rà soát các chương trình khuyến mại đã triển khai trong năm. Ngoài ra, danh sách nhãn hiệu của VCC cũng đã được đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ quyền lợi thương hiệu một cách chính thức và minh bạch.

- ▶ Bảo mật thông tin: VCC cam kết luôn đảm bảo bảo vệ và bảo mật thông tin khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, cam kết theo đúng quyền lợi của khách hàng. VCC đã ban hành Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng thực hiện theo đúng Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ. Theo đó, chính sách nêu rõ mục đích sử dụng dữ liệu cá nhân, cách thức xử lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của khách hàng (Quyết định số 6796/QĐ-VCC về ban hành Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Thông báo số 6862/TB-VCC về việc áp dụng Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với khách hàng qua các website, ứng dụng bán hàng, Thông báo số 606/TB-VCC về việc áp dụng số Hotline tại các hợp đồng của VCC...).

6. Với cổ đông:

- ▶ Cổ đông VCC sẽ luôn được đối xử công bằng, được bảo vệ quyền lợi cao nhất và Chúng tôi luôn cam kết gia tăng giá trị, quyền lợi cho cổ đông.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Hoạt động giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- ▶ Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT đã ban hành.
- ▶ Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.
- ▶ Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

2. HĐQT đánh giá Ban điều hành

- ▶ Ban Điều hành rất nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch và thực hiện tốt các nhiệm vụ HĐQT đề ra.
- ▶ Ban Điều hành duy trì việc báo cáo HĐQT tình hình SXKD, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và xin ý kiến HĐQT các nội dung theo đúng thẩm quyền.
- ▶ Ban điều hành quyết liệt trong điều hành quản lý công nợ, hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, vòng quay vốn cho Tổng Công ty.
- ▶ Chủ động trong các hoạt động Trải nghiệm khách hàng, trải nghiệm nhân viên, trải nghiệm đối tác và học tập văn hóa doanh nghiệp.



IV. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Định hướng - Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- ▶ Nâng cao hiệu quả hoạt động Quản trị công ty đáp ứng theo thông lệ tốt của Châu Á và Asean. Phấn đấu tăng điểm Quản trị công ty vào nhóm VNCG20.
- ▶ Đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); nghiên cứu đầu tư nhà ở xã hội.
- ▶ Nghiên cứu, khảo sát đầu tư tại thị trường Dominica.
- ▶ Nâng cao năng lực triển khai lĩnh vực xây dựng B2B trở thành nhà thầu thi công các công trình lớn và trọng điểm của đất nước.
- ▶ Nâng cao độ phủ, giá trị công trình xây dựng B2C để trở thành Top 1 thị trường trong mảng xây dựng nhà trọn gói.
- ▶ Chiếm lĩnh thị trường năng lượng mặt trời với mục tiêu Top 1 thị trường phân khúc giải pháp năng lượng mặt trời cho hộ gia đình tại Việt Nam.

2. Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2026 (Số liệu hợp nhất)

- ▶ Tổng doanh thu: 15.653 tỷ đồng tăng trưởng 11% so với năm 2025.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế: 622,4 tỷ đồng, tăng trưởng 3,8% so với năm 2025.
- ▶ Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 10%-20%.
- ▶ Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 13.696 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 596 tỷ đồng; ROE đạt 26,8%.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT bao gồm 5 thành viên: Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT; Phạm Đình Trường; Vũ Thị Mai; Nguyễn Tất Trường và Nguyễn Quang Khải (Thành viên độc lập HĐQT). Cơ cấu: 1/5 thành viên HĐQT là độc lập; 1/5 thành viên HĐQT là nữ. Chi tiết:

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TUỔI	TRÌNH ĐỘ/ CHUYÊN MÔN	THỜI GIA THAM GIA HĐQT	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI ĐƠN VỊ KHÁC
ĐỖ MẠNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT	51	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư điện tử viễn thông	22/04/2022	13.547 cp ~ 0,012%	Không có.	Không có
PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	Thành viên HĐQT kiêm TGD	45	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư điện tử viễn thông	26/01/2019	20.332 cp ~ 0,018%		Không có
VŨ THỊ MAI	Thành viên HĐQT	45	Thạc sỹ Quản trị nhân lực; quản trị kinh doanh	18/04/2023	924 cp ~ 0,001%	Không có.	Không có
NGUYỄN TẤT TRƯỜNG	Thành viên HĐQT	46	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Cử nhân Công nghệ thông tin	19/06/2018	8.316 cp ~ 0,007%	Không có.	Không có
NGUYỄN QUANG KHẢI	Thành viên độc lập HĐQT	51	Kỹ sư Điện tử viễn thông	22/04/2022	0 cp ~ 0%	Không có.	Thành viên HĐQT 01 đơn vị khác: Công ty cổ phần DMSpro; Giám đốc công nghệ công ty NGS Digital.

KINH NGHIỆM VÀ LÝ LỊCH TÓM TẮT:



ÔNG ĐỖ MẠNH HÙNG

- ▶ 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- ▶ Ông đã từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: PTGD Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tổng Công ty Đầu tư Quốc Tế Viettel (VTG); Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Viettel.



ÔNG PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

- ▶ 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- ▶ Ông từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các công ty: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel.



BÀ VŨ THỊ MAI

- ▶ 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực
- ▶ Bà trải qua nhiều chức vụ: Giảng viên học viện tài chính; Trưởng phòng hợp tác quốc tế BIDV; Phó giám đốc học viện Viettel; chức danh tại Ban Tổ chức nhân lực - Tập đoàn Viettel và hiện nay vẫn đang giữ chức vụ Trưởng Ban Tổ chức nhân lực – Tập đoàn Viettel.



ÔNG NGUYỄN TẤT TRƯỜNG

- ▶ 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử; kỹ thuật.
- ▶ Ông trải qua nhiều chức danh tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel như: Trưởng phòng kỹ thuật; Trưởng phòng kiểm soát nội bộ.



ÔNG NGUYỄN QUANG KHẢI

- ▶ 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.
- ▶ Ông trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: Giám đốc tư vấn giải pháp – Oracle Việt Nam; Kiến trúc sư trưởng – SAP Việt Nam; Phó tổng giám đốc Công nghệ - Adayroi – Vingroup; Giám đốc điều hành kiêm thành viên HĐQT – DMS pro.

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hiện nay có 02 tiểu ban trực thuộc: Tiểu ban Thư ký HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (thành lập trên cơ sở kiện toàn Phòng Kiểm toán nội bộ)

1 Tiểu ban Thư ký HĐQT:

Tiểu ban thư ký HĐQT ngoài hoạt động chuẩn bị tổ chức họp ĐHCĐ và HĐQT đã hỗ trợ thành viên HĐQT thực hiện các chuyên đề giám sát và hoạt động liên quan đến rà soát quy định của Pháp luật, điều chỉnh, sửa đổi văn bản quản lý nội bộ; nghiên cứu đánh giá các mô hình QTCT theo thông lệ tốt. Bên cạnh đó hoạt động chuyên môn của Tiểu ban Thư ký HĐQT được đảm bảo tính tuân thủ theo quy định, tiểu ban thư ký HĐQT còn thực hiện:

- ▶ Hoạt động công bố thông tin: trong năm, Tổng Công ty đã công bố 21 nội dung đảm bảo tuân thủ quy định cũng như cung cấp thông tin phù hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời
- ▶ Hoạt động IR:
 - CT tham gia nhiều sự kiện gặp mặt nhà đầu tư/ quỹ đầu tư lớn tại nhiều sự kiện (HSC's Emerging Vietnam Conference 2025) và gặp mặt tại Tổng Công ty. Khoảng 40-60 quỹ đầu tư có cơ hội gặp lãnh đạo Tổng Công ty để nắm bắt thông tin hoạt động. Bộ phận IR duy trì kênh online tiếp nhận và giải đáp thắc mắc cổ đông.
 - Hàng tháng Tổng Công ty định kỳ công bố kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong tháng.

Phụ trách bộ phận IR của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel là Ông Phạm Hồng Quân – Chánh văn phòng HĐQT.

Thông tin liên hệ bộ phận IR: Điện thoại: 0862081111

Email: ir.viettelconstruction@viettel.com.vn hoặc quanph7@viettel.com.vn

2 Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Ngày 29/4/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã quyết định thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trên cơ sở Phòng Kiểm toán nội bộ.

Công tác kiểm toán nội bộ được triển khai trong năm 2025 như sau:

- ▶ Kiểm toán hoạt động 01 Trung tâm kinh doanh: đánh giá hiệu quả hoạt động; rà soát việc tuân thủ quy trình, quy định trong công tác tìm kiếm, tiếp xúc dự án xây dựng; Lựa chọn nhà thầu; Tổ chức triển khai thi công, biện pháp thi công và hoàn công, thanh quyết toán công trình; Đánh giá công tác quản lý và thu hồi công nợ; Đánh giá năng lực nhà thầu phụ, tiến độ triển khai, quyết toán và thanh lý dự án (hợp đồng) và đưa ra kiến nghị trọng yếu.
- ▶ Kiểm toán hoạt động 01 Chi nhánh tỉnh/TP: tập trung vào kết quả, lĩnh vực kinh doanh, mô hình tổ chức, quản trị, quản lý tài chính, tài sản, kho bãi; tổ chức lao động, đào tạo, truyền thông; quyết toán vật tư và đầu tư hạ tầng, tuân thủ các quy định và thượng tôn pháp luật, quy định nội bộ Tổng Công ty và đưa ra kiến nghị trọng yếu.
- ▶ Kiểm toán công tác theo dõi và quản lý công nợ tại Tổng Công ty: Đánh giá sự phù hợp về thiết kế, mức độ tuân thủ trong vận hành các chốt kiểm soát trong các quy trình, quy định liên quan đến công tác quản lý và theo dõi công nợ và đưa ra các kiến nghị trọng yếu.
- ▶ Kiểm toán công tác lập kế hoạch, tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động phát triển kênh bán tại Tổng Công ty: Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch kênh bán, mức độ tuân thủ quy trình, quy định liên quan đến công tác lập kế hoạch, tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động phát triển kênh bán tại Tổng Công ty.
- ▶ Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 theo phương pháp “định hướng rủi ro”, tập trung vào các hoạt động, quy trình có mức độ rủi ro cao hoặc có tác động lớn đến mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty.

- ▶ Ngoài việc thực hiện các chuyên đề kiểm toán, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành việc rà soát và hoàn thiện Khung đánh giá và kế hoạch nâng cao mức độ trưởng thành đến năm 2030; Phối hợp với đơn vị độc lập rà soát lại các hoạt động Kiểm toán nội bộ tại Tổng Công ty làm cơ sở để cải thiện, chuẩn hóa lại hệ thống quy trình, quy định, hoạt động theo hướng Chuẩn quốc tế
- ▶ Trong quá trình hoạt động, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã tuân thủ Quy chế kiểm toán nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt cũng như các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam, các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và các quy định khác liên quan.



3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel đã tổ chức 11 phiên họp (trong đó: 04 phiên biểu quyết tại cuộc họp và 07 phiên lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua 24 Nghị quyết/Quyết định nhằm quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các nội dung cụ thể như sau:

PHIÊN HỌP	HÌNH THỨC/ THÀNH PHẦN THAM DỰ	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
Phiên 01: Từ ngày 03/01/2025 - 09/01/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	03/NQ-VCC	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm Giám đốc trung tâm	100%
Phiên 02: Ngày 20/01/2025	Họp trực tiếp/ HĐQT: 5/5	05/NQ-VCC	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2024, định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025	100%
		06/QĐ-VCC	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Chi nhánh Công trình Viettel Thừa Thiên Huế	100%
		07/QĐ-VCC	Ban hành quy chế hoạt động của Người đại diện Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại các doanh nghiệp khác	100%
		08/QĐ-VCC	Cử Người đại diện theo ủy quyền tại Viettel Construction Myanmar Co., Ltd. và Công ty G.I.Services (Cambodia).	100%
Phiên 03: Từ ngày 21/03 đến 26/03/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	10/NQ-VCC	Thông qua chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2025; Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2025.	100%
		11/QĐ-VCC	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025.	100%
		12/NQ-VCC	Thông qua chương trình, tài liệu ĐHCĐ thường niên 2025.	100%
		13/NQ-VCC	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm Trưởng phòng Chăm sóc khách hàng	100%
		14/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm tại TCT	100%
Phiên 04: Ngày 16/04/2025	Họp trực tiếp HĐQT: 5/5	19/NQ-VCC	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030	100%

PHIÊN HỌP	HÌNH THỨC/ THÀNH PHẦN THAM DỰ	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
Phiên 05: Từ ngày 23/4 đến 29/4/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	21/QĐ-VCC	Thay đổi người đại diện theo ủy quyền tại Công ty G.I.Services (Cambodia)	100%
		22/NQ-VCC	Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện 2024	100%
		23/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế Giám sát tài chính	100%
		24/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế quản lý Tài chính	100%
		25/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế quản lý nợ	100%
Phiên 06: Từ ngày 26/5 đến 29/5/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	27/NQ-VCC	Quyết định kiện toàn mô hình tổ chức Tổng Công ty	100%
Phiên 07: Từ ngày 03/7 đến 08/7/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	29/NQ-VCC	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm	100%
		30/NQ-VCC	Công tác nhân sự (Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm Chánh Văn phòng)	100%
		31/QĐ-VCC	Thay đổi Người đại diện theo ủy quyền tại Viettel Construction Myanmar Co., Ltd	100%
Phiên 08: Ngày 24/7/2025	Họp trực tiếp HĐQT: 5/5	33/NQ-VCC	Thông qua kế hoạch SXKD , kế hoạch của Tiểu ban KTNB 6 tháng cuối năm 2025	100%
Phiên 09: Từ ngày 08/9 đến 11/9/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	37/NQ-VCC	Chi trả cổ tức năm 2024	100%
Phiên 10: Ngày 30/10/2025	Họp trực tiếp HĐQT: 4/5	39/NQ-VCC	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2025	100%
Phiên 11: Từ ngày 23/12 đến 26/12/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	43/QĐ-VCC	Phân phối lợi nhuận công ty con	100%

1 Đánh giá HĐQT trong năm:

Đánh giá chung hoạt động HĐQT

- ▶ Năm 2025, HĐQT TCT đã thực hiện nhiều nội dung giám sát theo thực tế hoạt động của đơn vị: Rà soát, đánh giá và xây dựng chiến lược giai đoạn 2026-2030 hướng tới mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 trên quan điểm “Viettel Construction là hệ sinh thái nhân lực chuẩn mực toàn diện, điển hình tiên tiến cho các doanh nghiệp Việt Nam”; Kiện toàn mô hình tổ chức Tổng Công ty: sáp nhập 63 Chi nhánh thành 34 Chi nhánh, chấm dứt hoạt động của 29 Chi nhánh (trên cơ sở sáp nhập đơn vị hành chính cấp Tỉnh/TP); Giám sát việc phân phối lợi nhuận công ty con; Triển khai và Giám sát thực hiện NQ của ĐHĐCĐ thường niên (Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; Chi trả cổ tức; giao dịch người có liên quan, phê duyệt đơn vị kiểm toán).
- ▶ Định kỳ hàng quý, HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả kinh doanh và hiệu quả tài chính của đơn vị. HĐQT giao KPI các chỉ tiêu kinh doanh, hiệu quả, chỉ tiêu hoạt động theo quý để đảm bảo mục tiêu tối ưu chi phí, tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- ▶ 6 tháng hoặc 1 năm HĐQT sẽ thực hiện rà soát kết quả thực hiện chiến lược (chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư, chiến lược về vốn giai đoạn 5 năm) từ đó điều chỉnh cho phù hợp. Chiến lược vốn được đánh giá trên cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu nợ vay, tình hình sử dụng vốn, chiến lược kinh doanh cũng như khẩu vị rủi ro của Tổng Công ty.

NGOÀI RA HĐQT CŨNG THỰC HIỆN MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ VÀ GIÁM SÁT THỰC TẾ SAU:

Giám sát thực tế:

- ▶ Để chuẩn bị cho ngành nghề, không gian tăng trưởng mới cho giai đoạn tới, Chủ tịch HĐQT thực hiện một số hoạt động/chuyên đề: Khảo sát, tìm kiếm hợp tác, nghiên cứu thị trường ở lĩnh vực đầu tư nhà ở xã hội tại Phú Thọ, Bắc Ninh...
- ▶ Đi thực tế đánh giá quy trình lập kế hoạch triển khai thi công, quy trình tổ chức thi công dự án xây dựng B2B và đánh giá kiểm soát tiến độ, chất lượng các công trình tại Hưng Yên.
- ▶ Giám sát thực tế hoạt động tác nghiệp củng cố nâng cao chất lượng mạng lưới và hoàn công quyết toán các công trình viễn thông tại Quảng Ninh.
- ▶ Nghiên cứu, trao đổi thực tế với các đơn vị về các nguyên tắc Quản trị công ty theo G20/OECD để xây dựng kế hoạch tăng điểm QTCT của VCC.

Giám sát các nội dung đang thực hiện khắc phục tồn tại các kết luận kiểm tra

Giám sát pháp lý điều chỉnh, sửa đổi các Quy chế nội bộ:

- ▶ Năm 2025, HĐQT đã tiến hành rà soát và ban hành lại 5 quy chế về lĩnh vực tài chính nhằm điều chỉnh nội dung phù hợp với thực tế quản lý, quản trị hiện nay tại Tổng Công ty

Giám sát giao dịch với Người có liên quan:

- ▶ Trong năm 2025, có 5.083 HĐ với người có liên quan được ký kết (Tất cả đều là các HĐ có giá trị <35% TTS và đã xin chủ trương tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Không phát sinh hợp đồng giá trị trên 35% TTS). Tổng Giá trị các hợp đồng được ký kết 2.158,9 tỷ đồng. Các giao dịch với Người có liên quan đều là hợp đồng/giao dịch ký với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội và các đơn vị thành viên, không phát sinh các giao dịch với người có liên quan của đối tượng khác.

2 Đánh giá kết quả từng thành viên

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- ▶ Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch HĐQT định hướng và rà soát chiến lược cho Tổng Công ty. Chủ tịch HĐQT chủ trì đi nghiên cứu thị trường khảo sát các lĩnh vực kinh doanh mới và chủ trì hoạt động nghiên cứu học tập nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt của thế giới nhằm thúc đẩy hoạt động quản trị công ty vượt trên tuân thủ hướng tới nằm trong top các doanh nghiệp có hoạt động quản trị công ty tốt tại Việt Nam.
- ▶ Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2025.



4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên độc lập HĐQT là ông Nguyễn Quang Khải đã tham gia 10/11 phiên họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến quan trọng vào hoạt động quản trị, phát triển bền vững và hệ thống công nghệ cho Tổng Công ty.

Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của Tổng Công ty

- ▶ Trong năm cuối cùng trong giai đoạn thực hiện chiến lược 2021-2025 của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Ban điều hành đã quyết liệt, sâu sát, khẩn trương thực hiện các điều chỉnh kịp thời về cơ cấu tổ chức, định hướng kinh doanh để nắm bắt những cơ hội mang lại từ những thay đổi mang tính đột phá của toàn bộ hệ thống chính trị đồng thời thích ứng với những biến động của thị trường và những ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai khí hậu. Nhờ đó Tổng Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2025, đặc biệt có những đóng góp đáng kể vào sự thành công trong phát triển hạ tầng mạng 5G của Tập đoàn, đồng thời được tham gia các dự án lớn về hạ tầng mang tính chất trọng điểm quốc gia.
- ▶ HĐQT đã thể hiện vai trò dẫn dắt chiến lược rõ nét, với việc chuẩn bị bài bản cho giai đoạn 2026–2030 và tái cấu trúc tổ chức quy mô lớn, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn. Hoạt động giám sát được triển khai toàn diện, từ cấp chiến lược đến thực địa, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng dự án. Việc tiếp cận các chuẩn mực quản trị theo G20/OECD và rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ cho thấy cam kết nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp. Công tác kiểm soát giao dịch với bên liên quan được thực hiện đúng quy định, minh bạch và trong phạm vi được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi sát việc khắc phục các tồn tại sau kiểm tra, giám sát nhằm củng cố tính bền vững trong quản trị và tuân thủ.



5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát và Tiểu ban Thư ký HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, các buổi Hội thảo tọa đàm nhằm bổ sung kiến thức pháp luật cũng như thông lệ tốt về quản trị công ty. Cụ thể như sau:

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
1	14/3 - 20/4/2025	Chương trình đào tạo chứng chỉ Kiểm toán nội bộ thực hành	Smart Train
2	20-22/03/ 2025	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT (DCP32)	VIOD
3	12/4 -15/5/2025	Chương trình đào tạo chứng chỉ Kiểm toán nội bộ thực hành	Protrain
4	25-26/04/2025	Khóa học ứng dụng AI trong hoạt động phân tích và đầu tư	Tập đoàn Viettel
5	Viettel Group	Khóa học “Quản trị công ty”	SRTC
6	06/06/2025	Hội thảo: “Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng?”	UBCKNN và VIOD
7	20/6/2025	Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập báo cáo tài chính	UBCKNN
8	15/7/2025	Tập huấn CSI và quản trị doanh nghiệp 2025	VCCI
9	22/8/2025	Diễn đàn Doanh nghiệp Phát triển bền vững (VCSF) năm 2025 với chủ đề “Phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới: Biến khát vọng vươn mình thành hành động”	VCCI
10	18-19/9/2025	Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty Cổ phần Đại chúng	UBCKNN
11	17-18/10/2025	Phân tích báo cáo tài chính	Protrain
12	05/12/2025	Diễn đàn Thường niên về Quản trị công ty lần thứ 8 (AF8)	VIOD
13	11/12/2025	Hội thảo đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)	UBCKNN

HĐQT và Tổng Công ty xác định Quản trị công ty là yếu tố giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, động lực phát triển của doanh nghiệp. Từ đó **TCT xác định lộ trình triển khai các công việc nâng cao hiệu quả quản hoạt động Quản trị công ty:**

- ▶ Thành lập các Ủy ban giúp việc HĐQT
- ▶ Xây dựng và công bố kế hoạch hoạt động của HĐQT theo năm và nhiệm kỳ
- ▶ Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành
- ▶ Xây dựng chính sách đào tạo cho các thành viên HĐQT



II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH
NGÔ QUANG TUỆ	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025; Ngày không còn là thành viên BKS: 16/04/2025.	4.035 cp ~ 0,004%	Không có.
TRẦN MINH NGUYỆT	Trưởng Ban kiểm soát	16/04/2025 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty.	1.100 cp ~ 0,001%	Không có.
PHẠM HỒNG QUÂN	Nguyên Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025; Ngày không còn là TV BKS: 16/04/2025	0 cp ~ 0,0%	Không có.
MAI THỊ ANH	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu Bà vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	1.562 cp ~ 0,001%	Không có.
PHAN THẾ TRƯỜNG	Thành viên BKS	16/04/2025 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty.	0 cp	Không có.

Thay đổi trong năm: Ông Ngô Quang Tuệ; Ông Phạm Hồng Quân không còn thành viên BKS; Bà Trần Minh Nguyệt và Ông Phan Thế Trường được bầu thành viên BKS.



2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp trong năm 2025, cụ thể:

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 1: Ngày 03/01/2023	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả hoạt động giám sát Quý 4/2024 và năm 2024 của Ban kiểm soát Xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025 và giải pháp thực hiện Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 4.2024 và năm 2024. Lập kế hoạch làm việc với Công ty kiểm toán AASC thông qua các kiến nghị của kiểm toán BCTC năm 2024 Lập Dự thảo Báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2025 Triển khai chuyên đề giám sát năm 2024 đối với hoạt động của Trung tâm B2B, trung tâm GP&DVKT và công tác quản lý công nợ 	100%
Phiên 2: Ngày 08/04/2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới nhằm đảm bảo vai trò điều phối, lãnh đạo hoạt động chung của BKS Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS trên cơ sở năng lực, kinh nghiệm và định hướng kế hoạch giám sát năm 2025. 	100%
Phiên 3: Ngày 25/06/2024	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong Quý I năm 2025 Đánh giá vai trò, kết quả tham gia của Ban Kiểm soát trong công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I năm 2025, tập trung vào số liệu hợp nhất, dòng tiền, công nợ, trích lập dự phòng và các khoản mục trọng yếu Xây dựng dự thảo quy trình và bộ tiêu chí lựa chọn, đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập Giám sát quá trình phối hợp với Kiểm toán độc lập, chuẩn bị kế hoạch soát xét BCTC bán niên Lập kế hoạch đi thực tế kiểm tra, giám sát theo kế hoạch tại các chi nhánh Triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Kiểm soát trong Quý II năm 2025 	100%

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 4 Ngày 10/7/2025	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong Quý II năm 2025 Thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban Kiểm soát và trách nhiệm chung của Ban Kiểm soát Thẩm định Báo cáo tài chính Quý II năm 2025, tập trung vào số liệu hợp nhất, dòng tiền, công nợ, trích lập dự phòng và các khoản mục trọng yếu Ban hành quy trình và bộ tiêu chí lựa chọn, đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập Giám sát công tác soát xét BCTC bán niên năm 2025 đảm bảo tính minh bạch, khách quan theo đúng chuẩn mực kế toán Triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Kiểm soát trong Quý III năm 2025 	100%
Phiên 5 Ngày 03/10/2025	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và hoạt động giám sát của BKS trong Quý III năm 2025, bao gồm: giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, thực hiện nghị quyết HĐQT và công bố thông tin Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2025, tập trung vào số liệu hợp nhất, dòng tiền, công nợ, trích lập dự phòng và các khoản mục trọng yếu khác Triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Kiểm soát trong Quý IV năm 2025 	100%

Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết của ĐHQĐ

Trong năm 2025, môi trường kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục có nhiều biến động, rủi ro và bất định kéo dài. Căng thẳng địa chính trị tại một số điểm nóng như Nga - Ukraine, Iran - Israel, Thái Lan - Campuchia chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, tạo áp lực lên chuỗi cung ứng, dòng vốn và tâm lý thị trường toàn cầu. Song song với đó, tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, làm gia tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng thời tiết cực đoan theo xu hướng khắc nghiệt, thất thường và dồn dập. Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề, với 12 cơn bão kèm theo lũ lụt gây thiệt hại nghiêm trọng tại nhiều địa bàn trên cả nước.

Trong nước, Chính phủ và các Bộ/ngành đẩy mạnh chuyển đổi số, thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách, qua đó mở rộng hành lang pháp lý và tạo động lực cho tăng trưởng. Mô hình chính quyền địa phương hai cấp bước đầu vận hành ổn định và phát huy hiệu quả. Các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước được tổ chức thành công, góp phần nâng cao hình ảnh, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam năm 2025 duy trì đà phục hồi tích cực; GDP tăng 8,02%, CPI bình quân tăng 3,31%, nằm trong mục tiêu kiểm soát. Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn FDI tăng ổn định, qua đó hỗ trợ mở rộng sản xuất và thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Trước diễn biến thị trường khó lường và các rủi ro tiềm ẩn, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã chủ động bám sát tình hình, điều hành linh hoạt và triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao. Đồng thời, công tác bảo toàn và phát triển vốn tiếp tục được ưu tiên thông qua kiểm soát dòng tiền hiệu quả, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, tăng cường quản trị rủi ro tài chính và tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật.

Giám sát Hội đồng quản trị/ Supervision the Board of Directors

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm, theo dõi quá trình chuẩn bị chương trình, tài liệu, việc ban hành nghị quyết và giám sát tính tuân thủ trong tổ chức thực hiện.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp (gồm 04 cuộc họp biểu quyết và 07 cuộc lấy ý kiến bằng văn bản), đảm bảo tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục. Nội dung chương trình họp được chuẩn bị kỹ lưỡng, gửi trước cho các thành viên theo quy định, các thành viên tham dự tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến chuyên môn, qua đó thể hiện rõ vai trò của Hội đồng Quản trị trong định hướng, hoạch định và giám sát hoạt động quản trị.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định, trong đó tập trung vào các nội dung trọng yếu như phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025, quyết toán quỹ lương năm 2024, định hướng và xem xét các nội dung liên quan hoạt động đầu tư trong kỳ, cùng các vấn đề quản trị quan trọng khác. Các nội dung được thảo luận, cân nhắc trên cơ sở bám sát chiến lược phát triển và yêu cầu vận hành thực tế của Tổng Công ty. Ban Kiểm soát theo dõi chặt chẽ tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, thẩm quyền ban hành và tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định nêu trên.

Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị ban hành, cập nhật một số quy chế nội bộ, điều chỉnh mô hình tổ chức và kiện toàn nhân sự quản lý theo yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển. Ban Kiểm soát giám sát các nội dung này theo hướng bảo đảm tuân thủ pháp lý, đúng thẩm quyền, minh bạch và phù hợp với cơ cấu quản trị của Tổng Công ty.

Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được Hội đồng Quản trị chỉ đạo triển khai đúng quy định, bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung, hồ sơ và công bố thông tin theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Ban Kiểm soát theo dõi quá trình chuẩn bị và tổ chức Đại hội, qua đó ghi nhận việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về công khai, minh bạch và quyền của cổ đông.

Giám sát Ban Điều hành/ Supervising the Board of Management

Đối với Ban Điều hành, Ban Kiểm soát giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, theo dõi mức độ tuân thủ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao. Trong năm 2025, công tác điều hành sản xuất kinh doanh được triển khai đồng bộ theo kế hoạch đã phê duyệt, bảo đảm tiến độ các nhiệm vụ trọng tâm. Hoạt động vận hành được kiểm soát theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, đồng thời duy trì an toàn tài chính trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Ban Điều hành cũng chủ động mở rộng thị trường, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới ngoài ngành truyền thống nhằm đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn. Ban Kiểm soát đánh giá cao tinh thần chủ động, linh hoạt và các nỗ lực đổi mới trong quản trị điều hành.

Giám sát cổ đông/ Supervising shareholders

Giám sát về lợi ích của các cổ đông lớn và những người có liên quan thông qua các hợp đồng giao dịch, bán đấu giá.

Giám sát các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát duy trì nguyên tắc độc lập, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tăng cường phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và chất

lượng quản trị. Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, được cung cấp tài liệu liên quan theo quy định và chủ động nêu ý kiến, kiến nghị khi cần thiết.

Việc phối hợp với Ban Điều hành được thực hiện trên cơ sở trao đổi thông tin kịp thời, minh bạch, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác đánh giá, giám sát và cảnh báo rủi ro. Trong quá trình làm việc với các cán bộ quản lý chuyên môn, Ban Kiểm soát tiếp cận thông tin thực tế để phục vụ kiểm tra, rà soát chuyên sâu, đồng thời đưa ra các kiến nghị cải tiến phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản trị và kiểm soát nội bộ. Hoạt động phối hợp được triển khai thống nhất, đồng bộ giữa các bộ phận, góp phần bảo đảm Tổng Công ty vận hành đúng định hướng chiến lược, tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản trị.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Bên cạnh việc thực hiện giám sát định kỳ theo chương trình công tác, trong năm 2025 Ban Kiểm soát triển khai một số hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao năng lực kiểm soát, hỗ trợ hệ thống quản trị và tăng cường hiệu quả kiểm soát nội bộ. Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kiểm toán nội bộ, quản trị công ty, pháp luật chứng khoán và kỹ năng giám sát. Đồng thời, Ban Kiểm soát thực hiện các đợt kiểm tra thực tế tại đơn vị nhằm đánh giá tình hình thực hiện dự án, công tác quản lý công nợ và kiểm soát nội bộ, trên cơ sở đó kịp thời phát hiện tồn tại và đưa ra khuyến nghị điều chỉnh phù hợp.

Các hoạt động nêu trên góp phần hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát, nâng cao tính chủ động và năng lực thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, qua đó đóng góp vào việc củng cố kỷ luật quản trị, tăng cường minh bạch và nâng cao hiệu quả quản trị Tổng Công ty trong năm 2025.

Thông tin về phí kiểm toán và dịch vụ phi kiểm toán

LOẠI DỊCH VỤ	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ TRỌNG
Phí kiểm toán	Kiểm toán BCTC bán niên và năm 2025	583.200.000	100%
Phí dịch vụ phi kiểm toán	Không có	-	0
Tổng phí trả cho kiểm toán độc lập		583.200.000	100%

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

1 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS được chi tiết trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG/ THÙ LAO	THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC	TỔNG THU NHẬP
1	Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.824.039.949	559.800.000	5.383.839.949
2	Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	1.338.693.610	242.184.000	1.580.877.610
3	Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT	84.000.000	120.000.000	204.000.000
4	Nguyễn Quang Khải	Thành viên HĐQT độc lập	264.000.000	90.000.000	354.000.000
5	Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	6.171.740.459	558.396.000	6.730.136.459
6	Nguyễn Huy Dũng	Phó TGĐ	3.858.472.179	319.659.000	4.178.131.179
7	Đào Thu Hiền	Phó TGĐ	3.856.639.569	320.992.000	4.177.631.569
8	Đặng Văn Chung	Phó TGĐ	3.064.064.404	91.908.666	3.155.973.070
9	Trần Thúc Linh	Phó TGĐ	3.510.795.209	90.575.666	3.601.370.875
10	Phạm Tuấn	Kế toán trưởng	1.581.658.562	140.242.000	1.721.900.562
11	Trần Minh Nguyệt	Trưởng ban Kiểm soát	676.649.792	67.860.000	744.509.792
12	Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban Kiểm soát	475.928.527	94.430.000	570.358.527
13	Phạm Hồng Quân	Kiểm soát viên	294.576.796	63.885.293	358.462.089
14	Phan Thế Trường	Kiểm soát viên	372.821.550	26.229.298	399.050.848
15	Mai Thị Anh	Kiểm soát viên	418.195.314	94.372.000	512.567.314

2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ/ (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 18/02/2025)		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 01/10/2025 - GẦN NGÀY 31/12/2025 NHẤT)		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	3.015	0,003%	4.800	0,004%	Mua 1.785 CP
2	Luyện Thị Quỳnh Hương	Vợ của Chủ tịch HĐQT	200	0,000%	300	0,000%	Mua 100 CP
3	Trần Thị Hoàng Yến	Em gái của PTGD Trần Thúc Linh	400	0,000%	800	0,001%	Mua 400 CP
4	Đặng Văn Hòa	Em trai của PTGD Đặng Văn Chung	3.200	0,003%	-	0,000%	Bán 3.200 CP

3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Theo phụ lục đính kèm.

4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tổng Công ty thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật cho công ty đại chúng.



PHẦN 6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

1

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 31/07/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên
Ông Phạm Đình Trường	Thành viên
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thúc Linh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Minh Nguyệt	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)
Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)
Bà Mai Thị Anh	Thành viên	
Ông Phan Thế Trường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)
Ông Phạm Hồng Quán	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Đình Trường – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

2

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026
T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1437-2023-002-1

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.625.395.359.470	5.421.441.349.658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.705.197.767.269	886.977.987.638
111	1. Tiền		1.305.197.767.269	786.977.987.638
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.000.000.000	100.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.617.500.000.000	853.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.617.500.000.000	853.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.713.742.700.168	2.936.966.727.722
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.836.825.716.646	1.919.969.744.514
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	409.235.727.763	247.072.981.434
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	621.572.854.770	860.686.478.796
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(153.891.399.011)	(90.762.477.022)
140	IV. Hàng tồn kho	9	424.971.712.679	610.480.085.129
141	1. Hàng tồn kho		428.595.861.715	629.054.145.471
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.624.149.036)	(18.574.060.342)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		163.983.179.354	133.516.549.169
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	157.967.897.422	133.516.549.169
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		211.774.248	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	5.803.507.684	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.560.149.495.199	1.684.816.514.010
220	I. Tài sản cố định		134.019.863.672	190.737.253.954
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	127.550.726.329	173.607.215.775
222	- Nguyên giá		757.326.638.688	734.989.608.232
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(629.775.912.359)	(561.382.392.457)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	6.469.137.343	17.130.038.179
228	- Nguyên giá		35.484.585.759	53.507.223.798
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.015.448.416)	(36.377.185.619)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	1.335.418.742.551	1.222.723.198.930
231	- Nguyên giá		2.155.818.061.860	1.763.395.441.689
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(820.399.319.309)	(540.672.242.759)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		80.392.080.789	251.630.121.242
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	80.392.080.789	251.630.121.242
260	IV. Tài sản dài hạn khác		10.318.808.187	19.725.939.884
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	8.062.643.211	17.530.588.741
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33	2.256.164.976	2.195.351.143
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.185.544.854.669	7.106.257.863.668

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Bảo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.118.368.595.239	5.241.194.601.349
310	I. Nợ ngắn hạn		5.599.950.963.827	4.652.946.611.620
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	436.509.182.176	607.596.781.619
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.203.306.858.420	412.903.727.151
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	151.460.517.830	192.067.985.670
314	4. Phải trả người lao động		714.846.058.797	829.622.766.790
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	856.655.860.345	962.750.985.492
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	187.783.218.070	355.600.556.934
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	225.569.425.938	202.665.530.981
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.760.320.373.405	1.052.105.942.834
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	34.119.948.640	9.671.854.970
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		29.379.520.206	27.940.479.179
330	II. Nợ dài hạn		518.417.631.412	588.247.989.729
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.826.200.000	15.330.600.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	502.591.431.412	572.917.389.729
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.067.176.259.430	1.865.063.262.319
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.067.176.259.430	1.865.063.262.319
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(15.000.000)	(15.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		9.513.048.520	20.375.694.710
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		259.487.704.473	100.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		654.331.716.437	600.843.777.609
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.614.590.801	62.622.599.351
421b	LNST chưa phân phối năm nay		599.717.125.636	538.221.178.258
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.185.544.854.669	7.106.257.863.668

Dương Văn Khiết
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Bảo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	13.939.517.269.142	12.609.519.560.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.939.517.269.142	12.609.519.560.081
11	4. Giá vốn hàng bán	26	12.957.576.695.759	11.725.297.850.560
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		981.940.573.383	884.221.709.521
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	99.622.477.637	49.062.943.375
22	7. Chi phí tài chính	28	106.666.641.646	90.149.396.469
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		92.827.413.128	60.826.401.868
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	247.615.045.763	168.599.256.242
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		727.281.363.611	674.536.000.185
31	12. Thu nhập khác	30	18.526.414.871	3.981.915.908
32	13. Chi phí khác	31	152.042.170	6.502.088.527
40	14. Lợi nhuận khác		18.374.372.701	(2.520.172.619)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		745.655.736.312	672.015.827.566
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	145.999.424.509	135.296.498.794
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	(60.813.833)	(1.501.849.486)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		599.717.125.636	538.221.178.258
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		599.717.125.636	538.221.178.258
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	5.243	4.705

Dương Văn Khiết
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Bảo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		745.655.736.312	672.015.827.566
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		354.738.385.889	318.978.601.646
03	- Các khoản dự phòng		72.627.104.353	(11.436.787.576)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.616.163.512	(1.666.478.604)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(109.705.404.965)	(47.228.921.456)
06	- Chi phí lãi vay		92.827.413.128	60.826.401.868
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.158.759.398.229	991.488.643.444
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		168.327.528.106	63.416.375.888
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		200.458.283.756	180.043.510.168
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		318.966.702.823	256.562.928.303
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(14.983.402.723)	(34.979.767.979)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(97.486.226.562)	(76.669.964.072)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(141.741.462.145)	(115.949.066.027)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(136.885.284.034)	(123.373.540.874)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.455.415.537.450	1.140.539.118.851
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(369.592.121.021)	(800.839.914.157)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.462.959.344	1.108.288.728
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.927.500.000.000)	(1.650.500.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.163.500.000.000	1.797.000.000.000	
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	77.146.306.840	53.466.678.340	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.030.982.854.837)	(599.764.947.089)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.998.060.792.821	2.397.670.540.341
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(2.360.172.320.567)	(2.346.248.455.005)	
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(243.707.027.653)	(525.372.401.882)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		394.181.444.601	(473.950.316.546)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		818.614.127.214	66.823.855.216


Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026


Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội


Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		886.977.987.638	818.525.481.502
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(394.347.583)	1.628.650.920
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.705.197.767.269</u>	<u>886.977.987.638</u>


Dương Văn Khiết
 Người lập biểu


Phạm Tuấn
 Kế toán trưởng


Phạm Đình Trường
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026



9

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

1 .ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 31/07/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty là 1.143.858.790.000 VND; tương đương 114.385.879 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là: 10.385 người và 2.190 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 10.459 người và 1.981 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, vận hành khai thác mạng viễn thông, kinh doanh hạ tầng cho thuê và kinh doanh hàng hóa thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị truyền thông;
- Hoạt động kinh doanh Hạ tầng cho thuê: Trạm BTS, DAS, Ngầm hóa; Kinh doanh năng lượng điện mặt trời;
- Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây;
- Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025, Tổng Công ty thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức Khối cơ quan và triển khai tái cơ cấu hệ thống Chi nhánh Công trình Viettel tại các tỉnh/thành phố. Theo đó, 63 Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/thành phố được rà soát, sắp xếp lại còn 34 Chi nhánh; đồng thời chấm dứt hoạt động 29 Chi nhánh nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm - Pênh, Campuchia	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
2. Viettel Construction Myanmar	Yangon, Myanmar	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông

10

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

11

<p>Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội</p>	<p>Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025</p>
<p>Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.</p>	
<p>2.5 . Công cụ tài chính</p>	
<p><i>Ghi nhận ban đầu</i> Tài sản tài chính Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.</p>	
<p><i>Nợ phải trả tài chính</i> Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.</p>	
<p><i>Giá trị sau ghi nhận ban đầu</i> Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.</p>	
<p>2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam</p>	
<p>Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm; - Vốn góp chủ sở hữu được quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn; - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; - Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận, cổ tức; - Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. 	
<p>2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ</p>	
<p>Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.</p>	
<p>Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; - Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ; - Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. 	
<p>Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.</p>	

<p>Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội</p>	<p>Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025</p>
<p>2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền</p>	
<p>Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.</p>	
<p>Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.</p>	
<p>2.9 . Các khoản đầu tư tài chính</p>	
<p>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.</p>	
<p>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>2.10 . Các khoản nợ phải thu</p>	
<p>Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.</p>	
<p>Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.</p>	
<p>2.11 . Hàng tồn kho</p>	
<p>Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.</p>	
<p>Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.</p>	
<p>Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.</p>	
<p>Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.</p>	
<p>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các công trình, hợp đồng đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán, được tập hợp theo từng hợp đồng ký với chủ đầu tư. Đối với các công việc Tổng Công ty tự thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tập hợp chi phí, khối lượng đã thực hiện tại các trung tâm, chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Đối với các công việc thuê ngoài thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình đã được nghiệm thu và khối lượng thực hiện đã được chấp nhận thanh toán.</p>	
<p>Hàng gửi bán được sử dụng để theo dõi hàng bán đã chuyển đi cho đối tác nhưng chưa hoàn thành thủ tục bán giao nghiệm thu và chưa được chấp nhận thanh toán.</p>	

<p>Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội</p>	<p>Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025</p>														
<p>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.</p>															
<p>2.12 . Tài sản cố định</p>															
<p>Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.</p>															
<p><i>Giá trị sau ghi nhận ban đầu</i> Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.</p>															
<p>Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>- Nhà cửa, vật kiến trúc</td> <td style="text-align: right;">06 - 20 năm</td> </tr> <tr> <td>- Máy móc, thiết bị</td> <td style="text-align: right;">05 - 15 năm</td> </tr> <tr> <td>- Phương tiện vận tải</td> <td style="text-align: right;">05 - 10 năm</td> </tr> <tr> <td>- Thiết bị văn phòng</td> <td style="text-align: right;">03 - 08 năm</td> </tr> <tr> <td>- Quyền sử dụng đất</td> <td style="text-align: right;">50 năm</td> </tr> <tr> <td>- Quyền sử dụng đất không thời hạn</td> <td style="text-align: right;">Không trích khấu hao</td> </tr> <tr> <td>- Phần mềm quản lý</td> <td style="text-align: right;">03 năm</td> </tr> </table>		- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm	- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm	- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm	- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm	- Quyền sử dụng đất	50 năm	- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	- Phần mềm quản lý	03 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm														
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm														
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm														
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm														
- Quyền sử dụng đất	50 năm														
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao														
- Phần mềm quản lý	03 năm														
<p>2.13 . Bất động sản đầu tư</p>															
<p>Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.</p>															
<p>Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>- Hệ thống trạm BTS</td> <td style="text-align: right;">04 - 07 năm</td> </tr> <tr> <td>- Các tuyến ngầm hóa</td> <td style="text-align: right;">10 năm</td> </tr> <tr> <td>- Bất động sản đầu tư khác</td> <td style="text-align: right;">03 - 10 năm</td> </tr> </table>		- Hệ thống trạm BTS	04 - 07 năm	- Các tuyến ngầm hóa	10 năm	- Bất động sản đầu tư khác	03 - 10 năm								
- Hệ thống trạm BTS	04 - 07 năm														
- Các tuyến ngầm hóa	10 năm														
- Bất động sản đầu tư khác	03 - 10 năm														
<p>2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</p>															
<p>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.</p>															
<p>2.15 . Thuê hoạt động</p>															
<p>Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.</p>															

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí trả trước khác bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê địa điểm đặt trạm và thuê vị trí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí xây lắp, chi phí vận hành khai thác, chi phí lãi vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.21 . Nguyên tắc xác định quỹ lương

Quỹ tiền lương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24/08/2016 của Chính phủ về việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06/09/2021 của Chính phủ kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP và Nghị định 74/2020/NĐ-CP, đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các loại dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật bao gồm dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị và vận hành bảo dưỡng thiết bị điện dân dụng, vận hành hệ thống pin mặt trời (solar care) và các dịch vụ liên quan khác được trích lập theo tỷ lệ 1,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành từ 72 giờ đối với dịch vụ bảo dưỡng vật tư, thiết bị và tối đa 06 tháng đối với dịch vụ lắp đặt mới, thay thế vật tư, thiết bị;
- Dự phòng bảo hành công trình được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 1,0% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế. Thời hạn bảo hành cho từng hạng mục công trình tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp được trích lập theo tỷ lệ 0,5% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành khác được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 5,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê hạ tầng, vị trí đặt trạm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bu trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hợp đồng xây dựng nếu có đảm bảo nguyên tắc chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Chính sách Ưu đãi thuế

Tổng Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính	Tổng Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án điện mặt trời thuộc ngành nghề "Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch" theo mức thuế suất 10%/năm.	Trong vòng 15 năm tính từ năm 2020

d. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngoài hoạt động được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

Tên đơn vị	Thuế suất
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	20%
- Viettel Construction Cambodia	20%
- Viettel Construction Myanmar	25%

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	672.961.111	1.168.330.442
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.301.940.080.213	782.208.552.310
Tiền đang chuyển	2.584.725.945	3.601.104.886
Các khoản tương đương tiền (*)	400.000.000.000	100.000.000.000
	1.705.197.767.269	886.977.987.638

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 4,75%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,7%/năm đến 8,1%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	807.224.104.074	-	747.493.688.030	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	137.463.504.758	-	139.655.975.095	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	335.499.748.294	-	306.886.141.330	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	41.083.170.297	-	43.418.053.829	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	5.525.473.778	-	22.151.862.317	-
- Tổng Công ty Công nghệ Công nghệ cao Viettel	1.788.899.018	-	16.550.644.665	-
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	112.945.281.077	-	104.835.745.383	-
- Các Chi nhánh Viettel tỉnh	149.202.938.517	-	96.343.861.830	-
- Các khách hàng khác	23.715.088.335	-	17.651.403.581	-
Bên khác	1.029.601.612.572	(153.891.399.011)	1.172.476.056.484	(90.761.088.734)
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	24.438.710.618	(24.438.710.618)	20.664.108.829	(20.664.108.829)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	-	10.403.192.528	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị Hoàng Mai	196.885.417.818	-	329.645.895.094	-
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	(32.802.000.000)	32.802.000.000	-
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	26.031.946.661	(26.031.946.661)	32.422.041.661	(22.695.429.163)
- Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	25.699.519.698	-	37.929.061.875	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	14.604.910.422	(14.604.910.422)	16.858.310.422	(11.800.817.295)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CDC	126.038.613.575	-	71.345.273.583	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLand	49.943.777.647	-	54.456.955.975	-
- Các khách hàng khác	522.753.523.605	(56.013.831.310)	565.949.216.517	(35.600.733.447)
	1.836.825.716.646	(153.891.399.011)	1.919.969.744.514	(90.761.088.734)

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Quốc Bảo Bình Thuận (1)	8.807.195.934	-	3.212.410.484	-
- Công ty TNHH Hạ tầng Xây dựng Đại Nam (2)	8.444.412.000	-	9.452.700.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Xây dựng Long Phát (3)	8.507.924.162	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác (4)	383.476.195.667	-	234.407.870.950	(1.388.288)
	409.235.727.763	-	247.072.981.434	(1.388.288)

- (1) Khoản ứng trước về việc thi công hạng mục mặt đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại xã Long Điền, thành phố Hồ Chí Minh.
- (2) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công san nền (bao gồm đắp bờ bao phục vụ bơm cát và dọn cây) thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại xã Long Điền, thành phố Hồ Chí Minh.
- (3) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công phần móng, thân thô và hoàn thiện mặt ngoài 15 căn nhà ở thấp tầng - Zone 1, Zone 2 (không bao gồm ép cọc, cửa, bể nước, bể phốt) thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại xã Long Điền, thành phố Hồ Chí Minh.
- (4) Chủ yếu là khoản ứng trước tiền cho Nhà thầu thực hiện thi công công trình và mua thiết bị, vật tư, hàng hóa cho các dự án của Tổng Công ty và các công ty con.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng (*)	509.415.330.138	-	763.099.288.250	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	26.702.496.910	-	9.316.698.886	-
- Phải thu khác	85.454.827.722	-	88.270.491.660	-
+ <i>Lãi tiền gửi</i>	23.713.034.246	-	6.313.641.097	-
+ <i>Doanh thu trích trước hạ tầng cho thuê</i>	40.492.432.145	-	39.963.116.877	-
+ <i>Phải thu khác</i>	21.249.361.331	-	41.993.733.686	-
	621.572.654.770	-	860.686.478.796	-

(*) Bao gồm tạm ứng tiền và vật tư tại các Chi nhánh và Trung tâm kinh doanh để thực hiện các dự án, công trình xây dựng và các khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	166.110.161.142	12.218.762.131	108.098.515.720	17.337.426.986
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	24.438.710.618	-	20.664.108.829	-
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	26.031.946.661	-	32.422.041.661	9.726.612.498
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	-	10.403.192.528	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	14.604.910.422	-	16.858.310.422	5.057.493.127
- Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	5.781.243.447	-	6.235.952.975	-
- Các khách hàng khác	52.048.157.466	12.218.762.131	21.514.909.305	2.553.321.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	1.388.288	-
- Các nhà cung cấp khác	-	-	1.388.288	-
	166.110.161.142	12.218.762.131	108.099.904.008	17.337.426.986

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	3.944.184.374	-	3.399.947.647	-
- Nguyên liệu, vật liệu	240.788.964.314	(3.624.149.036)	314.098.276.451	(18.574.060.342)
+ <i>Hoạt động xây dựng dân dụng và xây lắp viễn thông</i>	229.497.209.027	(3.624.149.036)	302.214.446.268	(18.574.060.342)
+ <i>Hoạt động cố định băng rộng</i>	10.838.270.803	-	10.809.818.456	-
+ <i>Vật tư dịch vụ Homecare</i>	453.484.484	-	1.074.011.727	-
- Công cụ, dụng cụ	3.451.206.254	-	6.817.739.659	-

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	108.150.061.780	-	233.099.804.488	-
+ <i>Công trình Nhà ở liên kế - Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ</i>	-	-	13.651.184.176	-
+ <i>Công trình Khu đô thị mới Trung Minh A (1)</i>	6.469.233.612	-	1.547.789.336	-
+ <i>Công trình Khu đô thị mới Trung Minh B (2)</i>	12.792.644.339	-	-	-
+ <i>Công trình Khu nhà ở sinh thái An Điền (3)</i>	16.993.256.389	-	-	-
+ <i>Các công trình khác</i>	71.894.927.440	-	217.900.830.976	-
- Hàng hóa	63.289.875.129	-	71.035.860.373	-
- Hàng gửi đi bán	8.971.569.864	-	602.516.853	-
	428.595.861.715	(3.624.149.036)	629.054.145.471	(18.574.060.342)

(1) Gói thầu thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài 107 căn nhà ở tầng thấp (không bao gồm phần cọc) thuộc công trình dự án Khu đô thị mới Trung Minh A ký giữa Công ty TNHH Thương mại Central Park và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Thời gian thực hiện trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngay khi bàn giao mặt bằng thi công. Tại ngày 31/12/2025, công trình đã nghiệm thu 30,41% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.

(2) Gói thầu thi công hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: San nền, đường giao thông, nút quốc lộ 6, kè hồ, kè chắn phân lô, kè chắn ranh giới dự án, thoát nước mưa, thoát nước thải) thuộc công trình dự án Khu đô thị mới Trung Minh B ký giữa Tổng Công ty và ký giữa Công ty TNHH Thương mại Central Park. Công trình được thực hiện tại phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Thời gian thực hiện trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngay khi bàn giao mặt bằng thi công. Tại ngày 31/12/2025, công trình đã nghiệm thu 13,9% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.

(3) Công trình "Khu nhà ở sinh thái An Điền" bao gồm:
- Gói thầu thi công các hạng mục cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, cầu, kè, tường chắn, trạm xử lý nước thải và các công trình phụ trợ ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian thực hiện trong thời hạn 210 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngay khi bàn giao mặt bằng thi công. Tại ngày 31/12/2025, công trình đã nghiệm thu 6,01% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.
- Gói thầu thi công phần cọc, móng, thân thô và hoàn thiện mặt ngoài 184 căn nhà ở tầng thấp - zone 1, zone 2 (không bao gồm cửa, bể nước, bể phốt) ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian thực hiện trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngay khi bàn giao mặt bằng thi công. Tại ngày 31/12/2025, công trình đã nghiệm thu 1,49% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.
- Gói thầu thi công hạng mục san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian thực hiện trong thời hạn 600 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngay khi bàn giao mặt bằng thi công. Tại ngày 31/12/2025, công trình đã nghiệm thu 22,27% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	15.147.622.502	7.156.129.572
Xây dựng cơ bản	65.244.458.287	244.473.991.670
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (1)	18.447.772.538	64.568.576.026
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (2)	24.152.202.461	158.504.418.770
- Dự án khác	22.644.483.288	21.400.996.874
	80.392.080.789	251.630.121.242

(1), (2): Thông tin chi tiết liên quan đến dự án xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	24.336.888.039	29.170.335.759	53.507.223.798
- Mua trong năm	-	34.950.000	34.950.000
- Thanh lý, nhượng bán	(18.057.588.039)	-	(18.057.588.039)
Số dư cuối năm	6.279.300.000	29.205.285.759	35.484.585.759
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.249.592.155	26.127.593.464	36.377.185.619
- Khấu hao trong năm	197.700.860	2.887.854.952	3.085.555.812
- Thanh lý, nhượng bán	(10.447.293.015)	-	(10.447.293.015)
Số dư cuối năm	-	29.015.448.416	29.015.448.416
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.087.295.884	3.042.742.295	17.130.038.179
Tại ngày cuối năm	6.279.300.000	189.837.343	6.469.137.343

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.686.589.680 VND.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại thửa đất số 300 thuộc lô A2-9, khu dân cư Bắc Hoà Thọ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để làm văn phòng và kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Đà Nẵng với nguyên giá là 6.279.300.000 VND.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hệ thống trạm BTS VND	Tuyến ngầm hóa cáp quang VND	Bất động sản đầu tư khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.656.271.035.892	35.937.595.932	71.186.809.865	1.763.395.441.689
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	363.686.725.049	10.603.908.351	20.846.906.704	395.137.540.104
- Thiệt hại do bão lũ	-	-	(2.714.919.933)	(2.714.919.933)
- Phân loại lại	16.139.584.460	-	(16.139.584.460)	-
Số dư cuối năm	2.036.097.345.401	46.541.504.283	73.179.212.176	2.155.818.061.860
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	454.690.133.564	29.895.489.988	56.086.619.207	540.672.242.759
- Khấu hao trong năm	272.494.008.128	1.804.949.122	8.143.039.233	282.441.996.483
- Thiệt hại do bão lũ	-	-	(2.714.919.933)	(2.714.919.933)
- Phân loại lại	2.875.432.667	-	(2.875.432.667)	-
Số dư cuối năm	730.059.574.359	31.700.439.110	58.639.305.840	820.399.319.309
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.201.580.902.328	6.042.105.944	15.100.190.658	1.222.723.198.930
Tại ngày cuối năm	1.306.037.771.042	14.841.065.173	14.539.906.336	1.335.418.742.551

- Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.282.959.578.588 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);
- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 89.323.271.562 VND.

Bất động sản đầu tư tăng trong năm được Tổng Công ty ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc theo các quyết định tạm tăng tài sản của Tổng Giám đốc, bao gồm:

- Hệ thống trạm BTS phục vụ hoạt động cho thuê lại tại các tỉnh thành trên cả nước;
- Các tuyến cáp quang cho thuê sợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Hệ thống DAS cho tòa nhà tại các tỉnh, thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,...

Trong năm 2025, doanh thu từ bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê (Thuyết minh số 25).

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
- Chi phí thuê văn phòng và thuê địa điểm trạm	113.990.247.362	89.879.017.161
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.977.650.060	43.637.532.008
	157.967.897.422	133.516.549.169
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.062.643.211	17.530.588.741
	8.062.643.211	17.530.588.741

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	3.599.478.401	3.599.478.401	35.592.090.416	35.592.090.416
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	213.134.601	213.134.601	26.873.614.805	26.873.614.805
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	1.309.219.935	1.309.219.935	4.714.208.182	4.714.208.182
- Công ty TNHH Viettel - CHT	788.595.116	788.595.116	3.683.905.431	3.683.905.431
- Các nhà cung cấp khác	1.288.528.749	1.288.528.749	320.361.998	320.361.998
Bên khác	432.909.703.775	432.909.703.775	572.004.691.203	572.004.691.203
- JA Solar International Limited	23.119.255.369	23.119.255.369	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn DAT	17.005.511.521	17.005.511.521	494.826.061	494.826.061
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Tùng Phương	2.201.502.355	2.201.502.355	23.620.195.831	23.620.195.831
- Công ty Cổ phần Phát triển An Nam	21.647.863.473	21.647.863.473	737.073.742	737.073.742
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật	-	-	46.170.689.291	46.170.689.291
- Các nhà cung cấp khác	368.935.571.057	368.935.571.057	500.981.906.278	500.981.906.278
	436.509.182.176	436.509.182.176	607.596.781.619	607.596.781.619

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	59.270.436.490	44.827.488.205
- Telecom International Myanmar Company Limited (1)	49.343.972.899	44.398.654.732
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	1.812.868.866	-
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	7.269.620.423	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	799.578.050	-
- Các khách hàng khác	44.396.252	428.833.473
Bên khác	1.144.036.421.930	368.076.238.946
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City (2)	119.898.986.460	37.561.112.529
- Công ty TNHH Aqua City Hoà Bình (3)	23.408.737.391	28.382.599.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Kiến trúc xanh Việt Nam (4)	31.358.228.818	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG (5)	32.442.039.900	-
- Bình chứng Thông tin liên lạc (6)	182.612.043.000	-
- Công ty Cổ phần Vietstar (7)	64.632.781.275	-
- Công ty Cổ phần SJ Group (8)	35.469.300.797	-
- Các khách hàng khác (9)	654.214.304.289	302.132.526.853
	1.203.306.858.420	412.903.727.151

- (1) Khoản trả trước của Telecom International Myanmar Co.,Ltd ("Mytel") cho Tổng Công ty theo hợp đồng dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin cho Mytel tại thị trường Myanmar.
- (2) Tạm ứng thi công san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải Khu nhà ở sinh thái An Điền tại xã Long Điền, thành phố Hồ Chí Minh.
- (3) Tạm ứng thi công hạ tầng kỹ thuật (bao gồm san nền, đường giao thông, nút giao Quốc lộ 6, kè hồ, kè chắn phân lô, kè chắn ranh giới dự án, thoát nước mưa, thoát nước thải) Dự án Khu đô thị mới Trung Minh B tại phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ.
- (4) Khoản tạm ứng thi công phần móng, thân thô và hoàn thiện mặt ngoài 126 căn liền kề thuộc Dự án Khu đô thị mới tại phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.
- (5) Khoản tạm ứng thi công kết cấu thấp tầng 193 căn Zone 4 thuộc Dự án Khu đô thị nhip sống mới - Sunshine Grand Capital tại xã Ô Diên và xã Hoài Đức, Hà Nội.
- (6) Khách hàng ứng tiền trước liên quan đến gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công; cung cấp thiết bị, vật tư kỹ thuật; thi công lắp đặt thuộc Dự án mạng thông tin di động quân sự riêng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.
- (7) Khoản tạm ứng về việc thi công xây dựng Nhà máy tích hợp xử lý chất thải rắn Vietstar tại xã Thái Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.
- (8) Khoản tạm ứng thi công phần thân, xây thô và hoàn thiện ngoài nhà, cổng hàng rào 71 căn nhà ở thuộc gói thầu thi công 158 căn nhà ở thấp tầng thuộc Dự án Khu đô thị Nam An Khánh, Hà Nội.
- (9) Các khoản ứng trước của khách hàng phục vụ cho việc thi công các công trình.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông (i)	349.188.415.897	232.135.535.877
- Trích trước chi phí vận hành khai thác (ii)	227.026.254.520	207.943.319.710
- Trích trước chi phí hạ tầng cho thuê (iii)	275.894.542.682	520.282.536.156
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	4.546.647.246	2.389.593.749
	856.655.860.345	962.750.985.492

(i) Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.

(ii) Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đã cung cấp của hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 34 Chi nhánh Viettel tỉnh.

(iii) Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	38.586.328.876	33.142.917.787
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (về KPCĐ, BHXH, BHYT)	45.818.475.289	46.145.626.982
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.427.833.345	8.205.221.148
- Phải trả về chi phí sản xuất kinh doanh các trụ (i)	81.460.892.601	85.594.116.143
- Đăng phí, đoàn phí giữ lại tại Tổng Công ty	16.982.029.576	17.113.103.485
- Phải trả tiền ứng hộ các quỹ	9.521.828.346	2.858.713.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.772.037.905	9.605.831.936
	225.569.425.938	202.665.530.981
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.826.200.000	15.330.600.000
	15.826.200.000	15.330.600.000
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	45.818.475.289	46.145.626.982
- Các đối tượng khác	-	2.121.740.095
	45.818.475.289	48.267.367.077

(i) Khoản phải trả cán bộ nhân viên về chi phí thực hiện sản xuất kinh doanh bao gồm: dịch vụ vận hành khai thác, dịch vụ kỹ thuật, xây lắp dân dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÁN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngân hạn là doanh thu của các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng trạm viễn thông, đã phát hành hóa đơn theo số tiền khách hàng thanh toán trước cho kỳ từ 06 tháng đến 12 tháng.

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật	1.581.581.118	2.419.770.999
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	29.759.284.439	4.959.492.321
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp	2.779.083.083	2.292.591.650
	34.119.948.640	9.671.854.970

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	751.077.450.000	65,66	751.077.450.000	65,66
- Công đoàn Tổng Công ty	10.126.360.000	0,89	10.126.360.000	0,89
- Các cổ đông khác	382.654.980.000	33,45	382.654.980.000	33,45
	1.143.858.790.000	100,00	1.143.858.790.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	8.205.221.148	2.941.530.349
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	245.929.639.850	530.636.092.681
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền</i>	245.929.639.850	530.636.092.681
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(243.707.027.653)	(525.372.401.882)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(243.707.027.653)	(525.372.401.882)
	10.427.833.345	8.205.221.148

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.385.879	114.385.879
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	114.385.879
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.385.879	114.385.879
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Tổng Công ty hiện đang sử dụng Bất động sản đầu tư bao gồm tuyến cống ngầm hóa cấp quang, tuyến cáp quang sợi và hệ thống trạm BTS vào mục đích cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	902.340.390.204	744.132.168.672

Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty thuê tài sản là trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại Hà Nội, văn phòng các chi nhánh và vị trí trạm theo hợp đồng thuê hoạt động trên địa bàn 34 tỉnh thành. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	368.333.817.146	341.270.302.044

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ	USD	1.632.207,92	2.581.537,34
- Kyats Myanmar	MMK	7.010.475.923,00	4.167.613.769,00

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.207.812.423	1.207.812.423

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu xây dựng công trình	4.763.834.944.490	4.068.823.790.210
Doanh thu dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin	6.257.160.419.782	6.255.365.139.321
Doanh thu các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.905.272.337.812	1.455.448.583.017
Doanh thu kinh doanh hạ tầng cho thuê	857.443.041.129	630.583.626.183
Doanh thu dịch vụ kỹ thuật	155.806.525.929	199.298.421.350
	13.939.517.269.142	12.609.519.560.081

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	8.195.940.600.333	7.983.996.406.990
--	-------------------	-------------------

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng công trình	4.517.615.049.098	3.816.683.529.800
Giá vốn dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin	5.908.094.585.669	5.922.103.770.337
Giá vốn các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.807.546.368.741	1.375.986.721.137
Chi phí kinh doanh hạ tầng cho thuê	609.855.584.707	445.725.140.459
Giá vốn dịch vụ kỹ thuật	129.415.018.850	165.078.025.259
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.949.911.306)	(279.336.432)
	12.957.576.695.759	11.725.297.850.560

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	251.642.025.367	238.249.501.461
Tổng giá trị mua vào:	251.642.025.367	238.249.501.461
Trong đó:		
- Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	251.642.025.367	238.249.501.461
- Còn tồn kho	-	-

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	94.545.699.989	46.323.807.107
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.076.777.648	1.072.657.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	1.666.478.604
	99.622.477.637	49.062.943.375

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	92.827.413.128	60.826.401.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.223.065.006	29.322.994.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	2.616.163.512	-
	106.666.641.646	90.149.396.469

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.674.967	1.279.408.904
Chi phí nhân công	112.402.689.257	107.115.385.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.397.220.231	9.327.977.683
Thuế, phí, và lệ phí	75.635.454	77.875.221
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	63.128.921.989	(11.743.766.373)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.231.043.932	51.941.615.868
Chi phí khác bằng tiền	6.034.859.933	10.600.759.106
	247.615.045.763	168.599.256.242

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.159.704.976	905.114.349
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	124.952.902	965.318.177
Tiền phạt từ mất công cụ, dụng cụ tại chi nhánh	307.520.230	460.648.916
Tiền phạt hợp đồng	617.170.359	1.298.374.174
Thu nhập khác	2.317.066.404	352.460.292
	18.526.414.871	3.981.915.908

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí mất vật tư, công cụ dụng cụ tại chi nhánh	37.422.837	-
Các khoản bị phạt	-	362.839.000
Chi phí không hình thành TSCĐ	-	5.714.710.182
Chi phí khác	114.619.333	424.539.345
	152.042.170	6.502.088.527

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Việt Nam	139.230.748.583	128.271.122.206
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại nước ngoài	6.768.675.926	7.025.376.588
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	145.999.424.509	135.296.498.794
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	3.045.238.470	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	127.023.195.285	107.760.934.390
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(141.741.462.145)	(115.949.066.027)
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Việt Nam	(131.925.017.460)	(107.421.122.513)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài	(9.816.444.685)	(8.527.943.514)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá quy đổi hợp nhất BCTC	31.127.724	(85.171.872)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	134.357.523.843	127.023.195.285

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a. Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.256.164.976	2.195.351.143

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

2.256.164.976 **2.195.351.143**

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(115.697.612)	(2.195.351.143)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	54.883.779	693.501.657
	(60.813.833)	(1.501.849.486)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	599.717.125.636	538.221.178.258
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	599.717.125.636	538.221.178.258
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	114.385.879	114.385.879

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

5.243 **4.705**

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.749.571.501.372	3.474.596.001.464
Chi phí nhân công	5.193.669.242.157	4.713.503.798.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	354.738.385.889	318.978.601.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.335.431.799.344	1.089.016.912.624
Chi phí khác bằng tiền	1.258.551.737.324	1.078.967.472.756
	11.891.862.666.086	10.675.062.786.893

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.704.524.806.158
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.304.506.972.405
Các khoản cho vay	1.617.500.000.000

5.626.531.778.563

Tại ngày 01/01/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.809.657.196
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.689.895.134.576
Các khoản cho vay	853.500.000.000

4.429.204.791.772

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025			
Vay và nợ	1.760.320.373.405	502.591.431.412	2.262.911.804.817
Phải trả người bán, phải trả khác	662.078.608.114	15.826.200.000	677.904.808.114
Chi phí phải trả	856.655.860.345	-	856.655.860.345
	3.279.054.841.864	518.417.631.412	3.797.472.473.276
Tại ngày 01/01/2025			
Vay và nợ	1.052.105.942.834	572.917.389.729	1.625.023.332.563
Phải trả người bán, phải trả khác	810.262.312.600	15.330.600.000	825.592.912.600
Chi phí phải trả	962.750.985.492	-	962.750.985.492
	2.825.119.240.926	588.247.989.729	3.413.367.230.655

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.998.060.792.821	2.397.670.540.341
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.360.172.320.567	2.346.248.455.005

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết tại Phụ lục 06.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Viện Hàng không Vũ trụ Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Trung tâm Dịch vụ Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Học viện Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty Truyền thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thể thao Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV An ninh mạng Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kho vận Viettel	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettel Post	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Timor Leste Unipessoal Lda	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Peru S.A.C	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Movitel, SA	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Star Telecom	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.195.940.600.333	7.983.996.406.990
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	452.630.305.146	264.351.640.228
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	1.890.369.035	8.258.112.491
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	9.945.186.109	10.338.194.011
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	13.793.142	21.081.038
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	11.463.901.221	45.434.890
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	4.540.026.435.796	4.318.325.564.806
- Công ty Star Telecom	1.754.949.083	4.110.429.990
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	1.437.155.897.061	1.927.891.876.501
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	62.836.364	62.836.364
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	1.081.564.459.842	811.950.595.655
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	132.000.000	17.901.694.246
- Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	-	1.446.643.509
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	624.389.714.245	574.966.347.917
- Viettel Peru S.A.C	107.713.861	4.438.262.296
- Công ty Movitel, SA	22.522.441.092	32.729.746.467
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	5.707.790.992	6.879.229.581
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	115.466.650	-
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	1.853.593.000	187.200.000
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	117.587.000	91.517.000
- Trung tâm Dịch vụ dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo Viettel	147.291.726	-
- Viện Hàng không Vũ trụ Viettel	3.689.233.968	-
- Học viện Viettel	559.089.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettel Post	90.546.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	251.642.025.367	238.249.501.461
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	23.774.812.815	32.827.466.396
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	203.655.081.493	171.092.185.513
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	956.925.782	590.292.480
- Học viện Viettel	281.933.834	21.395.000
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	185.678.924	434.746.000
- Công ty TNHH Viettel - CHT	2.207.704.688	4.723.024.572
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	-	3.999.356.712
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	4.384.897.225	10.549.714.687
- Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	3.900.000	118.478.348
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	7.156.948.284	8.242.075.146
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	4.045.887.039	4.479.260.955
- Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	1.141.649.264	140.780.652
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	-	1.030.725.000
- Công ty TNHH MTV An ninh mạng Viettel	574.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel	1.864.430.190	-
- Công ty Truyền thông Viettel	439.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ khách hàng Viettel	674.139.684	-
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	295.036.145	-

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	31.950.909.281	24.928.230.815
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	5.383.839.949	4.356.940.431
- Ông Nguyễn Quang Khải	354.000.000	354.000.000
- Ông Nguyễn Tất Trường	1.580.877.610	1.348.286.162
- Bà Vũ Thị Mai	204.000.000	136.000.000
- Ông Phạm Đình Trường	6.730.136.459	5.732.741.424
- Ông Nguyễn Huy Dũng	4.178.131.179	3.543.979.409
- Bà Đào Thu Hiền	4.177.631.569	3.543.979.409
- Ông Đặng Văn Chung	3.155.973.070	158.131.570
- Ông Trần Thúc Linh	3.601.370.875	180.092.120
- Ông Nguyễn Thái Hưng (Miễn nhiệm ngày 18/12/2024)	-	3.123.718.595
- Bà Trần Minh Nguyệt (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	744.509.792	-
- Ông Ngô Quang Tuệ (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	570.358.527	1.226.393.805
- Bà Mai Thị Anh	512.567.314	460.953.360
- Ông Phan Thế Trường (Bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	399.050.848	-
- Ông Phạm Hồng Quân (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	358.462.089	763.014.530

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Dương Văn Kiệt
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giảng Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Phụ lục 01 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tình trạng dự án	Tổng mức đầu tư VND	Khối lượng đã thực hiện VND
(1)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (i)	34 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến quý 1/2028	Đang triển khai	536.274.641.558	494.399.405.219
(2)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (ii)	34 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (5.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2024 đến hết năm 2028	Đang triển khai	1.460.021.924.762	658.440.411.147
							1.996.296.566.320	1.152.839.816.366

(i) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 6);

(ii) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 9).

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giảng Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Công VND
Số dư đầu năm	11.571.724.948	271.617.420.983	439.677.016.184	12.123.446.117	734.989.608.232
- Mua trong năm	-	13.706.677.290	4.033.484.586	6.437.743.747	24.177.905.623
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	102.528.935	10.036.250	-	112.565.185
- Điều chỉnh theo quyết toán dự án	-	(228.248.632)	-	-	(228.248.632)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(457.636.076)	-	-	(457.636.076)
- Giảm khác	-	(1.267.555.644)	-	-	(1.267.555.644)
Số dư cuối năm	11.571.724.948	283.473.186.856	443.720.537.020	18.561.189.864	757.326.638.688
Giá trị hao mòn lũy kế	7.019.179.409	159.094.311.804	387.349.631.423	7.919.269.821	561.392.392.457
Số dư đầu năm	411.876.312	31.405.496.383	34.691.732.552	2.701.728.347	69.210.833.594
- Khấu hao trong năm	-	102.528.935	10.036.250	-	112.565.185
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(457.636.076)	-	-	(457.636.076)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(472.242.801)	-	-	(472.242.801)
- Giảm khác	-	189.672.458.245	422.051.400.225	10.620.998.168	629.775.912.359
Số dư cuối năm	7.431.055.721	189.672.458.245	422.051.400.225	10.620.998.168	629.775.912.359
Giá trị còn lại	4.552.545.539	112.523.109.179	52.327.384.761	4.204.176.296	173.607.215.775
Tại ngày đầu năm	4.140.669.227	93.800.728.611	21.669.136.795	7.940.191.696	127.550.726.329
Tại ngày cuối năm	4.552.545.539	112.523.109.179	52.327.384.761	4.204.176.296	173.607.215.775

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 64.208.379.970 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 354.081.183.875 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giảng Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Phụ lục 03 : VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	849.994.540.042	849.994.540.042	2.849.017.305.647	2.146.284.909.928	1.552.726.935.761	1.552.726.935.761
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	362.682.250.825	362.682.250.825	588.029.988.760	527.010.345.753	423.701.873.832	423.701.873.832
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	85.971.859.543	85.971.859.543	713.597.425.899	426.725.099.235	372.844.186.207	372.844.186.207
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công Chi nhánh Ba Đình	158.073.631.211	158.073.631.211	850.698.810.291	949.282.666.477	59.489.775.025	59.489.775.025
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	-	-	204.688.557.087	-	204.688.557.087	204.688.557.087
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	243.266.798.463	243.266.798.463	-	243.266.798.463	492.002.543.610	492.002.543.610
Vay dài hạn đến hạn trả	202.111.402.792	202.111.402.792	212.057.340.100	206.575.305.248	207.593.437.644	207.593.437.644
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	45.690.892.988	45.690.892.988	51.252.536.156	45.690.892.988	51.252.536.156	51.252.536.156
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	46.811.478.164	46.811.478.164	30.554.964.156	46.811.478.164	30.554.964.156	30.554.964.156
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	31.536.097.544	31.536.097.544	52.463.902.456	36.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	286.996.764	286.996.764	-	286.996.764	-	-
Tổng cộng	1.052.105.942.834	1.052.105.942.834	3.061.074.645.747	2.352.860.215.176	1.760.320.373.405	1.760.320.373.405

		01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel							
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội							
Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)							
Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(6)	229.550.518.649	229.550.518.649	26.310.148.582	50.850.522.652	205.010.144.579	205.010.144.579
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(7)	92.643.924.353	92.643.924.353	-	46.811.478.164	45.832.446.189	45.832.446.189
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(8)	213.601.541.808	213.601.541.808	-	77.785.937.332	135.815.604.476	135.815.604.476
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(9)	236.793.335.220	236.793.335.220	122.733.338.592	36.000.000.000	323.526.673.812	323.526.673.812
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	(10)	2.439.472.491	2.439.472.491	-	2.439.472.491	-	-
		775.028.792.521	775.028.792.521	149.043.487.174	213.887.410.639	710.184.869.056	710.184.869.056
		(202.111.402.792)	(202.111.402.792)	(212.057.340.100)	(206.575.305.248)	(207.593.437.644)	(207.593.437.644)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		572.917.389.729	572.917.389.729			502.591.431.412	502.591.431.412
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:							
Sit	Bên cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo		
Ngắn hạn							
(1)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Tối đa 10 tháng đối với hoạt động xây lắp	4,2% - 4,7%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quyền đòi nợ luân chuyển (được hạch toán trong sổ sách kế toán của Tổng Công ty dưới hình thức các khoản phải thu) của Tổng Công ty đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của Bên có nghĩa vụ thanh toán, giá trị tối thiểu 650 tỷ đồng		

		01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel							
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội							
Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)							
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)							
Sit	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo		
Dài hạn							
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	5,5 tháng - 6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên Giấy nhận nợ	4,2% - 4,8%/năm	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp		
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên Giấy nhận nợ	6,0%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp		
(4)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên Giấy nhận nợ	4,0% - 4,2%/năm	Thanh toán chi phí đầu vào cho đối tác Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả và thanh toán chi phí lương phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp		
(5)	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên Giấy nhận nợ	4,8% - 5,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp		
(6)	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	Các cam kết bảo lãnh có thời hạn từ 12 tháng - 60 tháng	Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh lãi suất, điều chỉnh theo từng thời kỳ	Tài trợ chi phí thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023"	Toàn bộ tài sản bao gồm cả tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 13)		
(7)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Từ 5 năm đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5,525% - 6,4%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (quy mô 1320 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 34 tỉnh/thành phố)"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11 - Phụ lục 02 và Thuyết minh 13)		

		01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel							
Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội							
Phụ lục 03 : VAY							
Vay ngắn hạn							
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(1)	849.994.540.042	849.994.540.042	2.849.017.305.647	2.146.284.909.928	1.552.726.935.761	1.552.726.935.761
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(2)	362.682.250.825	362.682.250.825	588.029.988.760	527.010.345.753	423.701.873.832	423.701.873.832
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	(3)	85.971.859.543	85.971.859.543	713.597.425.899	426.725.099.235	372.844.186.207	372.844.186.207
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	(4)	158.073.631.211	158.073.631.211	850.698.810.291	949.282.696.477	59.489.775.025	59.489.775.025
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	(5)	-	-	204.688.557.087	-	204.688.557.087	204.688.557.087
		202.111.402.792	202.111.402.792	492.002.543.610	-	492.002.543.610	492.002.543.610
		(243.266.798.463)	(243.266.798.463)	-	243.266.798.463	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả		202.111.402.792	202.111.402.792	212.057.340.100	206.575.305.248	207.593.437.644	207.593.437.644
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(6)	45.690.892.988	45.690.892.988	51.252.536.156	45.690.892.988	51.252.536.156	51.252.536.156
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(7)	46.811.478.164	46.811.478.164	30.554.964.156	46.811.478.164	30.554.964.156	30.554.964.156
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(8)	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(9)	31.536.097.544	31.536.097.544	52.463.902.456	36.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	(10)	286.966.764	286.966.764	-	286.966.764	-	-
		1.052.105.942.834	1.052.105.942.834	3.061.074.645.747	2.352.860.215.176	1.760.320.373.405	1.760.320.373.405

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội		Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	
Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)			
(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 17/NQ-VCC ngày 16/04/2025, Tổng Công ty công bố phương án phân phối lợi nhuận như sau:			
	Số phần phối theo Nghị quyết VND	Số thực tế phần phối VND	Chênh lệch VND
Tổng Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	540.823.764.717	540.823.764.717	-
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	159.487.704.473	159.487.704.473	-
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	132.906.420.394	132.906.420.394	-
+ <i>Trích Quỹ thưởng cho người quản lý</i>	2.500.000.000	2.500.000.000	-
+ <i>Chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ Lợi nhuận sau thuế</i>	245.929.639.850	245.929.639.850	-
	540.823.764.717	540.823.764.717	-

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel Số 01 Giang Văn Minh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội		Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	
Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN			
Theo lĩnh vực kinh doanh			
	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động vận hành khai thác và ứng cứu thông tin VND	Hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.763.834.944.490	6.257.160.419.782	1.905.272.337.812
Giá vốn hàng bán	4.502.665.137.792	5.908.094.585.669	1.807.546.388.741
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	261.169.806.698	349.065.834.113	97.725.969.071
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư của các bộ phận	-	11.973.864.586	-
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư không phần bổ	-	-	223.899.499.651
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	11.973.864.586	-
Tài sản bộ phận	1.895.256.976.363	1.168.607.743.855	1.168.271.299.678
Tài sản không phần bổ	1.625.508.659.100	403.824.695.948	46.510.629.816
Tổng tài sản	1.695.256.976.363	1.168.607.743.855	1.641.842.709.657
Nợ phải trả của các bộ phận	1.625.508.659.100	403.824.695.948	46.510.629.816
Nợ phải trả không phần bổ	1.625.508.659.100	403.824.695.948	46.510.629.816
Tổng nợ phải trả	1.625.508.659.100	403.824.695.948	1.181.342.022.555
Theo khu vực địa lý			
	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.750.545.037.339	2.188.972.231.803	13.939.517.269.142
Tổng tài sản	7.881.033.789.254	304.511.065.415	8.185.544.854.669
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	242.236.635.309	-	242.236.635.309

viettel
construction



Địa chỉ: Số 6 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1800 9377

E-mail: congtrinhviettel@viettel.com.vn

Website: www.viettelconstruction.com

Mã số doanh nghiệp: 0104753865 do Sở Kế hoạch và
Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/6/2010